

Số 244

VĂN HÓA

P H Â T G I Á O

Hoa súng
sau chùa

Tr. 23

Thế giới
vàng rỗng

Tr. 18

Điềm lành
tối thương

Tr. 14





ỐNG NHỰA HOA SEN
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



ỐNG NHỰA HOA SEN
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



CAM KẾT BẮN

- ĐÚNG GIÁ
- ĐÚNG TIÊU CHUẨN
- ĐÚNG CHẤT LƯỢNG
- ĐƯỢC BẢO HÀNH

TỔNG ĐÀI TƯ VẤN KHÁCH HÀNG
www.hoasengroup.vn

 **1800 1515**
Miễn phí cuộc gọi

A GLOBAL GROWTH
COMPANY OF THE WORLD
ECONOMIC FORUM

EUROMONEY
ASIA BEST MANAGED
COMPANY
2014





Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN Mẫn

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngõ Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản:
1131297 Ngân hàng VP Bank,
Chi nhánh TP.HCM
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Những nhiệm vụ cấp bách (Nguyễn Cẩn)	4
Minh Đức Triều Tâm Ảnh: Thi sĩ của những giả hợp (Lê Huỳnh Lâm)	8
Làm mẹ với tấm lòng của Phật (Sanitsuda Ekachai; Hoang Phong dịch)	10
Điểm lành tối thượng (Nguyễn Chơn)	14
Thế giới vàng ròng (Nguyễn Thế Đăng)	18
Ta thấy ta ta thấy Phật (Nguyễn Hữu Đức)	20
Giá trị cuộc sống - mỗi ngày năm phút (Thích Hạnh Tuệ)	22
Hoa súng sau chùa (Nguyễn Duy Tuệ)	23
Đức Phật của tôi (Văn Hóa Phật Giáo)	24
Đức Phật Mẫu Hoàng Thiên (Nguyễn Đức Quỳnh)	25
Lăng mộ tổ nghề kim hoàn Việt Nam (Trần Văn Dũng)	28
Có hay không một hiệp ước thương mại bị bỏ lỡ? (Tôn Thất Thọ)	32
Nghĩ về lễ hiến sinh (Bùi Trường Trí)	35
Sợ đói ba ngày Tết (Lê Hải Đăng)	36
Ngày xuân tản mạn chuyện tất niên (Phan Nam)	38
Tết đang vào nhà (Nguyễn Thanh Vũ)	40
Chim sẻ... (Cao Huy Tấn)	42
Những cây hoa tím xuân (Vũ Huế)	43
Chuyện tập xe của mẹ (Quyển Văn)	44
Ngoài đồng hoa cải đồng đưa (Trần Nguyên Hạnh)	45
Hoa muống biển (Thanh Ngân)	46
Mưa quê (Bùi Sỹ Căn)	48
Thơ (Trường Khánh, Lê Nghi, Phạm Ánh, Tịnh Bình, Phan Thành Minh, Trà Kim Long)	50
Người đi nhặt vì sao (Phạm Thị Rơn)	52
Mai anh đào - ngọn lửa thiêng cho Đà Lạt (Nguyễn Thánh Ngã)	54
Hỏi đáp (Bàng Ấn)	56

Bìa 1: Hoa súng sau chùa. Ảnh: Mai Phương Nam

Thư tòa soạn

Văn Hoá Phật Giáo số 244 này là số Tân niên Bính Thân, phát hành ngày 1/3/2016, trễ hơn các tạp chí khác khoảng 15 ngày; nhưng đối với chúng tôi, thời điểm phát hành số báo này vẫn không phải là chậm, vì VHPG số Xuân là số đôi (242 - 243), tòa soạn nghỉ Tết 15 ngày và số Tân niên vẫn phát hành vào thời điểm này như mọi năm.

Dù là ngày đầu tháng Ba, nay vẫn là tháng Mạnh xuân, sức sống của muôn loài đang vươn lên mạnh mẽ, chúng tôi xin chúc quý độc giả một năm an vui hạnh phúc, hanh thông mọi sự và xin hứa sẽ cố gắng nhiều hơn trong việc phục vụ quý vị.

Xin quý độc giả chung vui cùng chúng tôi về việc số báo Xuân vừa qua đã được in và phát hành nhiều hơn thường lệ 3.000 bản và đã được tiêu thụ gần như toàn bộ. Mong sao cứ đà phát triển này thì trong năm nay cũng như những năm tới khó khăn về tài chánh của chúng tôi sẽ được giảm thiểu. Kính mong chư độc giả tiếp tục ủng hộ Tạp chí VHPG, giúp đỡ, đóng góp ý kiến xây dựng để tạp chí ngày thêm khởi sắc. Trong thời buổi hiện tại, số người đọc sách báo giảm thiểu đáng kể, các tạp chí, tập san, các nhà phát hành sách đều gặp nhiều khó khăn, việc giữ cho tạp chí VHPG tồn tại cũng không dễ dàng; tuy vậy, chúng tôi vẫn tin vào sự gia hộ của Tam bảo, của Long thần Hộ pháp và sự ưu ái của chư độc giả đối với tạp chí này.

Nhân đây, chúng tôi xin chân thành cảm ơn quý độc giả đã gửi lời chúc, quà tặng hoặc đến thăm hỏi chúng tôi trong những ngày cận Tết Bính Thân vừa qua. Đây là một khích lệ đầy ý nghĩa cho chúng tôi trong hoạt động truyền thông văn hoá, góp phần xây dựng một xã hội an vui, hiền thiện phù hợp với giáo lý của Đức Phật.

Xin chân thành kính chúc quý độc giả vạn sự như ý.

Văn Hóa Phật Giáo



Này các Tỳ-kheo, có năm loại bố thí xứng bậc chân nhân: Có cung kính, có suy nghĩ, tự tay mình, đồ vật không quăng bỏ, có nghĩ đến tương lai.

*Kinh Tăng Chi Bộ -
chương Năm pháp*



Những nhiệm vụ cấp bách

NGUYỄN CẦN

Sau Đại hội Đảng lần thứ XII, người dân đang chờ đợi: *Những thay đổi nào sẽ diễn ra nhằm đưa đất nước đi lên; điều mà có người đã băn khoăn rằng liệu con tàu quốc gia có chạy về phía hoàng hôn hay không.* Câu trả lời trên báo *Lao Động* số ra ngày 9/2/2016 thể hiện một sự kỳ vọng tích cực: “Nhiệm kỳ 2016 xuất hiện nhiều chân dung lãnh đạo trẻ, gợi nguồn cảm hứng đối với cộng đồng và tạo niềm tin trong lòng dân chúng về một khao khát cải cách chân thành... Cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam hy vọng và chờ đợi được tiếp sức bằng những chính sách có giá trị cạnh tranh và hội nhập. Con tàu quốc gia không lái theo tư duy nhiệm kỳ để chạy về phía hoàng hôn, mà tiến về phía trước với tốc độ nhanh nhất trên đường ray “thể chế” đã được cải cách ở trình độ văn minh” (*Con tàu quốc gia không chạy về phía hoàng hôn*, Lê Thanh Phong - báo *Lao Động* ngày 9 tháng 2, 2016).

Thay đổi thể chế

Những việc cần làm và còn phải làm vẫn ngổn ngang trăm mối, khá nhiều nút rối nhưng cũng là những nút thắt cần phải tháo gỡ. Nhiều người trong hàng ngũ lãnh đạo cũng đã nhìn thấy, nêu vấn đề và kêu gọi thực hiện ngay. Ông Võ Viết Thanh, nguyên Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP.HCM phát biểu: *“Tôi cho rằng dân chủ là nút thắt cần phải mở để có lối thoát cho mọi vấn đề. Tham nhũng là một ví dụ. Chính việc công khai, minh bạch mọi khâu, mọi chuyện trên cơ sở dân chủ sẽ triệt tiêu những mầm mống, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tham nhũng... Hai là làm rõ những lý thuyết mơ hồ. Tôi mong muốn những lý thuyết giáo điều, lạc hậu sẽ được dứt khoát cởi bỏ, không còn là những lực cản trên đường phát triển của đất nước... Ví dụ như chúng ta hay nói kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phạm trù xã hội chủ nghĩa ở đây có ý nghĩa, đặc thù như thế nào cần được làm rõ nội hàm và được giải thích cặn kẽ. Chúng ta thật sự chưa có một nền kinh tế thị trường đầy đủ”.*



Chúng ta có thể thấy, việc đầu tiên là phải thay đổi ngay thể chế hay cơ chế.

Theo Bộ trưởng Bùi Quang Vinh, trong giai đoạn tới, việc đổi mới hệ thống chính trị đồng bộ với đổi mới về kinh tế là yêu cầu hết sức cấp bách. Kiên quyết đổi mới cơ cấu tổ chức, chức năng hoạt động của bộ máy Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị để hoạt động hiệu quả hơn, thực chất hơn. Đây là nhân tố tiên quyết, quan trọng nhất cho đổi mới tiếp theo... Có lẽ ít ai biết rằng vào đầu thế kỷ XIX, cụ thể là năm 1820, Việt Nam đã có vị thế đáng nể trong khu vực về dân số và cả quy mô kinh tế, lớn hơn cả Philippines và Myanmar cộng lại, gấp hơn 1,5 lần Thái Lan, thu nhập bình quân đầu người khi đó xấp xỉ bình quân đầu người thế giới. Còn hiện nay, thu nhập bình quân đầu người của ta chỉ bằng chưa đến 1/5 mức trung bình của thế giới, bằng 1/3 Thái Lan.

Việc thay đổi thể chế còn nằm ở chỗ thay đổi tinh thần thực hiện. Mọi thể chế chỉ có ý nghĩa khi có thể giải trình được, nâng cao tính trách nhiệm và sự minh bạch.

Tất nhiên, ra nhiều luật mới như luật đầu tư công hay đề ra cơ chế mới là điều cần thiết; nhưng hiệu quả bao nhiêu là do chúng ta thực thi đến đâu, chứ còn luật ra không ai làm theo thì cũng bó tay. Nhưng trước hết, những nhà lãnh đạo phải mạnh dạn thay đổi thể chế, giải phóng sức sáng tạo và năng lực toàn dân. Ngày nào còn những cơ chế ràng buộc, những loại giấy phép con không cần thiết, chỉ tạo điều kiện cho những nhiều, hạch sách, tùy theo sự vận dụng “linh hoạt” của những kẻ có quyền lực trong tay thì chúng ta còn phải chịu cảnh doanh nghiệp làm ra một đồng, chi phí đến 40 xu, không còn nguồn lực cho tái sản xuất hay đầu tư nữa! Những thách thức khi gia nhập TPP buộc chúng ta cần không thể trì hoãn lâu hơn nữa.

Tinh giản đội ngũ công chức

Một vấn đề cấp bách thứ hai là việc tinh giản đội ngũ công chức. Chúng ta hãy nhớ Tinh và Giản nghĩa là phải sàng lọc, tuyển chọn, giảm bớt nhưng phải đảm bảo phẩm chất hoạt động của đội ngũ. Tình hình hiện nay ra sao? Còn nhớ, trong cuộc họp trực tuyến giữa Chính phủ với các địa phương diễn ra cuối tháng 12/2015, Thủ tướng bày tỏ băn khoăn “*biên chế càng tinh giản càng phình to*”. Chỉ khi có sự sàng lọc kỹ lưỡng, có sự đánh giá minh bạch, khách quan, công bằng thì mới mong chất lượng nền hành chính công vụ được cải thiện. Gần đây, chúng ta nghe lao xao câu chuyện ở Đồng Tháp về việc công chức không rành cả những thủ tục đơn giản nhất. Theo thông tin trên *Tuổi Trẻ*, Sở Nội vụ tỉnh sát hạch 1.200 công chức thuộc năm chức danh trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính tại UBND các xã, phường. Kết quả toàn tỉnh có khoảng 20% công chức cấp xã không đạt yêu cầu, tức gần 240 người. Báo cáo của Sở Nội vụ Đồng Tháp cũng chỉ ra rằng: *Quá trình sát hạch chưa thật sự nghiêm túc, công chức còn trao đổi, sử dụng tài liệu nhiều. Nhiều người làm bài kiểm tra mang tính đối phó, Như vậy số lượng công chức chưa đạt yêu cầu có thể cao hơn 20%.*

Theo Vũ Hạnh trên VOV thì có người cho rằng tới 40% cán bộ, công chức không làm được việc, sáng cấp ô đi, tối cấp ô về. Thế nhưng, khi ngành Nội vụ vào cuộc, hàng năm các cơ quan, đoàn thể đánh giá chất lượng cán bộ, công chức thì chỉ có 1% cán bộ, công chức không hoàn thành nhiệm vụ. Vì sao chất lượng công chức cấp xã, phường lại kém như hiện nay? Có nhiều lý do để giải thích. Chúng ta vẫn nghe đây đó những câu chuyện xã nọ huyện kia, toàn họ hàng, dây mơ rễ má một ông quan nào đó. Nhưng nghĩ sao khi có đến 220.000 cử nhân, thạc sĩ thất nghiệp? Liệu không ai muốn làm công chức sao? Hay lại bắt họ “chạy” bằng cửa sau?

Tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIII, nhiều đại biểu nhấn mạnh, cần đưa ra khỏi hệ thống ăn lương nhà nước những người không đáp ứng được yêu cầu công việc, tiết kiệm, giảm chi thường xuyên, cải cách chính sách tiền

lương. Nhưng trong thực tiễn công tác, đại biểu Nguyễn Văn Minh cho biết hiện nay hầu như không có đơn vị nào đề nghị giảm biên chế, mà đều đề nghị tăng. Đơn vị nào cũng nói quá tải, quá nhiều việc. Lại một lần nữa, tính giải trình và tính minh bạch cần phải đề cao ở đây.

Một điều hết sức quan trọng là: Cải cách hành chính trước hết phải “cải cách” đạo đức công chức, không những bao hàm ý nghĩa cải thiện mà thậm chí “cải tạo” lại phẩm chất của họ. Người dân mong muốn công chức phải thực sự có tài và có đức.

Bà Nguyễn Thị Cúc - Chủ tịch Hội Tư vấn Thuế Việt Nam khẳng định: “Chúng ta đã nói rất nhiều về trách nhiệm phục vụ nhân dân của tổ chức bộ máy nhà nước và công chức trong bộ máy đó. Song sự chuyển biến trong nhận thức, đạo đức của đội ngũ cán bộ công chức chưa đáng kể. Vẫn còn nhiều cán bộ công chức không đặt mình ở vị trí phục vụ nhân dân mà vẫn còn tâm lý quản lý, cai trị. Từ đó, họ có những hành vi những nhiều nhân dân, vi phạm những nguyên tắc khi thi hành công vụ”.

Chúng ta đều biết đạo đức công vụ là điểm tựa, là nền tảng cho việc xây dựng đạo đức xã hội và nhà nước pháp quyền. Nếu cán bộ công chức yếu kém, sa sút về đạo đức thì không thể xây dựng được một xã hội tôn trọng pháp luật vì mọi chuyện đều có thể xử lý lệch lạc theo cảm tính hoặc theo cách phi pháp như hối lộ. Một vụ việc cụ thể như vừa qua cho thấy nhiều vấn đề và nhiều kẻ hở trong quản lý cán bộ công chức. Ông Nguyễn Tường Duy, công chức hải quan thuộc Đội Kiểm soát Hải quan (Đội chống buôn lậu) thuộc Cục Hải quan TP.HCM vừa bị Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an bắt cuối tháng 12/2015 về hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Điều đáng nói là ông Duy từng là cán bộ hải quan thuộc Cục Hải quan tỉnh An Giang. Năm 1991, lúc công tác ở đội kiểm soát của Cục, do sai phạm trong khâu kiểm soát hàng hóa nên ông Duy và một số cán bộ liên quan bị buộc thôi việc. Không hiểu tại sao ông lại được chuyển công tác lên TP.HCM, tiếp tục công tác tại Chi cục Hải quan Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, sau đó về đội chống buôn lậu phục vụ tới bây giờ. Khám xét nơi ở của ông Duy, cơ quan an ninh đã thu giữ

nhiều phong bì trong một tuần lễ ông đi công tác chưa kịp mở ra; tổng số tiền trong các phong bì đó đã lên đến gần một tỉ đồng! Thông tin ban đầu cho biết lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao, ông Duy đã tích cực “làm khó” các doanh nghiệp, buộc họ phải chung chi.

Mới đây, ông Đậu Anh Tuấn, Trưởng ban Pháp chế Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), cho hay một thông tin đáng chú ý là có 28% doanh nghiệp được hỏi đã cho biết họ phải trả thêm một số khoản chi phí không chính thức khi thực hiện thủ tục hải quan. Trong khi đó, tỉ lệ doanh nghiệp trả lời là phải trả chi phí đen năm 2013 và 2012 là 49% và 57%. Dù số doanh nghiệp phải trả chi phí đen năm 2015 có thấp hơn các năm trước nhưng tình trạng này vẫn khiến cộng đồng doanh nghiệp rất bức xúc. Và đứng đầu danh sách này là Cục Hải quan TP.HCM khi 53,35% doanh nghiệp cho biết đã phải trả chi phí không chính thức ở đây (Thực tế thì con số sẽ rất cao nếu các doanh nghiệp không ngại ngần khi trả lời).

Người ta cũng bàn về việc một số tỉnh đang thực hiện thí điểm dự án M Score, thẻ đánh giá chất lượng dịch vụ công qua điện thoại. Việc chấm điểm, nhận xét, hay đánh giá chất lượng dịch vụ công đều hướng tới mục đích là để hình ảnh cán bộ công chức đẹp lên.

Trong tác phẩm “Việt Nam - Hành trình đi đến phồn vinh”, tác giả Vũ Minh Khương đã nhấn mạnh những thách thức đối với chúng ta là xây dựng và kiến tạo phát triển, trong đó chất lượng thể chế và nguyên tắc thị trường là hai động lực căn bản tương tác với nhau tạo nên sức phát triển lâu bền của một quốc gia. Chúng ta đang chứng kiến hình như đội ngũ lãnh đạo những năm qua có vẻ bằng lòng với mô thức nhà nước đối phó xoay xở, né tránh những đòi hỏi bức bách nâng cao chất lượng thể chế, để rồi bận rộn với những giải quyết sự vụ, sa lầy vào các dự án lớn nhưng chưa cần thiết, tốn kém, dàn trải, bởi tầm nhìn ngắn hạn và sự thao túng và vụ lợi của các nhóm lợi ích. Tác giả cũng trình bày Bản mô tả các quốc gia đã thành công trong xây dựng nhà nước kiến tạo và phát triển ở Đông Á và Đông Nam Á tiêu biểu là Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore.

	Đặc điểm	Kiến tạo phát triển	Cải trị hủ bại
1	Tuyển dụng cán bộ vào cơ quan nhà nước	Thực sự minh bạch và cạnh tranh	Thiếu minh bạch, thậm chí tùy tiện
2	Tiêu chuẩn lựa chọn và đề bạt	Coi trọng hiền tài	Con ông cháu cha, phe cánh
3	Hoạch định và phối hợp chiến lược phát triển	Lập cơ quan hoạch định và phối hợp chiến lược phát triển với những cán bộ ưu tú và trách nhiệm đặc biệt	Mơ hồ, không có cơ quan thực sự chịu trách nhiệm
4	Hợp tác giữa nhà nước và tư nhân	Chặt chẽ-gắn bó	Lông lẻo-nghi kỵ, thiếu chiều sâu và tầm chiến lược
5	Luật chơi trên thị trường	Rõ ràng và nghiêm minh	Thiếu nhất quán giữa văn bản và thực hiện thiên vị các nhóm lợi ích



Trong bài này, chúng ta chưa phân tích sâu về những trụ cột cho phát triển kinh tế như bền vững về môi trường hay tăng năng suất khi năng suất chúng ta vào loại thấp nhất khu vực và châu lục; cũng như chưa phân tích một trụ cột khác là công bằng trong hội nhập xã hội, hay bình đẳng cho mọi người, vốn là tính ưu việt xã hội chủ nghĩa mà chúng ta thường nói, nhưng thiếu hành động thiết thực.

Nhưng chúng ta có thể nói đến trụ cột thứ ba, là nâng cao năng lực và trách nhiệm giải trình của Nhà nước. Vấn đề của mọi vấn đề là các tổ chức chính quyền và Đảng ở mọi cấp thật sự quyết tâm, thật sự làm đúng tinh thần “cẩn kiệm liêm chính, chí công vô tư”, và là “người đẩy tớ thật trung thành của nhân dân” thì sẽ giải quyết được việc thực thi mọi quyết sách. Trong các báo cáo hay các văn kiện trước, trong, và sau Đại hội, chúng ta thường thấy những câu như: *“Cần nghiêm túc phân tích thật sâu sắc những nguyên nhân chủ quan, chỉ ra những căn bệnh gốc rễ như: do không thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện, mang nặng chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội thực dụng; buông lỏng các nguyên tắc tổ chức; quan liêu, xa dân, thiếu gần gũi mật thiết với nhân dân; việc tổ chức thực hiện nghị quyết không đến nơi đến chốn, nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít; kỷ cương, kỷ luật không nghiêm. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tệ tham nhũng, lãng phí, hư hỏng trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả ở cấp cao, chưa được đẩy lùi mà thậm chí ngày càng có chiều hướng nghiêm trọng hơn, làm xói mòn lòng tin đối với Đảng”*.

Thế nên, nói như một số nhà lãnh đạo, cắt bỏ ung nhọt ngay trong cơ thể mình là điều đau đớn, nhưng đã là “trọng bệnh”, đã thành “quốc nạn”, không lẽ “bỏ tay chờ chết?”.

Theo Tổng Bí thư, những việc cần và có thể làm ngay là từng cán bộ, đảng viên, trước hết kể cả ủy viên Trung ương, ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư tự giác, gương mẫu tự phê bình, kiểm điểm, nhìn lại mình, tự điều chỉnh mình, cái gì tốt thì phát huy, cái gì xấu thì tự gột rửa, tự sửa mình; cảnh giác trước mọi cám dỗ về danh lợi, vật chất, tiền tài, tránh rơi vào vũng bùn của chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, tệ hại...

Chúng ta nhớ rằng mục đích của đạo đức phải chăng là nhằm đem lại hạnh phúc cho con người và đó cũng là nền tảng đạo đức Phật giáo, vốn ra đời từ thực tiễn đời sống, mang giá trị phổ quát và thiết thực. Một ông ủy viên trung ương, một đảng viên, hay một người Phật tử giữ gìn giới luật không phải là tuân thủ những giáo điều khô cứng mà

giữ gìn giới luật là nhằm hướng thượng hành vi của mình, thanh lọc thân tâm, khiến họ nhận ra giá trị đích thực hành động của mình và định hướng cuộc đời mình. Từ đó, mang đến niềm vui, tin yêu và hy vọng không chỉ cho mình và cho tha nhân, quần chúng, cộng đồng.

Nền tảng đạo đức Phật giáo trên phương diện giới luật là Năm giới của nhà Phật và Thập thiện giới. Giữ được năm giới này coi như đã an định được xã hội. Những tội ác gây ra của con người đều là do không tuân thủ năm giới này. Từ chuyện giết người, cướp của, ngoại tình đến tham ô hối lộ, cá nhân chủ nghĩa... Họ không thể có an lạc trong lòng mình, làm sao đem lại hạnh phúc cho người khác được? Nói về năm giới, một học giả Tây phương nhận định: *“Năm giới này cho thấy năm hướng chính mà người Phật tử tự mình kiểm soát (hành trì) để tri hành. Đó là giới thứ nhất răn người Phật tử kiểm chế nóng giận, giới thứ hai kiểm chế tham đắm vật chất, giới thứ ba kiểm chế nhục dục, giới thứ tư kiểm chế sự khiếp nhược và ác ý (nguyên nhân không chân thật) và giới thứ năm kiểm chế lòng ham muốn các sự kích thích như bản”*. Trong kinh Tăng Chi Phật dạy: *“Này các Tỳ-kheo, sát sinh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận và tà kiến, đây gọi là phi pháp và phi mục đích”*. Do đó, đạo đức Phật giáo hướng dẫn con người tu tập hoàn thiện bản thân, xây dựng đạo đức xã hội chú trọng đến tâm nhiều hơn là thân.

Tóm lại, ba nghiệp thanh tịnh là góp phần làm cho xã hội thanh tịnh. Sự an lạc của xã hội tùy thuộc vào sự an lạc của tâm chúng ta. Xã hội này có đạo đức hay không là tùy thuộc mỗi chúng ta có hành trì giới luật hay không mà thôi. Khi những nhà lãnh đạo “tự gột rửa”, họ sẽ tán thành việc thay đổi thể chế nhằm phát huy dân chủ, đổi mới, tinh giản đội ngũ cán bộ... nhằm loại bớt những kẻ hoặc thiếu năng lực, hoặc kém phẩm chất ra khỏi hàng ngũ. Sau đó mới đến việc xây dựng cơ chế giám sát, hệ thống kiểm tra vì mọi cơ chế, hệ thống đều không hiệu quả nếu những kẻ thực hiện “cố ý” hay vô tình làm trái vì động cơ cá nhân hay vì năng lực yếu kém...

Tổng Bí thư cho rằng: *xây dựng, chỉnh đốn Đảng là công việc rất khó, rất phức tạp và liên quan đến xây dựng tổ chức, xây dựng con người, là công tác con người, dễ đụng chạm đến danh dự, lợi ích, quan hệ của con người. Khó nhưng không thể không làm, vì nó liên quan đến sinh mệnh của Đảng và sự tồn vong của chế độ*.

Đúng như vậy thật! ■

Minh Đức Triều Tâm Ảnh

Thi sĩ của những giả hợp

LÊ HUỲNH LÂM

Minh Đức Triều Tâm Ảnh là bút hiệu của Tỳ-kheo Giới Đức, một trong những hàng cao tăng của Phật giáo Nguyên thủy ở Huế. Ông cũng là người khai lập Huyền Không Sơn Thượng trên hòn Vượn ở phía Tây thành phố Huế. Ngoài tu học và giảng Phật pháp, ông còn viết văn, làm thơ và viết thư pháp, tạo vườn cảnh phong thủy hữu tình... Năm 2011 ông âm thầm chia tay với thi ca bằng tuyển tập bốn cuốn thơ với tựa đề *"Bụi, Trăng và Lửa"* do Nhà xuất bản Văn Học ấn hành. Tôi không quan tâm đến lý do một thi sĩ ly khai thơ. Bởi với tôi, thơ và người thơ không phải là câu chữ, càng không phải là những mảnh giấy được công nhận bởi tổ chức nào đó. Vì thơ là dòng xúc

cảm, sự cảm nhận của con người với thế giới quan bên ngoài, hoặc có thể là cơn rạo rực từ bên trong mỗi cá thể. Thế giới của thơ là sự bí mật của những cá nhân đơn độc, chỉ có thể chia sẻ điều đó cho những tâm hồn đồng điệu.

Khi cầm trên tay bộ sách *"Bụi, Trăng và Lửa"* do thi sĩ Minh Đức Triều Tâm Ảnh ký tặng cùng với lời nhắn tràn ngập nỗi tiếc "Thơ ơi! Xin giã biệt người!". Tôi cảm động nhưng vẫn không tin con người đó có thể giã biệt toàn diện theo đúng tinh thần Thiền. Sự giã biệt thơ, không phải là không làm thơ, không viết thơ, không in thơ. Theo tôi, sự giã biệt chính là tinh thần đoạn diệt bên trong của tác giả.

Trở lại với những dòng thơ giả hợp của thi sĩ Minh



Nguồn: thuvienhoasen.org

Đức Triều Tâm Ảnh, tôi xin được bắt đầu với bài *“Lộ trình đen hay lộ trình mây”* để tặng Phạm Công Thiện, Rimbaud và Nietzsche được viết cách đây bốn mươi năm (1976). Chúng ta đều biết mây là một giả hợp được tạo ra từ nước, chỉ với một câu *“Có khi nào vĩnh cửu ngự trên mây!”* nhà sư nhà thơ đã nêu ra một câu hỏi khẳng định, vì cuối câu là một dấu chấm than. Câu thơ phá tan sự hoài nghi, đi thẳng vào trung tâm của vấn đề giả hợp giữa cái trường tồn và cái giả tạm. Sự vĩnh cửu ngự trên cõi giả tạm, chúng ta nhận ra ngay sự phi lý của logic. Chỉ một câu thơ như thế, tôi tin rằng nếu Rimbaud hay Nietzsche hay Phạm Công Thiện tinh mộng sẽ bay về “đỉnh cô phong” để bắt tay cùng thi sĩ. Trong bài *“Cảm tạ và đóng đinh”* để tặng Nikos Kazantzakis với tác phẩm *“Xin chọn người yêu làm thượng đế”*, thi sĩ đã cảm nhận thực tại như một sự thất bại toàn diện qua hai câu thơ:

*Hiện hữu nào không là những thân ma
Hiện hữu nào không nhân danh vĩnh cửu.*

Hai câu thơ đó một lần nữa khẳng định sự giả hợp của thực tại, của hiện hữu.

Đọc thơ Triều Tâm Ảnh chợt nhận ra khí thơ của tráng sĩ ẩn sâu trong những câu chữ, với nhịp điệu của kẻ lên đường cùng lưỡi kiếm xanh. Ngôn ngữ của ẩn sĩ mà sao chứa chan tình người với nhiều hình ảnh và âm thanh của bụi trần.

“Bày tỏ II” là bài thơ rất thật của một tâm hồn lưu vong ngay trên quê xứ mình qua câu thơ:

*Tôi chẳng biết nơi nao là quán trọ
Kiếp vốn tha hương, cố quận bao giờ?”*

Sự độc thoại nội tâm hay cuộc bày tỏ với chính mình để cuối cùng thi nhân tiết lộ:

*Để biết mình không là gì cả
Xin một đời rêu cỏ an tri!*

Thi nhân cũng là tu sĩ đối diện với tâm không, vậy mà cõi lòng luôn hướng về phía trần gian, cho dù chỉ một hạt bụi, một vi trần cũng đã đồng hành cái có:

*Tôi chẳng có gì để lại cho em
Khi tôi phải xác thân
Như phải một hạt bụi rơi.*

Có ai ngờ ngôn ngữ của thi nhân ở nơi heo hút miền sơn cước nhưng chứa đầy thi tính, hùng hực một hạo khí của sự chuyển động bên trong để bộc phát ra thứ ảo giác tiệm cận với sự thật của hiện hữu. Ngôn từ uyên bác và thâm sâu trong thơ của nhà sư đã thể hiện phần nào sự tỏ ngộ của một người con Phật.

*Vì giác ngộ, lòng ta cơn gió lạ
Thổi lồng bóng, gác vắng với hiên khuya
Ta lất phất, thói đời cùng thói đạo
Rõ lắm rồi, cỏ rác cũng se sua!*

Những ngọn núi trong thơ Triều Tâm Ảnh là đỉnh cao cheo leo trong thế giới tâm, chỉ những tâm hồn cô đơn tận cùng mới trực diện và cảm nghiệm được ngọn núi tâm thiêng liêng ấy. Câu thơ *“Mai mốt đi về, tắt thủy hỏa thành trăng!”* trong bài *“Bụi, Trăng và Lửa”* lại một lần nữa khẳng định sự giả hợp mà tác giả đã cảm nghiệm suốt cuộc di trú của dòng tâm. Chúng ta đều biết rằng trăng là một giả tượng do nhiều yếu tố tạo thành, cơn mộng đẹp của vũ trụ giúp con người nhận ra đóa hoa của đêm đã giúp thế giới này giảm phần nào tâm tối, nhưng cái đẹp của sự vĩnh cửu tương đối đó chưa đủ mạnh để thức tỉnh những cơn cuồng loạn của nhân loại. Từ giả hợp của sự vật đến giả hợp của tâm tưởng qua cuộc cảm nghiệm sâu sắc của thi sĩ Triều Tâm Ảnh, người thơ đã gửi gắm hơi thở của mình quyện vào dòng đạo hạnh hằng mong gửi chút lực từ bi vào cuộc xoay chuyển uyên nguyên của đại cuộc trước bờ vực hư vô.

Thơ của Triều Tâm Ảnh thi sĩ chính là hóa thân của đạo, của sự chuyển động ở tầng thâm sâu giữa mộng và thực, giữa hiện hữu và ẩn mật,... tất cả những gì mà ngôn từ tỏ về chỉ là một giả hợp, hơn ai hết, thi sĩ, tu sĩ ở hòn Vượn là người cảm nghiệm rõ nhất về vô ngã, về giả tượng và giả hợp. Cho dù đó là Thiên tông, Tịnh Độ tông, Đại thừa, hiện đại hay nguyên thủy, Ấn giáo hay Hồi giáo, Ki-tô giáo hay Mật giáo,... tất cả chỉ là bề mặt của ngôn từ, là cái bên ngoài cuộc mộng, với Phật giáo thực tướng của vạn vật là vấn đề cốt lõi, nhưng thực tướng là gì? Khi mà lý thuyết vô ngã xuyên suốt trong chiều dài của Phật giáo. Vậy, có thể hiểu *“Bụi, Trăng và Lửa”* chính là các giả hợp, vì mỗi hạt bụi như hoa đốm, chứa cả thế giới vật chất và ngược lại, cũng như vậy trăng chỉ là sự phản chiếu của ánh sáng mặt trời và lửa ở nghĩa đen và cả nghĩa bóng khi rực cháy khi là tàn tro lạnh lẽo, có đó cũng không đó chỉ là giả hợp của vật chất và nhờ khí oxy để cháy. Hai câu thơ trong bài thơ *“Bày tỏ IV”* cho người đọc cảm được tâm của một nghệ sĩ, tu sĩ luôn hướng về phía chân trời của đạo, cho dù biết rằng sẽ đối diện với niềm cô đơn cùng cực và sự vây khốn của thế giới tâm đầy biến loạn, khi khởi lên ý niệm phân biệt:

*Ta quỳ xuống, hoang vu niềm khổ lụy
Gặp trăm đời trong nửa niệm phân ly!*

Thế giới thi ca của thi sĩ Minh Đức Triều Tâm Ảnh hay có thể gọi hồn thơ của tu sĩ Giới Đức là những câu chữ xô đẩy đến đỉnh trời của vô tính, nhưng lại thấm đẫm tình người. Tình yêu của những bước chân dẫn thân vào con đường xa hút hình bóng cõi nhân tình thế thái. Phải chăng đó là trạng thái phân thân giữa thơ và thiền, giữa trần gian và cõi đạo, để thi nhân phải dứt khoát đoạn tuyệt thế giới của thi ca, chỉ vì:

Lửa và bụi lần la hai bờ giấy

...

Trăng thi thiết đã quên lòng giếng cũ. ■

Làm mẹ với tấm lòng của Phật

SANITSUDA EKACHAI
HOANG PHONG dịch

Nuôi nấng một đứa con là cả một sự hy sinh thiêng liêng, một tấm gương phản ánh lòng vị tha. “*Hãy làm cho hạt giống nở hoa tại nơi mà mình gieo xuống*”, đây là câu châm ngôn của bà Jacqueline Kramer. Bà luôn tin rằng bất cứ một người mẹ nào cũng có thể đạt được giấc ngộ trong gian bếp của mình, dù phải nấu ăn hay rửa bát.

Bà là tác giả của quyển sách “*Buddha Mom*” (Người mẹ Phật) nêu lên việc tu tập tâm linh và nuôi nấng con cái. Bà đọc được câu châm ngôn trên đây từ một tấm bích chương trong khi tham dự một khóa ẩn cư cách nay đã nhiều năm.

“*Tôi nghĩ rằng chẳng cần đi đâu xa, cũng chẳng cần phải theo học các khóa luyện tập với các kỹ thuật kỳ quái và lạ lùng, tôi cũng có thể đạt được giấc ngộ nơi mà tôi đang hiện hữu, ngay trong lúc này, bằng cách cứ đảm đang vai trò làm mẹ và quán xuyến công việc nội trợ trong gia đình*”.

Tinh mẫu tử thường được mọi người đề cao chẳng qua cũng chỉ là để che đậy các ước vọng riêng tư của người phụ nữ mà thôi. Quán xuyến gia đình và dọn

đẹp nhà cửa thường được xem là các công việc tầm thường, phản ánh sự tụt phục và yếu kém của người phụ nữ. Thế nhưng đối với bà J. Kramer thì việc nuôi nấng con cái là cả một sự tu tập tâm linh thật tuyệt vời.

Bà cho biết: “*Tinh mẫu tử cũng có thể ví như một chiếc bình tuyệt đẹp chứa đựng đạo đức mà tất cả chúng ta đều cần đến trong việc tu tập tâm linh của mình. Nếu các nam và nữ tu sĩ thuộc các tín ngưỡng khác nhau dốc lòng phát huy tình thương yêu vô điều kiện, tham gia vào các công tác bất vụ lợi, khơi động lòng nhiệt huyết, niềm hân hoan vì hạnh phúc của kẻ khác, cũng như khả năng buông xả của mình, thì trên thực tế cũng chẳng khác gì như một người mẹ thực thi bổn phận mình trong cuộc sống thường nhật*”.

Nếu một người mẹ, dù phải xả thân nuôi nấng con cái, nhưng đồng thời biết phát huy một tâm linh tỉnh thức - có nghĩa là thường xuyên quán thấy được tất cả mọi sự vật đều hiện ra và biến đi một cách thật tự nhiên, và không để mình bị lôi cuốn bởi sự trôi sụp của xúc cảm - thì nhất định sẽ thực hiện được nhiều thăng tiến trên đường tu tập tâm linh của mình.

Bà J. Kramer là một người mẹ đơn thân, tác giả quyển sách “*Buddha Mom: The path of Mindful Mothering*” (Làm

mẹ với tấm lòng của Phật: Nuôi con bằng Con đường Tâm linh tỉnh thức), dựa vào các kinh nghiệm của chính mình và đã giúp được nhiều người mẹ khác biết áp dụng việc tu tập tâm linh vào cuộc sống của họ.

Gần đây bà J. Kramer đã được trao tặng giải thưởng “Những người phụ nữ Phật giáo phi thường” (Outstanding Buddhist Women), và bà cũng đã thiết lập được trên mạng các chương trình giảng dạy miễn phí dành cho những người mẹ mong muốn được tu tập tâm linh và tìm hiểu sâu xa hơn về giáo huấn Phật giáo, và cùng chia sẻ kinh nghiệm với nhau, tùy khả năng và thời giờ của mình.

Với mái tóc bạch kim và chiếc áo giản dị màu hồng nhạt trên người, bà J. Kramer qua đôi mắt lấp lánh phản ánh một niềm hân hoan thật tươi mát, đã thuật lại trường hợp nào đã giúp bà đến với Phật giáo và ý thức được tầm quan của thể dạng tâm linh tỉnh thức đối với một người mẹ phải nuôi con.

Bà J. Kramer cho biết mình sinh ra trong một gia đình Do Thái giáo và được may mắn có một người mẹ thật hiểu biết, cho phép mình và cả anh trai mình được tự do tìm hiểu về các vấn đề tâm linh. Chính người anh của bà là người đầu tiên giúp bà quán thấy được sức mạnh mang lại từ phép luyện tập tâm linh tỉnh thức: “Tôi nhận thấy anh tôi, sau một khóa ẩn cư, đã trở về nhà với một gương mặt rạng rỡ và thanh thản. Do đó tôi cũng muốn thử xem sao. Thế rồi một sự an bình đã hiện ra với tôi khiến tôi vô cùng kinh ngạc”.

Bà J. Kramer bắt đầu học hỏi giáo huấn Phật giáo, và nhờ đó bà ý thức được rằng thiền định không phải chỉ là một phép luyện tập nhằm mang lại sự thư giãn mà là cả một phương pháp tu tập tâm linh giúp quán triệt được quy luật vô thường của thiên nhiên hầu giúp mình vượt lên trên sự quán thấy sai lầm về ý nghĩa của cái tôi và cái của tôi. Sự quán thấy ấy mạnh đến độ khiến bà chỉ muốn xuất gia, thế nhưng vị thầy chỉ dạy bà về thiền định khuyên bà nên nêu cao tấm gương cho những người phụ nữ thế tục chủ gia đình khác trông vào, và lý tưởng đó cũng đã trở thành sứ mạng của cả đời bà.

Bà lập gia đình rồi mang thai, và lúc đó thì bà cũng đã luyện tập phép thiền định về tâm linh tỉnh thức được ba năm. Giữ tâm mình luôn trong thể dạng tỉnh thức trong từng giây phút của hiện tại là một cách giúp người phụ nữ loại bỏ được mọi sự sợ hãi và lo âu trong khi thai nghén. Dịp quan trọng nhất cho thấy hiệu quả của phép luyện tập tâm linh tỉnh thức này là lúc bà được đưa vào phòng sinh, khi các cơn đau xảy ra dồn dập và tiếp nối nhau.

Bà thuật lại rằng: “Tôi nhất thiết chỉ quan sát sự đau đớn, ý thức từng giây phút một nhưng không suy nghĩ gì cả. Tôi chỉ đơn giản cảm nhận sự đau đớn đó và chấp nhận nó. Đến lúc sinh thì một sự thư giãn và êm ái bỗng hiện ra với tôi và tôi cảm thấy rất hạnh phúc trong những giây phút của hiện tại đó”. Bà cho biết thêm: “Điều này đã giúp tôi hiểu rằng không sao tránh khỏi được sự đau

đớn, thế nhưng sự khổ đau thì lại khác; đó là một thứ gì đó thuộc vào quyền lựa chọn của chính mình”.

Phép luyện tập tâm linh tỉnh thức đã giúp bà ý thức được rằng hạnh phúc hay không đều là do mình quyết định.

Bà cho biết thêm: “Mỗi khi rơi vào tình trạng hoang mang và bất an thì phải chấp nhận tình trạng đó. Nhìn thẳng vào nó, quan sát nó, nhưng không gây chiến với nó. Hãy chấp nhận nó, theo dõi nó, nhưng không lên án nó, thì các xúc cảm sẽ tự động lắng xuống và tan biến hết một cách kỳ diệu”.

Nếu giữ được sự an trú trong từng giây phút của hiện tại trong khi đang làm bất cứ việc gì, dù là đang lật rau hay rửa bát, thì thể dạng tâm linh tỉnh thức đó sẽ tạo được một lớp không gian tách mình ra khỏi mọi sự khó khăn. Bà cho biết: “Lớp không gian đó sẽ giúp chúng ta nhìn vào mọi sự vật một cách thoải mái hơn, và từ đó các giải pháp sẽ hiện ra với mình”.

Bà quả quyết rằng việc nuôi nấng con cái phản ánh tất cả các khía cạnh của metta (lòng thương yêu, tình nhân ái), karuna (lòng từ bi, sự từ tâm), mudita (niềm hân hoan, phúc hạnh) và upekkha (sự thanh thản, buông xả). Bà cho biết: “Nuôi nấng con cái sẽ tạo ra trong lòng mình một thứ tình thương yêu bất vụ lợi. Và đây cũng là một cách làm gia tăng khả năng yêu thương của chính mình, giúp mình biết mở rộng lòng thương cảm trước những kẻ đang gặp phải khó khăn”.

Ngoài ra, niềm hân hoan mang lại khi trông thấy một đứa bé học nói, tập đi hay dần dần lớn khôn theo từng lớp tuổi - là cả một cách giúp mình ý thức được mudita là gì - hầu giúp mình hiểu được những nỗi nhọc nhằn của người mẹ trong lúc phải nuôi con từng ngày là những gì có thể chấp nhận được.

Upekkha (equanimity/thanh thản, buông xả) tức là cách nhìn mọi sự vật bằng sự thanh thản, sẽ mang lại cho mình khả năng đối phó với mọi sự tranh đấu, niềm hân hoan và tất cả các thể dạng tâm thần khác với sự buông xả rộng lớn và tình thương yêu. Bà nói rằng: “Upekkha (thanh thản, buông xả) sẽ phát sinh khi quán nhận được sự đau đớn cũng chỉ là thành phần bất khả phân của sự trưởng thành và thân phận con người (human condition). Đây chính là sự can đảm dám nhìn vào những gì mà mình không thể thay đổi được với tất cả tình thương yêu của chính mình. Sự can đảm đó là cách cứ để cho con cái mình được là như thế đúng với chúng, và chấp nhận mình không thể làm gì khác hơn được. Chúng ta chỉ có thể tạo ra một số ảnh hưởng nào đó mà thôi”.

Quá trình buông xả đó là một khía cạnh tu tập thật quan trọng trong Phật giáo. Bà J. Kramer khẳng định rằng: “Chính vì thế nên việc sinh con để cái là một cách trực tiếp bước vào con đường tâm linh”. Sự thanh thản (Upekkha) cũng nói lên một sự can đảm dám chấp nhận một thứ “tình thương thật khó” (amour dur/ tough love) mỗi khi cần đến.

Bà cho biết rằng: *“Thứ tình thương rất khó đó đòi hỏi chúng ta phải biết đứng ra ngoài và cứ để cho con cái phải chịu đựng các hậu quả mà chúng phải nhận lãnh, và mình thì không nên tham gia vào đấy, dù tận đáy tim mình vẫn xao xuyến một tình thương sâu xa”*. Dẫu đây có nghĩa là một sự hy sinh hay là thứ tình thương thật khó trên đây, thì đây cũng là cách mà một người mẹ tu hành nói lên các kinh nghiệm từng trải của riêng mình qua cuộc sống đích thật của chính mình.

Bà J. Kramer trở thành một người mẹ đơn thân khi con gái bà là Nicole vừa được ba tuổi. Chỉ vì muốn có thêm thì giờ chăm sóc cho con mà bà đành phải chấp nhận thay đổi cả nghề ca sĩ chuyên nghiệp của mình, thường xuyên bắt mình phải xa nhà vì phải theo các đoàn trình diễn. Nay bà chỉ là ca sĩ nghiệp dư và làm công việc giữ trẻ để sinh sống. Thế nhưng đây cũng là một cách cách giúp bà hiểu được thế nào là tình thương yêu vô điều kiện đối với con gái mình, và đồng thời cũng giúp bà, qua những nụ cười và những dòng nước mắt, hiểu được là mình cũng phải cần đến một chút tình thương yêu đối với bản thân mình, đây là cách giúp mình biết tha thứ cho chính mình mỗi khi có những ý nghĩ tiêu cực và những xúc cảm tràn ngập con tim mình

Những giây phút sai lầm đó rất thường xảy ra. Và nếu không biết tha thứ cho mình, thì rất có thể là mình sẽ không thể nào còn tiếp tục cố gắng gỡ bỏ các thói quen đã bắt rễ từ lâu, xúi giục mình phát ra những ngôn từ và hành động thương tổn và đáng tiếc

Vậy phải làm thế nào khi con cái bướng bỉnh? Bà J. Kramer khuyên chúng ta như sau: *“Luôn phải ý thức, và hãy xử dụng sự giận dữ như là một đối tượng thiền định”*. Dựa vào giáo huấn của Thiền học Zen, bà giải thích thêm: *“Bất cứ gì xảy ra với mình đều có thể xử dụng nó như một cánh cửa mở vào giác ngộ”*.

Bà giải thích rằng: *“Mỗi khi cơn giận bùng lên, thì cứ biến nó trở thành một cánh cửa. Không nên cưỡng lại sự giận dữ, không nên nghĩ rằng mình hay là các xúc cảm của mình là những gì không tốt đẹp, cứ để cho cơn giận diễn tiến đúng như thế, quan sát nó nhưng không phát lộ một cảm tính căng thẳng hay sợ hãi nào cả, chung quanh xúc cảm bao giờ cũng còn lại một khoảng không gian. Và nhất là không nên phản ứng theo cách mà mình đã quen làm từ trước”*.

“Không cưỡng lại nó, thì tất nó sẽ biến mất. Không đặt vào tay sự giận dữ bất cứ một quyền hạn nào cả thì tất nó sẽ giảm xuống ngay. Quả hết sức ngoạn mục. Gian nhà mình bỗng trở nên an bình một cách lạ thường”.

Dẫu sao thì sự giận dữ cũng không biến mất được sau một đêm ngồi thiền. Dù các thứ chuyện khiến mình phải khổ sở vẫn còn tiếp tục quấy rầy mình, thế nhưng không còn quá nặng nề như trước nữa, và cũng chính vì thế nên việc tu tập là cả một sự cần thiết. Bà J. Kramer luôn xem các công việc thường nhật như là một cách giúp mình luyện tập tâm linh tỉnh thức. Bà

cho biết rằng: *“Chẳng hạn như khi lật rau thì tôi ý thức được là tôi đang chạm vào nó, khi cắt rau, thì tôi cảm thấy lưỡi dao đang cắt từng cọng một. Khi tôi quán nhìn vào tư duy, xúc cảm, ngôn từ của mình, thì cũng thế. Nếu bạn đang trong thể dạng tâm linh tỉnh thức, và dù cho cuộc sống của mình đang như thế nào đi nữa, thì những gì đang chờ đợi mình đều luôn tươi mát và mới mẻ”*.

Ngoài việc luyện tập hằng ngày, bà J. Kramer còn tham dự thêm mỗi năm một khóa ẩn cư, nhằm giúp mình khơi động một thể dạng vắng lặng sâu xa hơn nữa trong tâm thức mình, hầu giúp mình sẵn sàng đối đầu với những thử thách và những sự bất định hàng ngày. Bà hiểu rằng mình hoàn toàn có quyền lựa chọn giữa hạnh phúc và khổ đau. Bà nói rằng: *“Đối với bất cứ một sự vật nào cũng thế, luôn có một khía cạnh tốt và một khía cạnh xấu. Chúng ta hoàn toàn có quyền tự do chọn cho mình một thứ gì đó để mà chú tâm vào đấy. Và chính đấy cũng là quyền hạn to lớn nhất mà chúng ta chưa bao giờ biết nắm lấy nó”*.

Bà luôn an trú trong những phút giây hiện tại và cũng nhờ đó mà bà không còn trách cứ kẻ khác là đã gây ra khó khăn cho mình: *“Tôi quán nhận được một điều quan trọng là hạnh phúc của tôi không hề lệ thuộc vào bối cảnh bên ngoài. Nó là một thứ gì đó mà tôi mang bên trong con người tôi, và đấy cũng có nghĩa là tôi phải chịu trách nhiệm về hạnh phúc của chính mình”*.

Đồng thời bà cũng khám phá ra rằng dù cuộc sống lúc nào cũng bận rộn, phải chăm lo công việc trong nhà và cả ở nhà giữ trẻ, thế nhưng điều đó không hề gây ra một trở ngại nào trong việc tu tập của mình: *“Tôi hiểu được là luôn phải khắc phục cái tôi trước khi bắt tay vào một công việc bất vụ lợi”*. Thực hiện được điều đó sẽ giúp cho sự rộng lượng bùng lên: *“Làm việc trong sự vui vẻ sẽ kết nối mình với mọi người chung quanh”*.

Nếu biết quan tâm giúp đỡ kẻ khác thì cũng là một cách gỡ bỏ các khó khăn đè nặng trong nội tâm mình. *“Mỗi khi cắt đứt được các tư duy tiêu cực trong tâm thức, thì tôi cũng chuyển hướng được dòng tư tưởng của tôi, từ thể dạng tàn phá sang những gì xây dựng hơn”*. Dù cho việc chăm sóc con cái là cả một niềm vui đi nữa thế nhưng đối với bà thì làm bậc cha mẹ không phải là một việc đơn giản. Bà nhắc lại: *“Lúc con gái tôi là Nicole được 14 tuổi thì nó thật là khó bảo”*. Dù tình thương con không hề “lay chuyển”, thế nhưng bà cũng đành phải gửi con theo một khóa học để sửa đổi tính tình. Bà khuyên rằng: *“Vì tình thương, bạn phải làm những gì cần phải làm hầu áp đặt một kỷ luật cứng rắn, nhưng cũng nên kèm theo một sự khích lệ với thật nhiều tình thương. Nếu việc tu tập tâm linh có thể giúp một người mẹ hành động một cách trầm tĩnh trước những nỗi lo âu của những đứa trẻ ở lứa tuổi vị thành niên, thì các môn thể thao, âm nhạc hoặc bất cứ một sự say mê nào khác cũng có thể mang lại một hình thức kỷ luật nào đó giúp cho đứa trẻ lớn lên và bước vào tuổi trưởng thành, mà không*

bị chi phối bởi các thái độ tiêu cực của bạn bè đồng lứa và các ảnh hưởng của giới truyền thông”.

“Không nên quên rằng một đứa bé luôn nhìn vào mình và bắt chước mình. Thế nhưng tất cả sẽ đổi thay khi đứa bé bước vào tuổi vị thành niên. Tuy nhiên điều đó cũng không bắt buộc là lúc nào cũng rập khuôn như thế”. Với vẻ mặt đầy hân hoan bà cho biết thêm: “Ngay cả trường hợp đứa trẻ vị thành niên tỏ ra thật ‘khuyến động’, thế nhưng những lúc khó khăn đó rồi cũng sẽ qua đi, đứa con sẽ quay về với mình”. Con bà ngày nay đã 26 tuổi và đã làm mẹ, hai mẹ con khắng khít hơn bao giờ hết.

Ngày nay đối với bà là lúc phải chia sẻ, là thời điểm phải hồi đáp lại tình mẫu tử bằng sự quý trọng của chính mình. Hơn nữa còn phải trả món nợ cho cả xã hội đã cung phụng vật chất cho mình, và cho cả bầu không gian mệnh mỏng của Đạo pháp đã ban cho mình sự hiểu biết. Dù bị xã hội khinh thường, thế nhưng ngược lại thì người phụ nữ lại tìm thấy hạnh phúc khi chăm lo cho gia đình và tập thể xã hội. Họ không được mọi người kính trọng đúng với giá trị của mình, và thường là bị đánh giá thấp và tiền lương trả kém.

Thật vậy, bà J. Kramer cũng đã nhận thấy dễ dàng điều đó. Mỗi khi bà cho biết mình là một người nội trợ thì mọi người đều nhìn bà với đôi mắt không mấy kính phục: “*Thật vậy, khi biết tôi làm nghề giữ trẻ thì mọi người đối xử với tôi như hạng người kém cỏi*”. Thế nhưng theo bà J. Kramer thì việc chăm sóc cho kẻ khác lại là khía cạnh chủ yếu nhất của bản tính người phụ nữ và cũng là một phẩm tính tốt trong lãnh vực tâm linh. Điều đó đòi hỏi phải có một tấm lòng rộng lượng, sức chịu đựng và tình nhân ái - đây là các phẩm tính quan trọng nhất mà tất cả các tín ngưỡng đều xem là tối cần giúp cho xã hội được hạnh phúc hơn. Bà nói thêm: “*Chúng ta cần một sự thăng bằng giữa ‘âm’ và ‘dương’ giữa nữ tính và nam tính hầu tạo ra một xã hội hạnh phúc*”.

Các hình thức tranh đấu và chinh phục - thường được xem là thuộc lãnh vực của nam giới - ngày nay đã trở thành cả một sự ám ảnh toàn cầu, sự mất thăng bằng [gây ra bởi tình trạng đó] đã đưa đến bạo lực trong gia đình và cả ngoài xã hội. Theo bà J. Kramer thì giai đoạn đầu tiên giúp tái lập sự thăng bằng cần thiết là phải nêu cao giá trị của sự phục vụ và cả người phục vụ.

Với tư cách là một người nữ Phật tử tại gia, bà J. Kramer cho rằng mình phải có trọng trách làm gương cho mọi người trông thấy là một người phụ nữ chủ gia đình cũng có thể đạt được sự giác ngộ không khác gì nam giới. Dù đến nay bà chưa tra tìm được các chứng tích trong kinh sách xưa, thế nhưng không phải vì thế mà trong quá khứ đã không từng có những người phụ nữ như thế.

Bà thường thắc mắc: “*Tại sao các câu chuyện về cuộc đời của những người phụ nữ đó lại không được lưu truyền đến nay?*”. “*Phải chăng là vì họ không được đi học, hoặc là quá sức bận rộn không còn thì giờ nào để viết, hoặc*



Ảnh: Minh Nhut Ho

không được luyện tập gì về thiền định? Dù vì lý do nào đi nữa thì ngày nay cũng là lúc phải gom góp các câu chuyện giác ngộ của những người phụ nữ làm mẹ, hầu lưu lại cho những đứa con, cả gái lẫn trai, của chúng ta sau này”.

Đây không phải là vì kiêu hãnh, mà là một sự cố gắng giúp cho người phụ nữ nhận thấy là họ có thể mang lại lợi ích khi ý thức được bản chất và thân phận mình, hầu giúp mình tu tập bằng các khả năng cảm nhận đặc thù của riêng mình.

Làm mẹ tức là phải ý thức được rằng việc chăm lo cho con cái là một bổn phận thiêng liêng, và việc sinh con đẻ cái cũng là cả một tấm gương phục vụ vô điều kiện. Người mẹ phải hiểu rằng mình đang bước vào con đường tâm linh một cách thật sự, mình phải biến ngôi nhà mình thành một cảnh chùa, biết lợi dụng các thử thách hằng ngày để phát huy một tâm linh tinh thức và tình nhân ái (metta), xem con cái mình như là những vị thầy giảng dạy mình về vô thường, sự chấp nhận và buông xả.

Con cái lớn khôn. Chúng thay đổi từng phút một. Và rồi vào một ngày đẹp trời nào đó chúng sẽ bỏ mình đi xa. Con cái mình nào có phải là của mình mãi mãi đâu. Không có ai là của mình cả. Chúng chỉ nhờ vào sự che chở của mình một lúc nào đó trong cuộc đời chúng mà thôi.

“*Mọi sự vật biến đổi không ngừng. Một khi đã ý thức được là hoàn cảnh của chính tôi cũng sẽ đổi thay, thì tôi cũng sẽ hiểu được ý nghĩa của sự khô hài là gì Tôi sẽ hít một hơi thật dài và thắp đèn từ một đến mười*”.

Nhờ đó tất cả những gì tỏ ra không sao chịu đựng nổi sẽ trở nên thật trong sáng. Sự giác ngộ phải trải qua thật nhiều kiếp sống còn xa tít trong tương lai, thế nhưng làm mẹ với tấm lòng của Phật - mà bà J. Kramer đã làm tròn bổn phận mình - sẽ mang lại sự hân hoan cho cuộc hành trình thật dài đó, ngay tại chính nơi này và trong những giây phút hiện tại này. ■

Nguồn:

Jacqueline Kramer: *Être une Maman Bouddha*, đăng trên *Bouddhisme au féminin - Le blog sur et par des femmes bouddhistes*.

Bài gốc tiếng Anh Jacqueline Kramer: *Spiritual Mothering* do Sanitsuda Ekachai viết, đăng trên *The Bangkok Post*.



Điểm lành tối thượng

NGUYỄN CHƠN

Tuyển tập Suttanipàta (Kinh Tập) thuộc *Tiểu Bộ* lưu một bài kinh có tựa đề là *Mahàmangala*, ghi lại những lời dạy căn bản của Đức Thế Tôn dành cho người Phật tử tại gia, hay còn gọi là những việc làm, những điều kiện mang lại hạnh phúc an lạc cho người cư sĩ trong đời sống có nhiều trách nhiệm phải làm đối với gia đình và nhiều tương quan với xã hội. Bài kinh thuộc thể văn kệ, do Đức Phật nói cho một vị Thiên nhân đến hỏi Ngài về ý nghĩa điểm lành.

Trước hết, tựa đề *Mahàmangala* gồm hai từ: *Mahà* nghĩa là to lớn, cao cả, tối thượng và *mangala* có nghĩa

là điểm lành, vận may, sự thành công, thành đạt, sự thịnh vượng, dấu hiệu báo trước điều tốt lành xuất hiện. *Mahàmangala* do đó được dịch là điểm lành lớn hay vận may tối thượng. Trong văn cảnh bài kinh, chữ *mahàmangala* ngụ ý những đức hạnh, những phạm sự cao quý hay những việc làm chân chánh giúp cho người cư sĩ đạt được hạnh phúc an lạc; tựa như rạng đông là dấu hiệu hừng sáng báo trước mặt trời sắp mọc vậy. Chính vì thế mà đôi khi bài kinh cũng được dịch là Kinh Hạnh phúc tối thượng hay Kinh An lạc lớn.

Bài kinh mở đầu với câu hỏi của vị chư Thiên nêu ra cho Đức Thế Tôn:

*"Nhiều Thiên nhân và người,
Suy nghĩ đến điểm lành.
Mong ước và đợi chờ,
Một nếp sống an toàn.
Xin Ngài hãy nói lên,
Về điểm lành tối thượng".*

Vị Thiên thay mặt cho chư Thiên và loài người hồi đấng Giác ngộ về điểm lành, về mong ước chính đáng của hầu hết chúng sanh là làm sao để có được một nếp sống an toàn, tức một đời sống hạnh phúc an lạc, thoát khỏi mọi phiền não khổ đau. Nói cách khác, người ta phải làm gì hay phải sống như thế nào để có được hạnh phúc an lạc?

Sau đây là toàn văn lời giải đáp của Đức Thế Tôn về điểm lành tối thượng hay về những điều kiện đưa đến hạnh phúc an lạc lớn cho người tại gia cư sĩ:

*"Không thân cận kẻ ngu, nhưng gần gũi bậc trí,
Đảnh lễ người đáng lễ, là điểm lành tối thượng".*

*"Ở trú xứ thích hợp, công đức trước đã làm,
Chân chánh hướng tự tâm, là điểm lành tối thượng".*

*"Học nhiều, nghề nghiệp giỏi, khéo huấn luyện học tập,
Nói những lời khéo nói, là điểm lành tối thượng".*

*"Hiếu dưỡng mẹ và cha, nuôi dưỡng vợ và con,
Làm nghề không rắc rối, là điểm lành tối thượng".*

*"Bố thí, hành đúng pháp, săn sóc các bà con,
Làm nghiệp không lỗi lầm, là điểm lành tối thượng".*

*"Chấm dứt, từ bỏ ác, chế ngự đam mê rượu,
Trong pháp, không phóng dật, là điểm lành tối thượng".*

*"Kính lễ và hạ mình, biết đủ và biết ơn,
Đúng thời nghe chánh pháp, là điểm lành tối thượng".*

*"Nhấn nhục, lời hòa nhã, yết kiến các Sa-môn,
Đúng thời đàm luận pháp, là điểm lành tối thượng".*

*"Khắc khổ và phạm hạnh, thấy được lý Thánh đế.
Giác ngộ quả Niết-bàn, là điểm lành tối thượng".*

*"Khi xúc chạm việc đời, tâm không động, không sầu,
Không uế nhiễm, an ổn, là điểm lành tối thượng".*

*"Làm sự việc như vậy, không chỗ nào thất bại,
Khắp nơi được an toàn, là điểm lành tối thượng".*

Để hiểu rõ hơn về ý nghĩa điểm lành được nhấn mạnh trong đạo Phật, chúng ta tuần tự đi vào từng lời dạy của đấng Giác ngộ; vì mỗi lời dạy của Ngài đều nói rõ về điểm lành, nghĩa là về cách thức giúp cho người tại gia cư sĩ đạt được hạnh phúc an lạc.

Điểm lành hay cách thức thứ nhất để có được hạnh phúc an lạc là: *"Không thân cận kẻ ngu, Nhưng gần gũi bậc trí; Đảnh lễ người đáng lễ"*. Đây là lời dạy nói rõ thái độ sáng suốt của người tại gia cư sĩ trong đời sống quan hệ xã hội. Người tại gia cư sĩ có nhiều phận sự và trách nhiệm phải làm đối với gia đình và xã hội; do vậy vị ấy phải thường xuyên giao tiếp với mọi người. Để giúp cho người cư sĩ có được sự lợi ích tốt đẹp, tránh tình trạng bị lây nhiễm các thói hư tật xấu trong quan hệ với thế giới bên ngoài, Đức Phật khuyên nhắc người tại gia cần phải có trí tuệ phân biệt rõ giữa kẻ ngu và người trí để tiếp xúc hay giao thiệp. Kẻ ngu thì cần phải tránh xa, nhưng người trí thì nên gần gũi thân cận. Vì kẻ ngu là hạng người chứa đầy tham-sân-si, suy tư ác tư duy, nói lời ác ngữ, hành các ác hạnh¹; kẻ ngu không có tín tâm, không có giới đức, không có tầm quý, không có bố thí, không có trí tuệ; thân cận hạng người như vậy thì không tránh khỏi bị lây nhiễm các lẽ thói xấu ác, đen tối, đưa đến phiền não khổ đau. Người trí thì ngược lại, không chứa tham-sân-si, suy tư thiện tư duy, nói lời thiện ngữ, hành các thiện hạnh², có tín tâm, có giới đức, có tầm quý, có bố thí, có trí tuệ; do vậy, gần gũi người có trí sẽ là cơ hội tốt cho người cư sĩ học hỏi và phát triển các đức tính chân chánh và hiền thiện vốn có trong chính mình.

Điểm lành hay điều kiện thứ hai để thực nghiệm hạnh phúc an lạc là: *"Ở trú xứ thích hợp, Công đức trước đã làm, Chân chánh hướng tự tâm"*. Nghĩa là người cư sĩ cần sinh sống tại trú xứ thích hợp và luôn luôn giữ tâm niệm trong sáng trên nền tảng một lẽ sống chân chánh hiền thiện gọi là nếp sống nuôi lớn công đức. Đây là lời khuyên ngụ ý nơi cư trú thích hợp dành cho người tại gia cư sĩ, tức một nơi sinh sống vừa thuận lợi cho công việc làm ăn sinh sống vừa thuận tiện cho việc tu học phát triển tâm thức. Nhờ cư trú tại một trú xứ thích hợp như vậy mà người cư sĩ mới thiết lập được nếp sống tiến bộ hài hòa về phương diện đời sống vật chất và đời sống tinh thần.

Điểm lành hay dấu hiệu tiếp theo của hạnh phúc an lạc là: *"Học nhiều, nghề nghiệp giỏi, Khéo huấn luyện học tập, Nói những lời khéo nói"*. Đây là lời dạy liên quan đến nghề nghiệp làm ăn sinh sống của người tại gia cư sĩ. Người cư sĩ cần phải nỗ lực lớn về phương diện học tập, phải học nhiều hiểu rộng, có vốn liếng tri thức phong phú để ứng dụng rộng rãi và hiệu quả vào đời sống gia đình và xã hội. Đặc biệt cần phải tập trung vào một lãnh vực chuyên môn, học cho thành thạo một ngành nghề, có đầu óc thông minh và sáng tạo, có nhiều đam mê tìm tòi và nghiên cứu, có nhiều kinh nghiệm về nghề nghiệp, trở thành người giỏi giang trong lãnh vực chuyên trách của mình. Bên cạnh đó, người cư sĩ phải là người khéo nói, nghĩa là phải nói lời ái ngữ hay thực hành Chánh ngữ, khéo dùng lời lẽ nhẹ nhàng và từ tốn để trao đổi, truyền đạt, chỉ bảo và hướng dẫn



cho người khác một cách có hiệu quả về những hiểu biết và kinh nghiệm lợi lạc mà mình có được.

Điều lành hay điều kiện tiếp theo để thực hiện hạnh phúc an lạc là: *"Hiếu dưỡng mẹ và cha, Nuôi dưỡng vợ và con, Làm nghề không rắc rối"*. Nghĩa là người cư sĩ cần phải thể hiện vai trò người chủ quản trong gia đình, tìm công ăn việc làm ổn định và hợp pháp gọi là Chánh mạng; phải thể hiện tâm hiếu thảo, hết lòng chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ; phải thể hiện trách nhiệm của người làm chồng làm cha trong gia đình, có bốn phận chăm lo nuôi dưỡng vợ con và giáo dục con cái thành người hiền lương hữu ích.

Tiếp theo, một lời khuyên khác để thiết lập hạnh phúc an lạc là: *"Bố thí, hành đúng pháp, Săn sóc các bà con, Làm nghiệp không lỗi lầm"*. Tức là người cư sĩ phải thể hiện nếp sống chân chánh hiền thiện, thực thi Chánh nghiệp, không để cho mình rơi vào các hành động hay việc làm sai trái xấu ác, hại mình hại người; bên cạnh đó, người cư sĩ cần phải quan tâm đến bà con nội ngoại, có bốn phận chăm lo gìn giữ tình cảm huyết thống, giữ trọn đạo lý gia tộc. Ngoài ra, người cư sĩ cũng cần phải biết mở tâm cúng dường, bố thí một cách có hiểu biết, có từ tâm và có lễ độ nhằm tích tập công đức và phát triển tâm thức giác ngộ.

Một dấu hiệu khác nói rõ người cư sĩ có khả năng sở hữu hạnh phúc an lạc, đó là: *"Chấm dứt, từ bỏ ác, Chế ngự đam mê rượu, Trong pháp, không phóng dật"*. Đây là lời khuyên nhấn mạnh về lối sống đạo đức của người tại gia cư sĩ; nghĩa là người cư sĩ cần phải thực tập Chánh tinh tấn, thể hiện nếp sống đạo đức chân chánh, không phóng túng, phóng dật, nỗ lực kiểm soát bản thân, không để cho lòng tham dục lôi kéo mình rơi vào lối sống sai trái, xấu ác, sa đọa. Do thực hành Chánh tinh tấn, tức quyết tâm từ bỏ mọi điều ác, nỗ lực làm các việc lành, người cư sĩ thiết lập được một đời sống hiền thiện tốt đẹp, đưa đến chứng đắc hạnh phúc đời này và an lạc đời sau³. Để lưu nhắc người cư sĩ về lối sống hạnh phúc

an lạc, tránh xa lối sống phiền muộn khổ đau, đạo Phật nói đến "bốn cửa làm tiêu tán tài sản", gồm đam mê đàn bà; đam mê rượu chè; đam mê cờ bạc; bạn bè kẻ ác, thân hữu kẻ ác, giao du kẻ ác và "bốn cửa khiến gia tăng tài sản", tức không đam mê đàn bà; không đam mê rượu chè; không đam mê cờ bạc; bạn bè với thiện, thân hữu với thiện, giao du với thiện⁴.

Một điều kiện khác nữa giúp cho người cư sĩ tìm thấy hạnh phúc an lạc trong đời sống người gia chủ, đó là: *"Kính lễ và hạ mình, Biết đủ và biết ơn, Đúng thời nghe chánh pháp"*. Người tại gia cư sĩ cần phải sắp xếp thì giờ để nghe Chánh pháp, vì có nghe Chánh pháp thì mới thấu hiểu đạo lý giác ngộ, mới biết được việc gì nên làm, điều gì cần phải từ bỏ, mới định hướng một cách tốt đẹp cho đời sống hạnh phúc của mình. Nhờ có nghe Chánh pháp, thấu hiểu đạo lý giác ngộ, nhận ra điều hay lẽ phải, nên người cư sĩ tự trang bị cho mình các đức tính tốt đẹp như tâm kính tín Tam bảo, đức khiêm cung, thái độ biết đủ trong đời sống hàng ngày và lòng biết ân đối với muôn vàn ân đức giữa cuộc đời. Đây hẳn là các đức tính tạo nên lối sống hiền thiện an lạc cho người cư sĩ, đồng thời giúp cho người cư sĩ hoàn thiện nhân cách giác ngộ trong đời sống tương quan với xã hội.

Tiến sâu hơn vào nếp sống tu học Phật pháp, người cư sĩ được khuyên nuôi dưỡng và phát huy các đức tính như: *"Nhẫn nhục, lời hòa nhã, Yết kiến các Sa-môn, Đúng thời đàm luận pháp"*. Đây là các phẩm hạnh nói rõ quá trình tu học Phật pháp đầy kiên trì và khá thuần thực của người cư sĩ trong đời sống gia chủ. Rõ ràng, nhờ thường xuyên thân cận và gần gũi các bậc có trí hay các Sa-môn, nhờ lâu ngày nghe Chánh pháp mà người cư sĩ có được sự tiến bộ lớn trong đời sống tu tập của mình. Vị ấy học được hạnh nhẫn nhục, tỏ rõ là người có trí tuệ, có khả năng kham nhẫn và vượt qua mọi chướng duyên hay nghịch cảnh xảy ra trong cuộc đời, giữ được tâm tĩnh táo hài hòa, thể hiện lời nói hòa ái nhã nhặn. "Đúng thời đàm luận pháp" chính là dấu

hiệu tiến bộ vượt bậc của vị ấy trong tiến trình tu học lời Phật dạy, cho thấy người cư sĩ đã học sâu và hành sâu pháp giác ngộ của Phật, nắm bắt được tinh yếu của Chánh pháp, mới có khả năng đàm luận với người khác về pháp giải thoát của các bậc Giác ngộ⁵.

Nhờ chuyên tâm nghe Chánh pháp, tinh cần học sâu và hành sâu pháp giác ngộ của Phật, cụ thể là giữ giới và hành trì Thiền định, người cư sĩ có được Pháp nhãn (*Dhammacakkhu*), thấu hiểu sự thật khổ đau của mọi hiện hữu, thấy rõ nguyên nhân khổ đau, nguyên lý khổ diệt và con đường đưa đến khổ diệt; vị ấy tiến sâu hơn vào lối sống thực hành Chánh đạo, chấp trì lối sống thiểu dục tri túc gọi là khắc khổ, thực thi nếp sống ly dục thanh tịnh gọi là Phạm hạnh tại gia. Do chấp trì lối sống thiểu dục tri túc, thực thi nếp sống Phạm hạnh, người cư sĩ đạt được sự thăng tiến về giới đức, tâm đức và tuệ đức, có khả năng tiến sâu vào con đường thanh tịnh, thành tựu các Thánh quả giải thoát gọi là giác ngộ quả Niết-bàn⁶. Đây chính là lẽ sống thanh tịnh cao quý đưa đến kết quả giác ngộ an lạc mà người tại gia cư sĩ có thể thành đạt trong địa vị một người cư sĩ sống đời sống gia đình. Vì thế mà Đức Thế Tôn mới giảng dạy và khích lệ người cư sĩ học sâu và hành sâu pháp giác ngộ, thực tập nếp sống Phạm hạnh như chư vị xuất gia, và Ngài xác nhận: *“Khắc khổ và phạm hạnh, Thấy được lý Thánh đế, Giác ngộ quả Niết-bàn, Là điểm lành tối thượng”*.

Sau cùng, dấu hiệu của hạnh phúc an lạc lớn mà người cư sĩ có thể đạt được ngay trong đời này là tâm giải thoát, an nhiên tự tại, không dao động, không sầu muộn, không nhiễm ô khi đối diện với mọi thứ, tốt hay xấu, khả ý hay không khả ý, thuận duyên hay nghịch cảnh, xảy ra trong cuộc đời. Bậc Giác ngộ xác chứng: *“Khi xúc chạm việc đời, Tâm không động, không sầu, Không uế nhiễm, an ổn, Là điểm lành tối thượng”*. Khi xúc chạm việc đời, tâm không động, không sầu... có nghĩa là khi sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), tâm người cư sĩ không dao động, không rơi vào thuận ứng hay nghịch ứng, tức không bị các đối tượng khả ái làm cho say đắm cũng không bị các đối tượng không khả ái làm cho bức phiền; vị ấy thoát khỏi mọi vướng mắc và trói buộc, được tự do và thanh thản trong đời sống hàng ngày. Đây là điểm lành lớn hay dấu hiệu của an lạc tối thượng mà người cư sĩ có khả năng thành tựu, cơ bản nhờ học sâu và hành sâu pháp giác ngộ của Phật, cụ thể là hành sâu Thiền định và phát triển trí tuệ, đạt đến sự chứng ngộ bản chất duyên sinh, vô thường, vô ngã của các pháp, thấy rõ các pháp đúng như thật, khiến cho tâm hoàn toàn trong sáng và tự tại, không còn quay cuồng hay vũng vầy trong thế giới sanh diệt, không rơi vào thuận ứng hay nghịch ứng trước mọi chuyển biến của hiện hữu, không dính mắc, không trói buộc, không ô nhiễm, không sầu muộn, đạt đến tịch tịnh, giải thoát, tự tại gọi là tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vị ấy được mô tả có lối sống tự do thanh thản như vậy:

*“Khi mắt thấy sắc, vị ấy không tham ái đối với sắc đẹp, không ghét bỏ đối với sắc xấu; khi tai nghe tiếng, vị ấy không tham ái đối với tiếng hay, không ghét bỏ đối với tiếng không hay; khi mũi ngửi hương, vị ấy không tham ái đối với hương thơm, không ghét bỏ đối với hương không thơm; khi lưỡi nếm vị, vị ấy không tham ái đối với vị ngon, không ghét bỏ đối với vị không ngon; khi thân cảm xúc, vị ấy không tham ái đối với xúc khả ái, không ghét bỏ đối với xúc không khả ái; khi ý nhận thức các pháp, vị ấy không tham ái đối với pháp khả ý, không ghét bỏ đối với pháp không khả ý; vị ấy sống an trú niệm trên thân, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác bất thiện pháp của vị ấy được trừ diệt, không có dư tàn”*⁷.

Kết thúc bài kinh, bậc Giác ngộ xác tín rằng bất kỳ người nào nỗ lực thực hành một cách trọn vẹn những điều do Ngài chỉ dạy thì nhất định đạt được nếp sống an toàn, tức một đời sống hạnh phúc an lạc, thoát khỏi mọi phiền não khổ đau:

*“Làm sự việc như vậy, Không chỗ nào thất bại,
Khắp nơi được an toàn, Là điểm lành tối thượng”*.

Tóm lại, Đức Thế Tôn dạy Kinh Điểm lành tối thượng (*Mahamangala*) nhằm chỉ bày cho người Phật tử tại gia một lẽ sống hạnh phúc an lạc trên cơ sở phát huy các phẩm chất và phẩm hạnh tốt đẹp, vốn có sẵn trong mỗi cá nhân, phù hợp với điều kiện cũng như môi trường sống của người tại gia cư sĩ. Đó là sự nỗ lực học tập và hoàn thiện con người cá nhân, hướng đến hoàn thiện con người làm chủ gia đình và làm chủ xã hội. Hơn thế, bài kinh còn là thông điệp nhấn mạnh về khả năng thực nghiệm tự do giải thoát dành cho người tại gia cư sĩ. Người cư sĩ sống đời sống gia đình vẫn có thể thực tập và thành tựu các cấp độ giải thoát và an lạc tâm thức lớn lao giống như chư vị xuất gia. Vấn đề là sắp xếp công việc và dành nhiều thời gian cho việc văn, tu, tu lời Phật dạy; vì theo lời của bậc Giác ngộ thì tự do và an lạc là kết quả của sự nỗ lực tu tập, chuyển hóa bản thân, bước đi trên con đường Giới-Định-Tuệ, chứ không phải là ngôi vị độc tôn dành riêng cho người nào. ■

Chú thích:

1. Kinh Hiền ngu, *Trung Bộ*.
2. Kinh Hiền ngu, *Trung Bộ*.
3. Kinh Không phóng dật, *Tương Ưng Bộ*.
4. Kinh Dighajānu, người Koliya, *Tăng Chi Bộ*.
5. Xem *Tương Ưng Bộ*, tập IV, Chương VII, Tương ưng tâm, nói về các cuộc đàm luận Phật pháp của Cư sĩ Citta Macchikasandika.
6. Xem Đại kinh Vacchagotta, *Trung Bộ*; Kinh Acela, *Tương Ưng Bộ*; Kinh Cha mẹ của Nakula, Kinh Mẹ của Nanda, *Tăng Chi Bộ*.
7. Đại kinh Đoạn tận ái, *Trung Bộ*.

Thế giới vàng ròng

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Trong cái thấy của kinh *Pháp Hoa* thì tất cả vũ trụ là một. “Tất cả các cõi nước thông làm một cõi nước Phật” (Phẩm *Hiện Bửu tháp*, thứ 11).

Tất cả các cõi nước thông nhất thành một cõi nước Phật, thành một Nhất Chân pháp giới, và hẳn là pháp giới ấy thì thanh tịnh và thiêng liêng. Trong cái thấy Nhất Chân pháp giới này, sanh tử khổ đau biến mất. Nhất Chân pháp giới cũng là Niết-bàn, vì không có sanh tử.

Nhưng tại sao lại có sanh tử khổ đau? Đó là vì cái thấy mê lầm của người bình thường, hạn hẹp, phân chia, phân mảnh, xung đột ta người... khiến pháp giới vốn thông làm một trở thành một cõi hỗn loạn xung đột, chiến đấu triền miên không dứt. Chính cái thấy mê lầm tạo ra sanh tử.

Pháp giới Nhất Chân hay Niết-bàn tuy thoát khỏi mọi khổ đau sanh tử, nhưng luôn luôn hiện tại.

Phẩm *Phương Tiện*, thứ 2, nói:

Ta tuy nói Niết-bàn

Đó cũng chẳng thật diệt

Các pháp từ xưa nay

Tướng thường tự tịch diệt.

Tịch diệt là một nghĩa của chữ Niết-bàn. Các pháp từ xưa nay cho đến mãi mãi về sau “tướng thường tự tịch diệt”, nghĩa là thường Niết-bàn. Quá khứ, quá khứ tịch diệt. Hiện tại, hiện tại tịch diệt. Tương lai, tương lai tịch diệt. Tịch diệt là vô sanh, đây là Niết-bàn luôn luôn hiện tại, hiện tiền. Nói rằng các pháp từ xưa nay tướng thường tự tịch diệt, nghĩa là các pháp đang Niết-bàn.

Các pháp từ xưa nay tướng thường tự tịch diệt, đó là chủ đề, là đề mục của Chỉ, Quán, và Chỉ Quán đồng thời của người thực hành. Cho đến lúc chúng ta trực tiếp thấy được sự thật ấy, không qua ý thức, không qua suy nghĩ hay trí nhớ. Thấy được sự thật ấy là thấy “thực tướng của tất cả các pháp”. Thực tướng ấy là tất cả các pháp vốn tự giải thoát, vốn là Niết-bàn.

Thấy trực tiếp được sự thật ấy, đây là cái thấy đúng (chánh kiến). Duy trì cái thấy ấy một cách tương tục

cho đến khi nó mở rộng và sâu thẳm đến độ sanh tử vô thường biến mất, chỉ còn pháp giới Nhất Chân hay Niết-bàn vô sanh tịch diệt. Đây là cái thấy biết của Phật (Phật tri kiến), mà chúng ta phải tu hành để chuyển hóa tâm thức phân mảnh, loạn tướng của chúng ta thành tâm Phật hay tâm Niết-bàn, hay Nhất Chân pháp giới.

Cũng trong bài kệ trên của phẩm *Phương Tiện*, Đức Phật nói tiếp:

Nếu có loài chúng sanh

Gặp chư Phật quá khứ

Nếu nghe pháp bố thí

Hoặc trì giới, nhẫn nhục

Tinh tấn, thiền, trí tuệ

Các thứ tu phước huệ

Những người như vậy đó

Đều đã thành Phật đạo.

Tu pháp Phật, như sáu Ba-la-mật bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, các thứ phước huệ, dùng các cửa pháp (pháp môn) ấy đều đi vào pháp giới Nhất Chân, nên “đều đã thành Phật đạo”.

Các Phật diệt độ rồi

Người cúng dường xá-lợi

Dựng muôn ức thứ tháp...

Hoặc ở giữa đồng trống

Đắp đất thành tháp Phật

Nhẫn đến trẻ nhỏ giỡn

Nhóm cát thành tháp Phật

Những hạng người như thế

Đều đã thành Phật đạo.

Nếu người tâm tán loạn

Nhẫn đến dùng một hoa

Cúng dường nơi tượng vẽ

Dẫn thấy các Đức Phật

Hoặc có người lễ lạy

Hoặc lại chỉ chấp tay

Nhẫn đến đưa một tay

Hoặc lại hơi cúi đầu

Dùng đây để cúng dường

*Dân thấy vô lượng Phật.
Nếu người tâm tán loạn
Bước vào trong tháp miếu
Một xưng Nam-mô Phật
Đều đã thành Phật đạo.*

Trong hiện tại, chỉ một cử động nho nhỏ, gần như là hành động vô tình của trẻ nhỏ mà “đều đã thành Phật đạo”. Chỉ một tiếp xúc đơn sơ như vậy mà đều đã thành Phật đạo, vì pháp giới Nhất Chân vốn đã thành Phật đạo từ lâu xa, như Đức Phật đã giác ngộ từ vô lượng kiếp (phẩm *Như Lai Thọ Lượng*, thứ 16).

Trong cái thấy của kinh *Pháp Hoa*, quá khứ, hiện tại, tương lai “đều đã thành Phật đạo”:

*Nơi chư Phật quá khứ
Tại thế hoặc diệt độ
Có người nghe pháp này
Đều đã thành Phật đạo.*

Tất cả đều gói tròn trong một hiện tại “đều đã thành Phật đạo”, một hiện tại Nhất Chân pháp giới.

Tại sao quá khứ đều đã thành Phật đạo, hiện tại đều đã thành Phật đạo, mà vị lai chưa đến kia cũng đều đã thành Phật đạo?

Trước bài kệ này, Đức Phật có nói về cái thấy biết của Phật:

“Chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu tột thật tướng của tất cả các pháp, nghĩa là các pháp: tướng như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, đầu cuối rốt ráo như vậy”.

“Như vậy” (như thị) là Chân Như. Các pháp dù có biến hiện, đổi thay, nhân duyên sanh diệt thế nào thì cũng vẫn là Chân như, vẫn là Nhất Chân pháp giới, vốn là “đều đã thành Phật đạo”.

Con số “mười” của mười cái “như vậy” nói lên sự tròn vẹn, cái toàn thể dung nhiếp, không có cái gì ra ngoài, còn sót. Tóm lại, tất cả hiện hữu là như vậy, tất cả pháp giới vốn là như vậy, vốn “đều đã thành Phật đạo”. Đó là cái thấy biết của Phật.

Cái thấy biết này vốn có nơi chúng sanh, thế nên tiến trình tu hành của kinh *Pháp Hoa* là Khai, Thị, Ngộ, Nhập. Khai là khai mở, Thị là chỉ ra; khai mở và chỉ ra cái vốn có nơi mỗi chúng sanh; và chúng sanh Ngộ, Nhập cái thấy biết của Phật vốn có sẵn ấy. Kinh không nói tạo ra hay trừ bỏ, vì tất cả pháp giới “đều đã thành Phật đạo”.

Pháp giới Nhất Chân này là thọ mạng vô lượng (phẩm *Như Lai Thọ Lượng*, thứ 16) do đó luôn luôn hiện tại, hiện tiền. Pháp giới này không phải là Niết-bàn tịch diệt mà là “tướng như vậy, tánh như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy...”; nghĩa là sự thể hiện của năng lực của toàn bộ pháp giới. Phẩm *Như Lai Thần Lực* thứ 21 gọi năng lực này là năng lực Phật.

Trong pháp giới Nhất Chân này, tất cả là Phật, không có cái gì ngoài Phật, không có một năng lực nào không là thần lực Phật, nên chạm vào chỗ nào cũng là chạm vào cái “đều đã thành Phật đạo”, chạm vào Phật. Thế nên không chỉ những cửa pháp như sáu Ba-la-mật, cúng dường, xây tháp, ca ngâm... mà những cử chỉ nhỏ nhất, ít ý thức nhất hướng đến Phật cũng đều tiếp xúc, tương ứng với pháp giới Phật.

Tu hành là tìm hiểu được rằng mọi hành vi, cử chỉ, tâm ý bình thường của chúng ta với một lòng hướng về Phật thì đều là những Phật sự. Và những hành vi dù nhỏ nhất của thân, khẩu, tâm ấy thì đều chạm đến pháp giới Phật và đều “đã trở thành Phật đạo”. ■





Ta thay ta, ta thay Phật

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Phải chăng luôn cần có sự tin tưởng tuyệt đối?

Từ truyện thiếu nhi có tên “*Chuyến xe tốc hành đến Bắc Cực*” (The Polar Express) của tác giả Chris Van Allsburg ấn hành năm 1985, đạo diễn người Mỹ Robert Zemeckis đã dàn dựng nên bộ phim hoạt hình cùng tên vào năm 2004. Bộ phim không những làm say mê trẻ con mà luôn cả người lớn vì có những chi tiết hấp dẫn, gợi mở sự tưởng tượng không ngờ. Phim kể lại chuyến phiêu lưu kỳ thú của một đứa trẻ trai trên chuyến xe lửa tốc hành từ nhà cậu ta đến Bắc Cực là nơi trú ngụ của ông già Noel vào đêm Giáng sinh. Trong chuyến đi có nhiều phép lạ này, cậu bé học được nhiều điều như tình bạn trong sáng, lòng can đảm tuyệt vời và nhất là ý nghĩa sâu xa của sự kiện gọi là Giáng sinh. Thông điệp cốt lõi của bộ phim nằm trong một câu nói của người dẫn truyện trong phim: “Con người ta chỉ thấy được sự kỳ diệu của cuộc sống khi có sự tin tưởng tuyệt đối”. Vì thế, cậu bé, nhân vật chính trong phim, không thể nào nghe được tiếng chuông ngân vang phát ra từ cái lục lạc rơi ra từ xe tuần lộc của ông già Noel mà cậu nhận được, vì cậu có sự nghi ngờ ngay từ khi bắt đầu truyện phim. Chỉ đến kết thúc phim, khi cậu có lòng tin, đặc biệt tin vào sự hiện hữu của ông già Noel, cậu ta mới nghe được tiếng chuông thánh thót vang lên khi lắc nhẹ cái lục lạc.

Tôi đã xem phim và tự nhủ: “Đúng là trẻ con cần có lòng tin để cho trí tưởng tượng bay bổng, như bay đến Bắc Cực để gặp được ông già Noel. Thế người lớn

chúng ta có cần đến sự tin tưởng gọi là lòng tin tuyệt đối hay không?”.

Niềm tin chân chính là nghi ngờ, chứ vội tin

Trong *Tăng Chi Bộ kinh* có bài kinh Kalama. Đây là bài giảng của Đức Phật thuyết cho người dân Kalama về những nền tảng của niềm tin chân chính. Đó là chớ vội tin ngay những điều thuộc truyền thuyết, truyền thống, định kiến, kinh điển sách vở, những tuyên thuyết của đạo sư, thậm chí chính cả lời giảng của Đức Phật.

Trong kinh *Viên Giác*, niềm tin chân chính được Đức Phật thuyết là sự nhận định sáng suốt, không nhầm lẫn sự thật với những gì gọi là kinh điển mô tả sự thật đó: “*Tất cả những điều Như Lai dạy cũng như ngón tay chỉ mặt trăng. Hãy đừng lầm lẫn ngón tay với mặt trăng*”.

Rõ ràng là ta chỉ phân biệt sự thật và những gì được mô tả về sự thật đó khi không chấp nhận điều gì là thật trước khi tự mình quán sát, suy tư kiểm chứng và thực nghiệm.

Trong kinh *A-hàm*, Đức Phật cảnh báo: “*Ai tin tưởng Như Lai mà không hiểu Như Lai, tức là phỉ báng Như Lai vậy*”.

Ồi, những lời Phật dạy đã chỉ cho ta chớ vội tin Phật một cách mù quáng. Hãy tin trong hiểu biết. Hãy tin Phật khi hiểu Phật, và hiểu Phật thì mới thấy Phật.

Ta thấy ta ngắm sen

Từ ngày 14 đến 21-12-2015 đã diễn ra triển lãm hội

họa Genesis (Khởi nguồn) tại khách sạn Apricot, 136 Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Triển lãm trưng bày 35 tác phẩm mà theo một số nhà phê bình nghệ thuật đã tạo nên bức chân dung của Mỹ thuật Việt Nam hiện đại. Các tác giả tham gia triển lãm được xếp theo bốn thế hệ: thế hệ đầu tiên là các họa sĩ xuất thân từ Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, thế hệ thứ hai là lớp học trò của hai khóa Mỹ thuật Kháng chiến ở Việt Bắc, thế hệ thứ ba gồm những họa sĩ trưởng thành trong thời kỳ đổi mới và thế hệ thứ tư là các họa sĩ thời hậu đổi mới.

Điều đáng ghi nhận hơn hết là tranh của các họa sĩ thế hệ thứ ba cho thấy, nhờ trưởng thành trong thời kỳ đổi mới của đất nước mà giới nghệ sĩ này mạnh dạn tự do trí tuệ và tự do sáng tạo. Chiến tranh khốc liệt đã qua để họ không còn quá chú trọng đến cái “chung” của số đông mà bắt đầu khai thác những vấn đề thuộc về cá nhân, những vui buồn, trải nghiệm riêng tư. Họ hướng cái nhìn vào thế giới nội tâm, đặc tả “cái ta” mà bấy lâu nay bị che lấp.

Có một bức tranh của tác giả Lê Thiết Cương thuộc thế hệ thứ ba làm tôi ngỡ ngàng khi xem. Thú thật, tôi không có điều kiện diện kiến trực tiếp tranh để thưởng lãm tại phòng tranh ở Hà Nội, mà chỉ xem tranh được in qua ảnh trong mục giới thiệu mỹ thuật của một tờ báo. Không hề gì vì kỹ thuật in ấn hiện đại giúp xem ảnh cứ y như thật.

Tranh của tác giả Lê Thiết Cương được vẽ với khối hình, đường nét, màu sắc cực kỳ đơn giản. Trên nền tranh màu xám dựng lên một đầu người màu xanh ngọc bích dính trên thân người màu hồng nhạt và hình người bán thân đỏ gần như chiếm trọn bức tranh. Đầu người không có gì hết, không mũi, không miệng, không tai, không tóc, chỉ có một nét ngang nhỏ mỏng đánh tượng trưng cho con mắt. Trong thân người cũng không có gì hết ngoài hình đầu người màu nâu nhạt nằm đối xứng, ngược với cái đầu bên ngoài, tượng trưng cho nội tâm của hình người, và đối diện với đầu người bên trong là cảnh sen thanh thoát.

Đúng với nhan đề của bức tranh “*Ngắm sen*”, người xem tranh sẽ cảm nhận tác giả mô tả con người có thể ngắm sen bằng “cái ta” bên trong mình. Riêng tôi, tôi ngất ngây khi xem tranh vì tôi cảm nhận “ta thấy ta ta thấy Phật” là câu xuất hiện mãi trong đầu tôi bấy lâu nay. Đối với tôi, hình người trong tranh chính là tôi đó, tôi thấy tôi với con mắt bên trong đang ngắm sen, và sen chính là Phật chứ không là gì khác.

Ta thấy ta “như là”

Phật là danh hiệu xuất phát từ tiếng Phạn chỉ “người tỉnh thức” hay “người giác ngộ”. Đức Phật là người giác ngộ, thấy được sự thật và làm người dẫn đường giúp con người thấy, thấu hiểu chứ không phải chỉ tin tưởng không thôi để được giải thoát, để không phải trầm luân muôn đời trong khổ não. Đức Phật không phải là thần linh, không phải là đấng sáng thế tạo ra tất cả, không phải

là đấng tối cao toàn quyền phán xét bắt người ta phải được thưởng hay chịu hình phạt vĩnh viễn. Mỗi con người tự làm chủ số phận của mình, nghiệp của mình tạo ra sẽ bị chi phối chặt chẽ bởi luật nhân quả, thế thôi. Nếu nhận ra sự thật như thế thì cần gì niềm tin tuyệt đối vào thế lực bên ngoài ta để được phán xét, cứu vớt, xóa tội cho mình. Là người dẫn đường, Đức Phật đã thuyết giảng qua các bài kinh giúp con người thấy được sự thật.

Trong kinh *Nhất Dạ Hiền Giả* (số 131, *Kinh Trung Bộ*), Đức Phật có bài giảng với mấy câu kinh: “*Quá khứ không truy tìm, Tương lai không ước vọng, Quá khứ đã đoạn tận, Tương lai chưa đến, Chỉ có pháp hiện tại, Tuệ quán chính ở đây...*”.

Những lời kinh kể trên mô tả một khía cạnh của sự thật trên đời là tuy con người thường xuyên sống trong hiện tại nhưng tâm trí cứ dính mắc vào quá khứ và tương lai và thế là mãi trầm luân trong phiền não. Rõ ràng là gần như suốt cuộc đời ta, ta không biết sống cái khoảnh khắc hiện giờ, thế là ta đánh mất cái chính ta và cái bao la diệu kỳ của cuộc sống.

Những lời kinh kể trên thủ thi với tôi: “Ta hãy thấy ta như là”. Tức ta làm chủ bản thân, không đánh mất mình trong tiếc thương vô vàn quá khứ, lo lắng quá đáng cho tương lai và hoàn toàn tỉnh thức trong hiện tại. Ta hãy đi, đứng, nằm, ngồi, làm việc và suy nghĩ trong sự vững chãi, thanh thoi, an vui trong từng giây phút hiện tại.

Ta thấy ta “buông bỏ”

Trong bài kệ thứ 348 của kinh *Pháp Cú*, Đức Phật dạy: “*Bỏ qua quá khứ, hiện tại, vị lai mà vượt qua bờ bên kia, tâm giải thoát hết thảy*”.

Ồi, Đức Phật nhân từ đã nhìn thấy thật xa và cảnh giác ta. Tôi có thể “đừng nghĩ đến tương lai, đừng nghĩ đến quá khứ, mà vẫn chấp trước vào hiện tại”. Tức tôi có thể không chấp trước, không theo đuổi quá khứ, không mơ tưởng tương lai nhưng lại dính mắc với hiện tại. Những lời kinh vừa kể dạy ta hoàn toàn không dính mắc, không trụ vào bất kỳ pháp nào - cho dù là quá khứ, vị lai hay hiện tại.

Những lời kinh kể trên thủ thi với tôi: “Ta hãy thấy ta buông bỏ”.

Có một truyện kể trong kinh *Pháp Cú*. Một diễn viên nghề xiếc có tên là Uggesena trong một buổi biểu diễn đã được nghe Đức Phật thuyết pháp rất đặc biệt. Đức Phật đã nói về “sự buông bỏ quá khứ, tương lai và cả hiện tại” cho những người khác nghe trong khi anh chàng còn đang bay lơ lửng trên chiếc đu bay trên cao trong rạp xiếc. Không ngờ, chưa hề trải qua thời gian tu học hay ngồi thiền nào, chỉ nghe Đức Phật dạy pháp môn buông bỏ tâm quá khứ, buông bỏ tâm vị lai, buông bỏ tâm hiện tại không thôi mà anh chàng giác ngộ, đắc quả A-la-hán...

A, “Ta thấy ta ta thấy Phật” tức “Ta thấy ta buông bỏ như không buông bỏ”. ■

Giá trị cuộc sống – mỗi ngày năm phút

THÍCH HẠNH TUỆ

Phút thứ nhất

Khi ta quan sát sâu, ta hiểu rõ mạng sống của con người chỉ ngắn như một hơi thở, thở ra không hít vào là đã qua đời khác, nên ta biết trân quý cuộc sống, trân quý thời gian, trân quý sức khỏe, trân quý tình thân. Ta dành thời gian và sức lực vào những việc có ích, có ý nghĩa. Ta không để mất thời gian vô ích để tham lam, để tranh giành, để hại người, để lừa lọc...

Phút thứ hai

Khi ta quan sát sâu, ta biết rõ cái gì mới *thật sự cần thiết* cho cuộc sống vui vẻ, bình an, hạnh phúc cho ta, gia đình ta. Nhìn thật kỹ càng, ta sẽ thấy: chưa chắc ta có nhiều tiền của, giành được địa vị cao, chức vụ lớn là ta sống an vui hạnh phúc. Như vậy, tiền bạc và chức quyền chưa chắc là *quá cần thiết*. Nhiều người khổ não, buồn đau là do không chính niệm, thiếu *tĩnh táo*, cứ theo đuổi tìm cầu những thứ *không thật sự cần thiết* cho cuộc sống an vui của họ. Khi biết được như vậy, ta sẽ bớt thời gian, bớt sức lực, bớt lao tâm vào những thứ vật chất phù du hay danh vọng hão huyền, mà suy nghĩ chân chánh thực tế. Quan trọng nhất là phải biết sống vừa phải, biết vui an lạc, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế của chính mình, không so đo tính toán, hơn thua với người khác.

Phút thứ ba

Ta quan sát sâu để thấy rằng bất kể người giàu, kẻ nghèo, chấp gì khổ nấy, càng cố chấp càng khổ đau. Càng tham nhiều, càng khổ lắm. Ít chấp, ít tham cuộc sống sẽ ít nặng nề buồn khổ. Vì vậy, để có cuộc sống an vui, ta tập vui vẻ buông xả những thứ chấp cố trong ta. Mỗi ngày buông xả một ít, tập buông xả những thứ dễ xả trước, dẫn đến những thứ khó xả. Như vậy, phẩm chất cuộc sống của ta sẽ được cải thiện mà không tốn hao tiền của.

Phút thứ tư

Ta quan sát thực tế, thấy rõ tranh giành, thù hận, hơn thua, vinh nhục dù được hay mất cũng sẽ nhanh chóng tan theo mây khói. Cái còn lại chỉ là khổ đau, ân hận, dẫn vệt mà thôi. Chỉ có sống theo tâm Từ Bi của

Phật, tích cực sống tốt, gieo hạt giống lành, hành thiện tích đức, giúp người nghèo khổ, mới có ý nghĩa thật và bền vững. Tâm từ bi là chất liệu mang lại an vui hạnh phúc cho mình và cho người.

Phút thứ năm

Hiện nay, dù nói ra hay không nói ra, một bộ phận người đời vẫn lấy việc kiếm thật nhiều tiền của, có quyền có chức làm *mục tiêu* sống. Ai xác định mục đích sống đúng đắn, người đó sẽ sống vui hơn. Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy rằng, chỉ có *Trí Tuệ* và *Phước Đức* là hai thứ quý giá nhất của con người. Vì thế, ta thấy cần siêng năng tu tập, ngồi thiền, niệm Phật, phát huy tuệ giác, không ngừng học hỏi, phát triển nghề nghiệp (trau dồi trí tuệ), tận tâm tận lực làm việc phước thiện, cứu giúp người nghèo khổ, bất hạnh (nuôi lớn phước đức). Thật ra, nâng cao trí tuệ và phước đức cũng chính là nâng cao mọi mặt phẩm chất của đời sống một cách chắc chắn và bền vững.

Ai lấy sự nâng cao trí tuệ và phước đức làm mục đích sống thì cuộc sống của người đó sẽ rất tuyệt vời, và là đang đi theo con đường thánh thiện minh triết của Đức Phật.

Mỗi ngày ta dùng năm phút để suy nghĩ thấu đáo những điều này, chắc chắn sẽ giải quyết bớt được những phiền muộn và cuộc sống của chúng ta sẽ lật sang trang mới.

*Ngồi thiền hay đi thiền
Mỗi ngày chỉ năm phút
Chú tâm và tỉnh giác
Hiệu quả không thể ngờ
Làm lắng mát thân hành
Xoa dịu muôn cảm xúc
Thêm sức khỏe, trí nhớ
Tăng ý chí định lực
Vượt qua ngàn chướng ngại
Chuyển hóa vạn sầu bi
Tăng trí tuệ, đạo đức
Cuộc sống sẽ sang trang
Tương lai ta vững bước. ■*



Hoa súng sau chùa

NGUYỄN DUY TUỆ

Chùa làng. Sau chùa có ao nhỏ nằm lổm vào giữa những đám cỏ xanh. Trong ao chỉ có hoa súng. Mấy nụ hoa chưa kịp nhô lên khỏi mặt nước, chỉ có một bông đỏ tươi, vươn lên. Vắng vẻ, cô đơn... như tôi hiện nay.

Bệnh suốt những ngày Tết, có lẽ vì tuổi già. Hôm nay thấy khỏe hơn. Hình như cơn bệnh đang lìa dần khỏi cơ thể tôi. Đến chùa cũng là một tiến bộ của tôi sau nhiều ngày nằm liệt giường.

Bông hoa súng đỏ tươi nhô lên khỏi mặt ao, khoe sắc với đất trời, vượt hẳn đám lá luôn gần chặt với mặt nước. Hoa cô đơn như thân phận tôi vậy. Những năm dài bôn ba, chạy vạy, xông xáo vào đời, xa mảnh đất quê, để rồi giờ đây một mình đối diện với bông hoa cô đơn này. Ao nước quê hương của bông hoa này có giống như mảnh đất quê nhà của tôi không? Có muện đối với tôi không, khi tôi đang gần chặt với quê nhà mà vẫn muốn vươn lên tìm một ánh sáng mới và tìm lại những kỷ niệm ấu thơ của mình trên mảnh đất quê?

Đất chùa. Cảnh Phật. Hoa súng. Hoa thuộc họ Nymphaeaceae, tiếng Anh là nunephar, có gốc là

numpha trong thần thoại Hy Lạp, tên gọi những nữ thần xinh đẹp sống ở ao hồ, sông suối.

Người Ai Cập cổ đại thường cúng hoa này cho thần Mặt Trời; người phương Đông thời xem hoa súng tượng trưng cho niềm vui bất ngờ.

Oscar Wilde trong thi phẩm lớn *The Sphinx* từng ca ngợi hoa súng như quà tặng của thần Apis. Chế Lan Viên, Lưu Quang Vũ... cũng từng làm thơ lấy cảm hứng từ hoa súng; và trên trang web, có thể tìm được hàng chục bài thơ về hoa súng. Hoa súng còn được người Bangladesh chọn làm quốc hoa. Hoa gần như hoang dã, gần như quê mùa, mà đẹp và quý thay!

Hình như tôi đang vui, tưởng như cánh hoa kia là thiên nữ cõi trời. Tôi lại mơ đến cõi Tịnh trời Tây. Đâu đây có tiếng chim lạ hót, một hồi dài rồi ngưng rồi tiếp tục; hay đây là linh hồn, là hóa thân của chim Ca-lăng-tần-già?

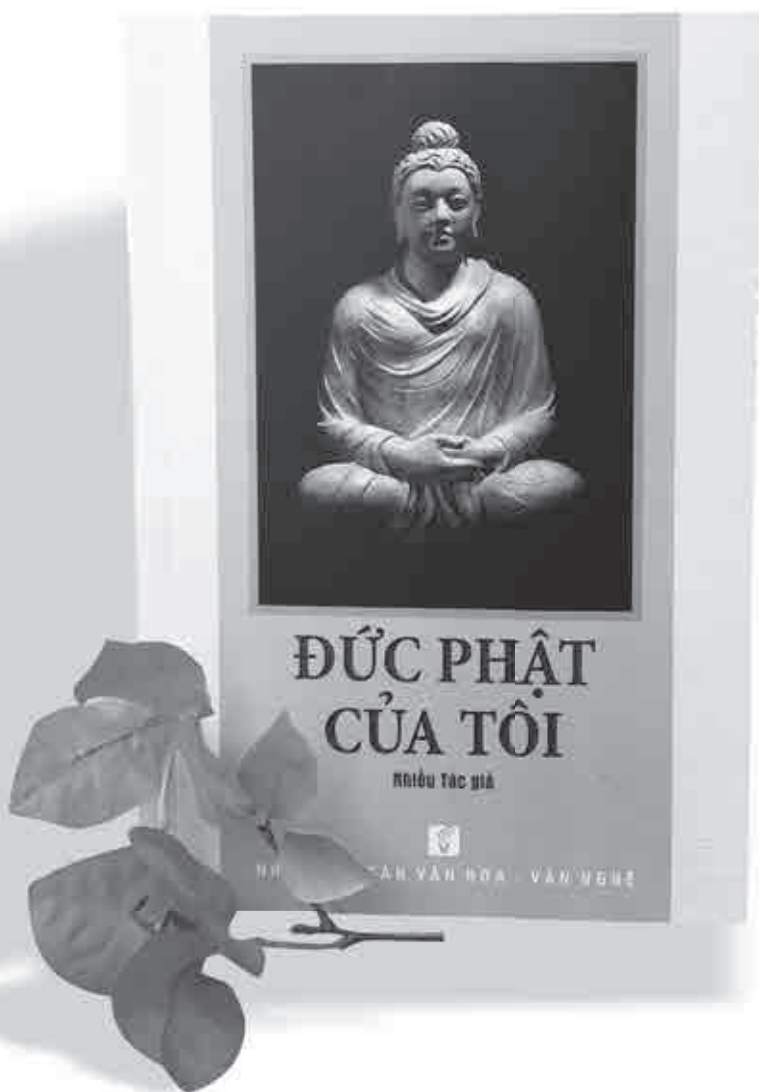
Vị sư già ở chùa này, thấy tôi, chỉ chuyên tu, trì kinh, niệm Phật. Chùa làng vắng hoe, vắng hơn cả đình làng. Chùa nhỏ, vắng người coi sóc, nhưng đây là nơi tôi có thể nuôi dưỡng tâm hồn.

Một mình. Cô đơn và thanh thản như hoa súng hôm nay. ■

Đức Phật của tôi

Lời tòa soạn: Quý IV năm 2015, Nhà xuất bản Văn Hóa - Văn Nghệ phối hợp với Công ty Cổ phần In Khuyến học phía Nam cho thực hiện tập sách "Đức Phật của tôi" với nội dung là những bài viết của nhiều tác giả, đã đăng trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trong nhiều năm qua. Chúng tôi xin đăng lại bài viết được in trên đầu tập sách để giới thiệu cùng chư đọc giả.

Văn Hóa Phật Giáo



Số báo 13 (năm 2006) của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo có đăng thông báo về việc mở một chuyên mục mới: *Đức Phật của tôi*.

Chuyên mục này được các tác giả cộng tác viên và nhiều độc giả gửi bài đến. Cho đến số báo 38 là số chấm dứt chuyên mục này, gồm 23 bài viết đã đăng.

Tuy vậy, đề tài của chuyên mục vẫn được tiếp tục cho đến nay, qua các bài viết rải rác của nhiều tác giả và nay được tuyển chọn lại trong tập sách này.

Sách chỉ gồm 49 bài viết. Nội dung chứa đựng lòng tôn kính Đức Phật và Giáo pháp của Ngài, được diễn tả theo quan điểm, tình cảm, tư duy của từng tác giả; cụ thể là niềm tin Phật sâu đậm được chuyển tải qua việc niệm Phật, cầu nguyện, lễ bái, chiêm ngưỡng các thánh tích, tự viện, thể hiện tình thương, lòng từ bi, lòng kính ngưỡng chư Bồ-tát... và qua những kỷ niệm, những khía cạnh sinh hoạt đời thường.

Hình thức diễn đạt của các tác giả đơn giản, trong sáng, nhẹ nhàng, bày tỏ sự chân thành, cảm xúc sâu đậm rất dễ được thông cảm. Đó là nét chung của các bài viết trong cái riêng của từng tác giả như đã nói trên. Đó cũng là một đặc trưng của Phật giáo, phong phú, đa dạng, không cứng nhắc, gò bó và có thể thích ứng với mọi người, mọi hoàn cảnh.

Mong sao tập sách này có phần đóng góp, dù nhỏ nhoi, vào sự phát triển văn học Phật giáo trong thời đại mới, khơi gợi niềm tin Tam bảo trong lòng các Phật tử, và góp phần chuyển tải chủ trương của Văn Hóa Phật Giáo, "Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa, và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc".

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn sách nhỏ này cùng chư đọc giả. ■

TP.HCM, Kỷ niệm Phật thành đạo (2015)

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo

Đức Phật Mẫu Hoàng Thiên

NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

LTS: Tín ngưỡng thờ Mẫu, một bộ phận văn hóa dân gian gọi là đạo Mẫu, hân phát xuất từ nguyên lý Mẹ trong thế giới tâm linh của khá nhiều dân tộc trên thế giới. Tín ngưỡng thờ Mẫu tại Việt Nam cũng khá phổ biến. Chúng tôi đăng bài viết sau đây của tác giả Nguyễn Đức Quỳnh chỉ như một thông tin khách quan mà thôi.

Từ ngàn xưa đến nay, người Mẹ luôn giữ một vai trò hết sức quan trọng đối với cuộc sống nhân loại. Không có người Mẹ, không có danh nhân, không có anh hùng... Chính người Mẹ là đấng sáng tạo ra những nhân cách kỳ diệu, kỳ vĩ hơn mặt trời, huyền diệu hơn tạo hóa. Chính Người đã chắt chiu cuộc sống, chịu đựng gian khó để cho các con có cuộc sống tươi đẹp hôm nay. Mang đầy đủ những đức tính cao quý nhất của những người Mẹ bình thường của nhân loại, là Đấng sinh thành, nuôi dưỡng cả vũ trụ bao la và của tất cả chúng sinh trong đó, đó chính là Đức Phật Mẫu Hoàng Thiên.

Truyền thuyết kể rằng khi thế giới còn trong thời kỳ hỗn mang, vũ trụ chỉ có một chất khí là Thái cực; bỗng khí Thái cực xoay vần rồi ngưng kết phát ra tiếng nổ lớn (theo lý thuyết của ngành Vật lý các Hạt Cơ bản thì đó là vụ nổ nguyên thủy vĩ đại gọi là Big Bang (Vụ Nổ lớn) cách đây khoảng 15 tỷ năm và vũ trụ được tạo ra từ đó). Vụ Nổ lớn đã tạo ra không gian, thời gian và vật chất; đồng thời tạo nên một khối ánh sáng vĩ đại gọi là Đại Linh Quang; Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế phân chia Thái cực thành Lưỡng nghi; Lưỡng nghi sinh Tứ tượng, Tứ tượng sinh Bát quái, Bát quái sinh vạn vật, Bát quái biến hoá vô cùng tạo ra Càn Khôn thế giới¹, từ đó vũ trụ được hình thành. Như vậy, nguồn gốc của vũ trụ là Thái cực, sự khởi đầu của vũ

trụ chính là sự phân chia khối khí thành tam tài (Thiên, Địa, Nhân). Thái cực vừa là nguồn gốc, vừa là điều kiện sinh thành của mọi sự vật; đức nguyên của trời là khí, đức nguyên của đất là hình. Hơi khí của trời và đất đều là sinh ý, hai khí ấy gặp nhau tạo ra cơ mẫu để sinh hóa. Đức Phật Mẫu đã phối hợp Lưỡng nghi để tạo ra các tầng Trời, tinh cầu, địa cầu và Càn khôn Vũ trụ; Người đã sinh ra vạn linh rồi cho đầu kiếp xuống các địa cầu tạo thành vạn vật và chúng sinh. Trải qua vô số kiếp ở thế gian, nhiều người trong số đó đã học tập, tu dưỡng, tiến bộ về tâm linh, đạt quả vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Đến nay, nhân loại đã trải qua tam đại kiếp của cõi ta-bà, mỗi đại kiếp có một vị Phật cầm quyền cai quản Càn khôn thế giới: Đỉnh Quang Phật (cai quản Trang Nghiêm Kiếp), Đức Phật Thích-ca (cai quản Hiền Kiếp) và hiện nay (Tinh Tú Kiếp) là thời kỳ Đức Phật Di-lặc cai quản. Mẫu phân chia thế giới, phân công vị trí, vai trò của các ngôi cai quản ba cõi:

Phật, Tiên, Thánh, Mẫu - bốn Tòa

Chia ra từng cấp để mà soi tâm

Mới có Xuân, Hạ, Thu, Đông

Xuân hoa đua nở trong lòng sống vui.

Theo giáo lý Phật giáo, Phật là người tu hành đã đắc đạo, thấu suốt tất cả sự lý trong vũ trụ, linh hồn đã vào cõi Niết-bàn, không còn đầu thai theo thuyết luân hồi nữa; là một Đấng toàn trí, toàn năng, là người đã dứt



khỏi luân hồi, vượt qua mọi tham ái, đạt giác ngộ hoàn toàn, đạt giải thoát, chứng Niết-bàn. Phật nhập Niết-bàn cũng là lúc chấm dứt quá trình đạt đạo. Đức Phật Mẫu đã lập ra Vườn Đào Tiên và dùng đào tiên ban thưởng cho người đắc đạo trở về Niết-bàn.

Về vai trò và quyền năng của Phật Mẫu, giáo lý đạo Cao Đài viết: “Chúng ta đã có một bà mẹ là Phật Mẫu cầm quyền năng tạo đoan xác thịt hình hài của ta, Chí Tôn là Cha cho nhứt điểm Tinh, Phật Mẫu là mẹ của xác, cho nhứt điểm Khí, cha mẹ hữu hình, vâng lệnh Phật Mẫu tạo xác thịt hiện hữu đây, còn quyền năng thi hài Đấng ấy làm chủ. Phật Mẫu có tính chất của Bà Mẹ, bản đạo xin làm chứng rằng: Tính chất bà mẹ hữu hình thế nào thì tính chất của bà mẹ Phật Mẫu cũng hiện y nguyên như vậy, nhưng có phần yêu ái hơn, bảo trọng hơn, bình vực hơn².”

Phật Mẫu cầm Pháp chuyển cơ sinh hoá vô tận, cả loài người, cây, cỏ, sắt, đá... cũng nhờ tay của Đức Phật Mẫu nắm Pháp biến xuất, Người là Chưởng quản Tạo hóa thiên. Quả cầu vũ trụ là Mẫu sinh thời tạo dựng, khai thiên lập địa cùng Mẹ Trời chuyển xoay:

*Phật Mẫu hoàng chuyển xoay vũ trụ
Trái đất cùng vạn vật đổi thay.*

Đức Ngọc Hoàng ban cho con người điểm linh quang là phần tinh thần, Phật Mẫu ban cho chúng ta phần khí chất là phần sinh lực. Phật Mẫu Hoàng Thiên sinh ra và ban cho chúng sinh cuộc sống, Phật Mẫu Đất Địa đón chúng sinh khi bóng đã xế chiều. Tóm lại, tất thảy chúng sinh trong càn khôn vũ trụ đều là con cái của Đức Phật Mẫu, dù đó là những Giáo chủ như Đức Moïse, Đức Phật Thích-ca, Đức Di-lặc, Khổng Tử hay Chúa Jesus³... Mẫu che chở cho chúng sinh, xóa nỗi khổ đau, bắc nhịp cầu chỉ lối nhiệm màu tiêu sinh. Trái đất là một thực thể sống có nhân tính do Mẫu sinh, Mẫu dưỡng; mùa màng thóc gạo Mẫu sinh để nuôi dưỡng các con; non trùng, hạ thảo Mẫu tạo dựng phân chia, mỗi con một châu lục, một màu da, một truyền thống khác nhau. Các hiện tượng thiên nhiên như mưa, gió, sấm chớp, sóng thần, động đất, núi lửa... đều có liên quan đến năng lực tâm linh. Nói cách khác, các hiện tượng đó diễn ra dưới sự điều khiển của những vị thần nhất định, mà đứng đầu, quyền lực tối thượng, là Phật Mẫu Hoàng Thiên.

Theo truyền thuyết, Đức Phật Mẫu đã hoá thân xuống thế gian dưới nhiều hình tượng và danh xưng khác nhau, các nước phương Tây gọi là Đức Mẹ, các nước phương Đông gọi là Cửu Thiên Huyền Nữ, Thái Dương Thần Nữ, Tiên Thiên Thánh Mẫu; Lão giáo (Trung Hoa) gọi là Lão Mẫu, Ấn Độ giáo tôn thờ Ngài là Đức Devi Bhagava; ở Việt Nam dân gian gọi là Bà Chúa Tiên hay nôm na là Mẫu⁴. Đạo Cao Đài tôn thờ Đức Phật Mẫu ở Ngõ thứ Nhì, Đức Thượng Đế ở Ngõ thứ Nhất; đối với họ, mọi biểu hiện của sức mạnh thần thánh bắt nguồn từ Mẹ tối cao. Trong các ngôi chùa Phật giáo ở miền Bắc nước ta đều có gian thờ Mẫu trang nghiêm. Tuy theo phong tục và nhận thức của từng quốc gia, dân tộc mà có những cách thức khác nhau để biểu lộ lòng tôn kính, hiếu hạnh với Người. Mẫu thánh thiện và quyền lực vô song, luôn chứa chan lòng từ bi ban ân phúc cho mọi người, chỉ cần mỗi người có một đức tin và tâm hồn thanh tịnh, trong sáng thì sẽ được nhận được lời chỉ dạy và ân huệ của Người:

*Tuy rằng Mẫu Mẹ vô hình
Nhưng Mẹ giáng cõi Tâm linh sang lời
Mẹ khuyên dương thế con ơi
Có Cha, có Mẹ trên cao giáng Trần
Mẹ cho con đón Hội Xuân
Hội Thiên Mẹ mở cõi trần vui tươi
Con ơi, tâm cốt Phật Trời
Giáng trần đổi mới cho đời văn minh
Các con đón cõi Thiên Đình
Đón được cõi tâm linh Phật Trời.*

Như bao bà mẹ trên thế gian này, Phật Mẫu luôn khuyên con người dù ở vị trí xã hội nào, ở bất kỳ quốc gia nào cũng phải luôn đặt chữ “tu thiện” hàng đầu để mở mang lòng người cho trí tuệ, tư duy được sáng suốt, minh mẫn và luôn yêu thương con người; không ham danh lợi, hiển vinh, không xa hoa, lãng phí, không hận thù, tham vọng, không ganh ghét, chia rẽ; không có tâm dạ “mọt sâu”, không làm kẻ xấu để “rầu nổi canh”.

Mẫu dạy:

*Gắng tu giữ lấy Đạo nhà
Bồ-đề gốc Phật tại nhà con tu
Công lao Cha Mẹ đắp bù
Hôm nay mới có trường tu tại nhà;*

*Phàm trần tu đức, con ơi
Tu nhân, tích đức cho đời hiển vinh
Con ơi, vận mệnh Thiên Đình
Cuối kỷ có cõi Tâm linh xuống Trần
Xuống Trần giải nghiệp cho dân
Nhân nào, quả đó, muôn phần vinh hoa⁵.*

Nhờ thực hiện những điều mà Đức Mẫu đã chỉ dạy, những người có tâm đức sẽ vững vàng đi trên đường đạo, không kiêu hãnh với những công quả đã thực hiện, luôn làm việc thiện và giữ tâm công chính:

Hoàn cầu trái đất Mẫu thi chuyển xoay

*Các con thiện, ác trả lời ngay
Luật Trời Mầu xử nay thời công minh.*

Đó cũng là phương cách để giúp nhân loại hưng thịnh trên đường tiến hóa:

*Cha Mẹ cho muôn thuở, muôn đời
Bình minh đã sáng lên rồi
Các con sẽ được đời đời vinh hoa
Công ơn đây là của Mẹ Cha
Đó là giáng thể chan hòa cho dân.*

Theo triết lý Phật giáo, mỗi thế giới đều trải qua bốn kiếp là: “Thành, Trụ, Hoại, Không”. Trong đó, Hoại, Không là thời kỳ cuối của chu kỳ thành lập vũ trụ, vạn vật. Trong kinh Phật giáo Hòa Hảo, Đức Thích-ca đã tiên tri: “Sau này vào thời Mạt pháp sẽ có Phật Di-lặc ra đời, là một vị Phật thứ năm trong năm vị Phật. Phật Di-lặc là vị Bồ-tát sẽ nối tiếp Đức Thích-ca lập ra Hội Long Hoa để hóa độ chúng sinh. Giáo lý của đạo Cao Đài cũng khẳng định rằng vũ trụ vạn vật sẽ tiến hóa theo một chu trình làm 3 ngươn: Thượng Ngươn là Ngươn Tạo hóa, Trung Ngươn là Ngươn tranh đấu, Hạ Ngươn hay còn gọi là Ngươn điều tàn bởi đó là thời kỳ loài người đấu tranh, tiêu diệt lẫn nhau khốc liệt. Song thời kỳ này cũng là thời kỳ Ngươn Đạo đức Phục hưng vì hễ loạn là tới trị, vong tất hưng, để thành Ngươn tái tạo”⁶.

Từ khi Phật Thích-ca tịch diệt đến nay, loài người trải qua ba thời kỳ là Chánh pháp, Tượng pháp và nay là Mạt pháp (hay là thời Mạt kiếp). Thời kỳ Mạt pháp sẽ có Đức Phật Di-lặc ra đời giáo hóa chúng sinh trở về thời kỳ Chính pháp để lập “Thời Thượng Ngươn Thánh Đức”, tạo ra chu kỳ mới là cuộc sống vô cùng tốt đẹp. Như vậy, thế kỷ XXI là thời điểm nhân loại bước vào Ngươn cuối cùng của Thiên Địa, là Ngươn Tái Tạo, cũng là thời kỳ Hoại, Không theo triết lý của Phật giáo. Trong Kinh Thánh cũng đã nói, nhân loại thời Mạt kiếp ắt sẽ có Cứu Thế Chủ giáng thể cứu vãn chúng sinh; qua nghiên cứu nhiều tài liệu của Công giáo mô tả Cứu Thế Chủ, thì người đó chính là Phật Di-lặc.

Bước vào Thiên niên kỷ mới, tâm linh Phật Thánh giao ban, Mầu Hoàng Thiên trên Tòa sen đã giáng trần, Mầu mở trường, khai Hội thi tuyển người hiền để mở đường đạo mới cho cả năm châu, chuyển luân đạo pháp để nước Nam ta thành nước Phật Việt Nam, được tiếp quản đường đạo mới ra đời, là đường Đạo Thiện sáng ngời, để năm châu, bốn biển phải quy phục:

*Thế kỷ XXI Mầu về bắc nhịp cầu
Trường thi Mầu mở Việt Nam đứng đầu
Hoàn cầu thế giới năm châu
Đều phải quy Mầu Phật thời nước Nam.*

Trong giáo lý Phật giáo có đoạn nói, Đức Thế Tôn đã phán: “Giữa hồi Thượng nguyên cuối triều Đường nguyên, vào khoảng năm Dân, Mão đó, lũ đại chúng các người, có muốn diễn viên thành Chính giác, thời phải chờ khi Ta hạ sinh, sẽ lần lượt truyền thụ kỷ Đại hội Long Hoa cho cả. Rồi hết, khiến các chúng lần lượt đầu sinh, từng

thứ thành Phật để tuyên pháp chính Ta, làm đạo chính Ta, khắp đều chúng viên minh chính quả”⁷.

Giáo lý Phật giáo Hòa Hảo cũng khẳng định, Việt Nam có vị Quân sư Thượng trí, có lục thông: “Ngồi một nơi mà thấy xa, nghe xa, biết cả ý muốn của muôn người, cả 18 nước tham chiến phải phục tùng”⁸. Người đó sẽ được chọn để kế vị ngôi vị của Đức Phật ở thế Hiện Kiếp, và điều này do Mầu là đứng ở ngôi cao nhất quyết định. Đức Di-lặc Vương Phật sẽ mở Đại Hội tuyển chọn người hiền tài và đức hạnh tốt đẹp tại gốc cây Long Hoa, nên được gọi là Đại Hội Long Hoa do Đức Di-lặc làm Giáo chủ⁹. Thời gian qua, trên thế giới và ở Việt Nam đã xuất hiện nhiều hiện tượng ngoại cảm được khoa học kiểm chứng đã chứng minh nội dung này, đồng thời đã khẳng định quan điểm: Thế giới tâm linh là có thật, xã hội loài người có mối quan hệ chặt chẽ với các hiện tượng tâm linh huyền bí; nhân loại sẽ chứng kiến những biến chuyển tâm linh hết sức to lớn khi bước vào thiên niên kỷ mới. Một lực lượng tâm linh mới sẽ tiếp quản vị trí, quyền năng của lực lượng tâm linh tiền nhiệm:

*Phật về đổi mới cho dân
Phật về đổi mới toàn phần thế gian.*

Vì vậy, con người cần nhận biết và tu cho đúng đường đạo của thời đại mới.

Xin Phật Mầu hãy nhận những lời mộc mạc của tác giả giới thiệu Phật Mầu với nguyện ước lớn lao là để chúng sinh nhận thức được vị trí, vai trò của Người đối với thế giới, đến những biến chuyển tâm linh to lớn của thời đại mới để đi đúng đường tu, đồng thời nguyện mang lời giáo huấn của Người đến với mọi người cùng học tập, tinh tiến trên con đường tu hành:

*Tay con dâng đóa hoa xinh
Thỉnh cầu Mẹ giáng Tâm linh chứng đàn
Đội ơn Tiên Tổ sắt son
Không cho con trễ mỗi mòn nửa đầu
Dạy cho con học kính, học cầu
Các con chăm học đẹp giàu mai sau. ■*

Tài liệu tham khảo:

- 1, 3. Từ Bạch Hạc, Tùng Thiên, Ngoi Tho Dục Phat Mau, <http://www.daotam.info/books/ntdpm>.
- 2, 4. Dã Trung Tử sưu tập, Đức Phật Mầu Điều trị Kim Mầu, <http://www.daotam.info/books/dpmdtkm.htm>.
5. Cư sỹ Giác Ngộ, Tu mau kéo trễ, <http://www.tamduyen.com/2010/03/10/tu-mau-keo-tre>.
6. Tận thế và Hội Long Hoa, <http://www.phatgiaohoa.hao.net/tu-sach-phat-giao-hoa-hao/tan-the-va-hoi-long-hoa>.
7. Kinh Di Lặc Độ thế, Hòa Thượng Thích Tâm Châu, <https://www.facebook.com/permalink>.
8. Phật giáo Hòa Hảo, Lời tiên tri, <http://www.trituephatmon.com/archive/index.php/t-2216.html>.
9. Triết lý về Hội Long Hoa qua các tôn giáo, <http://www-personal.usyd.edu.au/~cdao/books/hoilonghoa/hoilonghoa>.

Lăng mộ tổ nghề kim hoàn Việt Nam

Bài & ảnh: TRẦN VĂN DŨNG



Toàn cảnh từ đường họ Kim hoàn

1. Nghề kim hoàn truyền thống

Hán-Việt từ điển của học giả Đào Duy Anh định nghĩa kim hoàn là vòng xuyên vàng. Các nghệ nhân lão thành nghề kim hoàn cho biết, khởi đầu nghề kim hoàn xuất phát từ những nghệ nhân chuyên đúc vàng bạc và làm đồ trang sức cho tầng lớp vua chúa và quý tộc phong kiến, chỉ có trong cung đình hoặc chốn thượng lưu. Ngoài dân gian thì từ đồng đến bạc đã là quý, nên người thợ làm đồ trang sức dân gian hồi ấy gọi là thợ bạc. Sau này, vàng cũng trở nên thông dụng, dân chúng dùng vàng nhiều hơn bạc nên người thợ được gọi là thợ vàng. Do danh từ kim hoàn nghe có vẻ thanh nhã hơn cho nên từ kim hoàn được dùng phổ biến. Đây là ngành nghề đòi hỏi người thợ phải có tay nghề cao, có sự tỉ mỉ và cẩn trọng đặc biệt trong công việc, bởi vật liệu mà họ chế tác vô cùng quý hiếm.

Về lịch sử xuất hiện thì nghề kim hoàn đã có từ lâu đời, khi con người có nhu cầu làm đẹp và vàng bạc trở thành một thứ đồ trang sức quý giá. Ở Việt Nam, trong các di chỉ khảo cổ xa xưa đã ít nhiều xuất hiện một số đồ trang sức bằng vàng bạc. Từ đầu Tây lịch, cổ sử Trung Quốc từng ca tụng Giao Châu (tên nước ta hồi đó) là nơi có nhiều vàng bạc châu báu và việc khai thác những kim loại quý này đã khá phát triển. Nhiều cuộc khai quật các ngôi mộ cổ có từ thế kỷ II, III đã phát hiện nhiều đồ trang sức bằng vàng, bằng ngọc như vòng tay, nhẫn, trâm, lược, hoa tai, hạt chuỗi... được chế tác rất tinh tế. Đặc biệt, vùng Đại La - Thăng Long xưa có làng Định Công nằm bên bờ sông Tô Lịch (nay thuộc huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội) vốn nổi tiếng với nghề kim hoàn từ thế kỷ VI. Tương truyền tổ nghề chạm vàng bạc có liên quan đến ba anh em họ Trần (sinh thời khoảng năm 571-603) đã tạo nên cái nôi ban đầu của nghề chạm kim hoàn. Điều đó chứng tỏ trước khi xuất hiện hai vị tổ nghề họ Cao ở đất Huế (mà chúng tôi đề cập trong bài viết này) thì nước ta đã có nghề chạm khắc vàng bạc làm đồ trang sức; tuy nhiên dấu ấn để lại hiện nay ít nhiều đã phai nhạt, chỉ còn truyền tụng bằng các giai thoại trong chốn dân gian.

Theo sử sách ghi lại, những vị có công định hình và khai sáng nghề kim hoàn Việt Nam xuất hiện vào khoảng hơn 200 năm trước và đã được triều đình nhà Nguyễn sắc phong vào các thời vua Khải Định năm thứ 9 (1924) và vua Bảo Đại năm thứ 13 (1939). Đó là hai cha con ông Cao Đình Độ và Cao Đình Hương. Tất cả các họ, các lò của ngành kim hoàn ba miền đã chính thức chọn ngày 7 tháng 2 (ngày mất của ông Cao Đình Hương) làm ngày giỗ tổ nghề. Hai ông được xem là tổ nghề kim hoàn Việt Nam hiện nay.

2. Hành trạng tổ nghề kim hoàn

Vị Đệ nhất tổ sư Cao Đình Độ sinh năm Giáp Thìn (1744), tại làng Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Xuất thân nông dân nhưng thuở thiếu thời ông

rất ham học và được truyền thụ nền giáo dục Nho giáo. Lớn lên ông làm nghề bịt đồng (tức là hàn khay gậy, bịt chén bể...). Vào thời đó, các chúa Nguyễn nắm trong tay nhiều mỏ vàng, đặc biệt là mỏ Bồng Miêu ở tỉnh Quảng Nam, nhờ thế mà đồ trang sức trong phủ chúa đều làm bằng vàng. Nhưng nghề kim hoàn ở nước ta chỉ mới phôi thai, dân ta chưa có ai thành thạo nghề này. Các vật dụng quý, đồ trang sức của vua chúa hay quan lại đều phải thuê thợ kim hoàn người Trung Quốc chế tác. Những người thợ này, hoặc theo thuyền buôn sang thông thương, hoặc xin trú ngụ để hành nghề. Họ giấu nghề rất kỹ để giữ độc quyền hành nghề. Chúa Nguyễn Phúc Khoát nhận ra sự thiệt thòi của nền thủ công mỹ nghệ nước nhà, thường rất băn khoăn nên đã ra lệnh cho quan lại tìm cách hợp tác sản xuất, kinh doanh nhưng đều không có kết quả.

Trong hoàn cảnh đó, với niềm đam mê là muốn trở thành một người thợ kim hoàn xuất sắc, người thợ trẻ Cao Đình Độ đã thành tựu một công nghiệp lớn. Ước mơ mãnh liệt ngày đêm thôi thúc buộc ông lên đường “tâm sư học đạo”. Ông đã phải dành nhiều thời gian học tiếng Hoa, theo dõi lối sinh hoạt, giao thiệp của họ, rồi cải trang thành người Hoa xin vào giúp việc cho một chủ tiệm vàng ở Thăng Long (Hà Nội).

Nhờ có vốn Nho học phong phú cộng thêm tính hiếu học và lòng trung thực, ông đã khiến chủ tiệm kim hoàn người Hoa cảm động, quý mến và truyền nghề cho. Mặc dù người Hoa có tiếng là giữ nghề, không truyền cho người ngoài, nhưng với tư chất thông minh, lanh lợi sẵn có, cộng với đôi bàn tay khéo léo và sự cần cù, sáng tạo nên ông quan sát tìm hiểu và nắm bắt được bí quyết nghề kim hoàn của họ. Với ý chí phải học cho thành tài, ông học cả cách chế tạo dụng cụ cần thiết của nghề chạm trổ vàng bạc và không từ chối bất cứ việc gì chủ sai bảo. Công sức của ông đã được đền đáp xứng đáng, tay nghề ông ngày càng thành thạo và đạt trình độ kỹ thuật tinh xảo, đủ sức tranh tài với những thợ kim hoàn người Hoa khác tại đất Thăng Long thời bấy giờ.

Năm Quý Mão (1783), quân Trịnh chiếm đóng Phú Xuân, đường vào Thuận Hóa thông thương nên ông đã cùng vợ con men theo bờ biển vào Nam và dừng chân lập nghiệp tại làng Kế Môn (nay thuộc xã Diên Môn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế). Tại đây, ông đã truyền nghề cho con trai mình là Cao Đình Hương. Thừa hưởng đức tính thông minh của cha, Cao Đình Hương tiếp thu nghề kim hoàn một cách nhanh chóng và trở thành một người thợ thành thực trong nghề kim hoàn tại Thuận Hóa. Ông Cao Đình Độ cũng truyền nghề cho một số học trò thuộc hai họ Huỳnh Công và Trần Mạnh. Về sau, hai họ Huỳnh, Trần tiếp tục truyền nghề lại cho con cháu. Hoạt động truyền nghề đó đã biến làng Kế Môn thành làng thợ kim hoàn lớn vào bậc nhất ở xứ Đàng Trong.

Dưới thời nhà Tây Sơn, vua Quang Trung cũng là người quan tâm đến nền thủ công nghiệp nước nhà, đã lập ra ngành Ngân tượng và danh tiếng ông Cao Đình Độ được lan truyền đến triều đình. Năm 1790, vua Quang Trung triệu hai cha con ông cùng một số thợ bạc ở làng Kế Môn vào triều để lập đội Cơ vệ Ngân tượng, nơi chuyên nghiên cứu nghệ thuật điêu khắc, chạm trổ vàng bạc và đồ trang sức cung đình. Trước những đóng góp lớn lao đó, ông được triều đình phong chức Lãnh binh; phó Lãnh binh là người con Cao Đình Hương. Thời gian này, gia đình ông sống tại làng Cao Hậu (thường gọi là Côi Hậu), huyện Hương Trà (nay là phường Hương Sơ, thành phố Huế).

Đến khi chúa Nguyễn Ánh chiếm lại đất Thuận Hóa - Phú Xuân, lập nên vương triều Nguyễn, lấy niên hiệu Gia Long vào năm 1802, hai cha con ông Cao Đình Độ và Cao Đình Hương cũng như nhóm thợ làng Kế Môn vẫn được vua Gia Long trọng dụng, cấp bổng lộc và giữ nguyên tước cũ để tiếp tục bảo tồn và phát triển nghề kim hoàn trong kinh thành. Hai ông vẫn được tiến cử giữ chức vụ này chứng tỏ là người có tài và đức hạnh nên được nhà vua và triều đình tin dùng. Các sản phẩm từ vàng bạc như trâm cài, hoa tai, vòng xuyến, nhẫn... được sử dụng ở kinh thành Phú Xuân chủ yếu được tạo tác bởi những người thợ kim hoàn làng Kế Môn.

Vào ngày 27 tháng 2 năm Canh Ngọ (28/2/1810), ông Cao Đình Độ qua đời, hưởng thọ 66 tuổi. Nhà vua và triều đình thương tiếc, truy phong tước hiệu “Đệ nhất tổ sư”, được ban đất xây lăng mộ như các quan đại thần và cử hành tang lễ chu tất, an táng tại ấp Trường Côi (nay là phường Trường An, thành phố Huế). Mặc dù còn được kế tục sự nghiệp quản lý của cha trong triều với chức quan Lãnh binh, nhưng bằng cách nhìn nhạy bén của người trong nghề, Cao Đình Hương nhìn thấy hoài bão của cha mình sẽ bị mai một theo thời gian; không những thế, nghề kim hoàn sẽ bị thất truyền nếu ông chỉ tập trung phục vụ trong cung vua. Vì thế, ông Cao Đình Hương quyết định từ quan về quê để tìm người nối nghiệp gia đình. Quan Thượng thư Bộ Lại ở Thuận Hóa lúc bấy giờ là Trần Minh cùng vợ là Huỳnh Thị Ngọc đã mời ông về phủ dạy nghề cho ba người con là Trần Hòa, Trần Điện, Trần Điển và ba người cháu là Huỳnh Quang, Huỳnh Bảo, Huỳnh Nhật.

Ngày 7 tháng 2 âm lịch (8/2/1821), ông Cao Đình Hương qua đời, thọ 48 tuổi, được vua Minh Mạng phong tước hiệu “Đệ nhị tổ sư”, được an táng bên cạnh mộ phần tổ phụ tại ấp Trường Côi. Trước khi mất, tâm huyết sau cùng của ông là mong muốn học trò của mình đem nghề kim hoàn truyền bá rộng khắp trong dân gian.

Theo lời thầy dạy, sáu đệ tử của ông Cao Đình Hương đã chia nhau đi theo hai hướng để truyền nghề kim hoàn trong thiên hạ. Ba anh em họ Trần ngược ra Bắc Hà, đến Thăng Long mở lò thợ bạc, thu nhận đệ tử. Ba

anh em họ Huỳnh lại xuôi vào Nam; đến Phan Thiết, do một người qua đời, hai người còn lại dùng chân luôn tại đây để mở lò dạy nghề. Do đó, thợ kim hoàn ở Phan Thiết xem ba anh em họ Huỳnh là tổ sư nghề kim hoàn. Được tin ba anh em họ Huỳnh dùng chân ở Phan Thiết, ba anh em họ Trần sau khi truyền nghề ở phía Bắc, lại tiếp tục hành trình xuôi vào Nam và điểm dừng chân của họ là Chợ Lớn. Anh em họ Trần đã mở lò thợ bạc, truyền nghề cho đệ tử khắp miền lục tỉnh. Tại Chợ Lớn, vì quá thương nhớ thầy và bạn đồng nghiệp nên anh em họ Trần đã lập một đền thờ lấy tên là “*Lê Châu Hội Quán*” vào năm 1892. Đền thờ Lê Châu được đặt tên như vậy là do xuất phát từ câu: “*Kim trầm lệ thủy, ngân xuất châu đề*” (có nghĩa vàng chìm sông lệ, bạc xuất bờ châu).

Gần 100 năm sau khi hai ngài qua đời, đến triều Khải Định thứ 9 (năm 1924), nhân dịp lễ Tứ tuần Đại khánh tiết, xét hai ngài có nhiều công lao trong việc truyền bá nghề kim hoàn nên vua Khải Định hạ chiếu sắc phong “*Dực bảo Trung hưng Linh Phò chi thần*” vào ngày 25 tháng 7 năm 1924. Đến đời vua Bảo Đại thứ 13 (năm 1938), hai ông tiếp tục được sắc phong là những người có công khai sáng ngành kim hoàn Việt Nam; đồng thời khu lăng mộ được kiến tạo, trùng tu đạt giá trị nghệ thuật cao. Hiện nay, tại từ đường họ Kim Hoàn, tọa lạc số 7 chùa Ông, phường Phú Cát, thành phố Huế, còn lưu giữ một số bản sắc phong của các vua triều Nguyễn cho hai vị tổ nghề.

Những người thợ kim hoàn đều xem hai ông Cao Đình Độ và Cao Đình Hương là tổ sư của nghề. Có một điều thú vị và khó có lời giải thích một cách thấu đáo; đó là vì sao các môn đệ nghề kim hoàn lại chọn ngày mất của ông Cao Đình Hương mà không lấy ngày mất ông Cao Đình Độ làm ngày giỗ tổ nghề? Các vị nghệ nhân kim hoàn lão thành cho chúng tôi biết: không phải do tài năng đức độ của ông Cao Đình Độ còn kém so với con trai mình; mà là do lúc sinh thời, ông Cao Đình Độ do đảm nhận chức vụ của người thợ chính chuyên chế tác những đồ ngự dụng cho hoàng gia triều Nguyễn nên không có nhiều thời gian để truyền nghề cho hậu thế. Còn ông Cao Đình Hương sau này, bên cạnh việc chuyên lo chế tác đồ ngự dụng trong cung đình, ông còn dành nhiều thời gian truyền dạy nghề kim hoàn ra ngoài dân gian. Có lẽ, do nguyên nhân này nên các lớp đệ tử về sau chỉ biết đến người thầy dạy trực tiếp của mình nên đã lấy ngày giỗ của ông làm ngày giỗ tổ nghề kim hoàn.

3. Kiến trúc nghệ thuật lăng mộ tổ nghề kim hoàn

Khu lăng mộ tổ nghề kim hoàn Việt Nam tọa lạc ở phường Trường An, thành phố Huế. Đến đường Phan Bội Châu, du khách đi một đoạn, rẽ vào kiệt số 75 sẽ đến cổng lăng mộ tổ nghề kim hoàn.

Lăng Đệ nhất tổ sư (Cao Đình Độ) xây dựng năm Canh Tuất (1810). Lăng Đệ nhị tổ sư (Cao Đình Hương) xây dựng năm Tân Tỵ (1821). Hai lăng mộ tổ nghề kim

hoàn được trùng tu lần thứ nhất vào năm Khải Định thứ 4 (1919) do cụ Huỳnh Côn chủ trì với sự đóng góp của toàn thể môn đệ Cục Kim hoàn. Thời gian và hoàn cảnh đã khiến kiến trúc lăng mộ bị hư hỏng nhiều; nên vào năm 1970, lăng mộ tổ nghề kim hoàn tiếp tục được đại trùng tu sửa chữa với quy mô kiến trúc khang trang, độc đáo do cụ Triệu Mân, Chủ tịch Nghiệp đoàn ngành Kim hoàn Trung - Cao Nguyên và Nam Phần chủ trì. Đây là sự hội tụ tinh hoa về nghệ thuật và đóng góp tài chính của toàn thể môn sinh ngành kim hoàn trong cả nước.

Điểm nhấn của kiến trúc lăng mộ tổ nghề kim hoàn là cổng lăng gồm bốn trụ biểu cao. Bờ dài mặt trước của hai trụ biểu chính giữa có đắp nổi hai vế đối bằng chữ Hán. Khu lăng mộ có bình đồ hình trái xoài dài 17,5m, rộng 11m, với chu vi khoảng 2.200m². Phía bên trái (nhìn vào) là lăng mộ của Đệ nhất tổ sư Cao Đình Độ, phía bên phải là của Đệ nhị tổ sư Cao Đình Hương. Hai ngôi mộ cách nhau 100m và được định hướng Đông, Tây, Nam, Bắc theo la bàn cổ. Hai lăng mộ được xây dựng tương đối giống nhau theo kiểu “*nội công, ngoại quốc*”, là kiến trúc đặc trưng của triều Nguyễn. Về nghệ thuật, các nghệ nhân đã sử dụng những mảnh sành sứ, thủy tinh để thực hiện những họa tiết sống động, có hồn và tinh tế vô cùng. Lăng mộ của hai vị tổ nghề chia thành hai tầng. Tầng thứ nhất có cửa tam quan bằng bốn trụ biểu có trang trí bằng các câu đối; đôi trụ giữa có cặp rồng chầu vào lăng mộ, còn lại là trang trí các ô học hình cây lá được khảm sành sứ. Hai trụ biểu ngoài gắn liền với vòng thành lăng. Tiếp theo, ở giữa tầng thứ hai có một bức bình phong cuốn thư. Trên bức bình phong có trang trí một con kỳ lân chầu trên lưng các bức cổ đồ được tạo hình bằng phương pháp khảm sành sứ. Kỳ lân là một trong bốn linh vật: long, lân, quy, phụng theo tín ngưỡng dân gian Á Đông. Xét về phong thủy, bức bình phong này che chắn cho ngôi mộ, chống lại tà khí, tai ương.

Bước qua năm bậc cấp ở hai bên bức bình phong, du khách sẽ lên tầng hai của lăng. Cửa được thiết kế bằng sáu cột trụ nhỏ. Bờ dài của sáu cột trụ nhỏ này đều có viết những câu đối thơ bằng chữ Hán ca ngợi công đức của hai ông và địa thế phong cảnh đẹp của ngôi mộ tọa lạc. Đối diện bức bình phong là bi đình khảm sành sứ tinh xảo. Hai tầng mái lợp bằng ngói ống trang trí hoa văn chữ Thọ, theo lối triện, gọi là “*câu đầu trích thủy*”; trụ tròn đối hoa sen, long vân nổi lượn quanh theo kiểu “*long vân đồng trụ*”. Tại bờ nóc có biểu tượng “*lưỡng long triều nguyệt*” như các di tích kiến trúc triều Nguyễn khác tại Huế. Giới hạn tại phần đầu của lăng được xây cao vút lên làm nền cho hậu điện, gối đầu cho phần mộ. Phần mộ hình tròn có đường kính 4m, cao 1m, chu vi có ba lớp cánh hoa sen cách điệu.

Trước điện có hương án xây kiểu chân quỳ, mặt bàn nổi và trong lòng sóng chỉ nổi và ống trảy. Mặt trước có chữ thọ đắp nổi, dơi chầu bốn góc tượng trưng cho Ngũ phúc (Phúc - Lộc - Thọ - Khang - Ninh). Sau

cùng là hậu điện: cao 4.5m, rộng 1.5m x 2.6m tám mái hai tầng lợp bằng ngói ống chữ Thọ, cuối mái “cầu đầu trích thủy” trụ tròn đối hoa sen có chức năng điểm mái và dùng để định hướng giọt nước mưa. Ngoài ra, hình ảnh long vân nổi lượn quanh, tại bờ nóc có lưỡng long châu nguyệt, cuối các bờ dải có hai cặp long giao. Phía dưới có miếu lưu bia, bia gốc nguyên sơ dày sâu liền lổm vào tường thành mái cong lượn vòng thấp dần xuống làm nền cho hậu điện.

Với giá trị văn hóa - lịch sử, kiến trúc nghệ thuật độc đáo, khu lăng mộ tổ nghề kim hoàn cùng với di tích từ đường tộc Kim hoàn đã được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia tại Quyết định số 168-QĐ/VH ngày 2/3/1990.

4. Lễ tế tổ nghề kim hoàn

Hàng năm, lễ tế tổ nghề kim hoàn Việt Nam vào ngày 7/2 âm lịch được xem là ngày hội của những người sản xuất, kinh doanh vàng bạc trong khắp cả nước. Lễ giỗ được tổ chức rất qui mô, quy tụ hàng trăm người trong ngành thợ kim hoàn, không chỉ riêng ở Huế mà từ các tỉnh thành trong cả nước cũng về dự. Đây cũng còn là dịp để các đồng nghiệp gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm, giúp đỡ nhau trong nghề nghiệp, chia sẻ những chuyện buồn vui trong cuộc sống đời thường.

Mặc dù ngày 7/2 âm lịch mới là chánh lễ, nhưng việc cúng tế đã được chuẩn bị chu đáo trước đó vài ngày. Những ngày này, từ đường tộc Kim hoàn được trang hoàng rực rỡ, nến và hương được thắp từ ngoài vào trong nội điện, tạo không gian cho ngày giỗ hết sức trang nghiêm. Đến sáng sớm ngày 7/2 âm lịch, các vị nghệ nhân kim hoàn lão thành mang y phục cổ truyền lên viếng, làm lễ cáo tại lăng Cao tổ Kim hoàn và tổ chức cúng lễ tại từ đường tộc Kim hoàn.

Trong không khí nghi ngút khói hương tràn đầy sự giao cảm giữa con người với thế giới thần linh, lễ tế tổ nghề bắt đầu diễn ra với ba hồi dài trống chiêng được gióng lên; tiếp theo là nhạc lễ. Vị chánh tế, sau khi làm nghi thức kiểm tra lễ vật, đến đứng trước hương án, thắp đèn hương, rót trà rượu, rồi dâng hương cáo lễ và quỳ lạy. Kế đó, trà rượu được rót tiếp, các vị chánh tế lại quỳ trước hương án tổ nghề, văn tế được xướng lên tế cáo về sự tri ân đối với các vị tổ sư, tiền hiền nghề kim hoàn đã nâng đỡ cho ngành kim hoàn được phát triển, các thợ kim hoàn vững tay nghề, an toàn trong sản xuất, chế tác. Đồng thời, vị chánh tế tuyên đọc sắc phong tổ sư nghề kim hoàn Việt Nam của các vị vua triều Nguyễn cho người tham dự nghe, đặc biệt là người trong nghề hiểu biết về cuộc đời và hành trạng của các vị tổ nghề. Sau khi đọc xong, người xướng hô lễ tất, chuông trống gióng ba hồi dài và nhạc tấu hồi kết, vị chánh tế lạy ba lạy. Sau đó, các vị trong ban tế lễ, nhạc lễ, phụ trách chiêng trống lần lượt lạy trước hương án tổ nghề. Kết



Toàn cảnh lăng mộ tổ nghề Cao Đình Đệ

thúc lễ tế, những người thợ kim hoàn tham dự lễ tế lần lượt thắp hương và dâng mâm hoa quả với tấm lòng thành kính, biết ơn các vị tổ nghề, tiền hiền đã có công truyền dạy nghề cho con cháu, giúp ích cho xã hội và mang lại cuộc sống ấm no cho gia đình họ.

Lễ tế tổ nghề kim hoàn là một hoạt động tín ngưỡng đặc trưng, khá qui mô, thu hút nhiều người thợ kim hoàn và cả du khách thập phương tham gia thể hiện sự phát triển của nghề kim hoàn không chỉ ở qui mô sản xuất mà còn ở những hoạt động sinh hoạt văn hoá tinh thần nghề nghiệp. Lễ hội này cũng phản ánh đặc trưng sự kết hợp giữa cầu quốc thái dân an và tế tổ nghề. Qua lễ hội này, minh chứng tinh thần tri ân, tôn vinh lịch đại tổ nghề, các vị tiền hiền góp phần làm phong phú thêm đời sống sinh hoạt văn hóa tinh thần của người dân xứ Huế nói riêng và cả nước nói chung.

Ngày nay, nghề kim hoàn trở thành một ngành nghề thủ công truyền thống được ưa chuộng, không chỉ vì giá trị kinh tế mà còn cả trình độ thẩm mỹ của những mặt hàng kim hoàn chứa đựng nhiều sắc thái Việt. Và khu lăng mộ của tổ nghề kim hoàn Việt Nam trên đất Huế luôn được các đệ tử, con cháu gìn giữ hương khói và là nơi hành hương linh thiêng của những ai theo nghề kim hoàn để tri ân những bậc tiền nhân đã có công khai mở một nghề để lại danh thơm và hồn thiêng dân tộc. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Đào Duy Anh (2003), *Từ điển Hán Việt*, Nxb Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội.
2. Bảo tàng Tổng hợp Thừa Thiên Huế (2002), *Di tích lịch sử văn hóa Thừa Thiên Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
3. Tôn Thất Bình (chủ biên) (1998), *Truyện kể dân gian Thừa Thiên Huế*, Nxb Văn Hóa Dân Tộc, Hà Nội.
4. Lê Minh Quốc (2009), *Các vị tổ ngành nghề Việt Nam*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
5. Nguyễn Đắc Xuân (1986), *Hương Giang cổ sự*, Nxb Tủ Sách Sông Hương, Huế.



Có hay không một hiệp ước thương mại bị bỏ lỡ?

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Cách đây khá lâu, nhân kỷ niệm sự kiện 170 năm phái đoàn thương mại Mỹ đến Việt Nam xin tiếp kiến vua Minh Mạng để bàn về việc giao thương, trên số báo 95 phát hành vào tháng 7-2001 của tạp chí *Xưa & Nay* (Cơ quan Hội Khoa học Lịch sử) có đăng bài viết của tác giả Phạm Xanh với tiêu đề “Hơn 170 năm trước một dự thảo Hiệp ước thương mại Hoa Kỳ - Việt Nam bị bỏ lỡ”.

Sau khi thuật lại quá trình đến Việt Nam hai lần (vào năm 1832 và 1836) của Edmund Robert, đặc phái viên

của Tổng thống Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ, tác giả bài viết đã nhận định:

“Như vậy, sự thất bại của hai chuyến đi của E. Robert không thuộc về ông và Chính phủ Hoa Kỳ mà thuộc về phía triều đình Huế. Một cơ hội thiết lập quan hệ thương mại với Hoa Kỳ đã bị triều đình Huế dưới thời Minh Mạng khước từ, bỏ qua bởi các chính sách “bế quan tỏa cảng”, “ức thương” thiên cận của triều đình...”.

Từ đó, tác giả kết luận:

“Vậy là đã rõ. Một phía, dù có nỗ lực đến đâu mà phía bên kia không đáp lại, hoặc đáp lại không có thiện chí,

đều là vô ích. Nỗ lực của Hoa Kỳ trong nhiều năm nhằm thương lượng và ký kết hiệp định thương mại với Việt Nam đã không dẫn tới một kết cục tốt đẹp. Nhà Nguyễn, từ Minh Mạng trở đi, với sự đồ ỷ, khư khư ôm lấy chính sách đóng cửa, đã cự tuyệt buôn bán với các nước phương Tây như Anh, Pháp, Mỹ. Mọi cơ hội làm giàu đất nước đã bị bỏ qua. Chính sách đó đã góp phần làm nghèo đất nước, đã đẩy đất nước tới họa xâm lăng, và khi bị xâm lăng thì mất nước” (Xưa & Nay số 95).

Sự thật có phải đúng như nhận định trên không?

Về việc Edmund Robert (Âm Hán là: Nghĩa-đức-môn La-bách) đến Việt Nam dưới thời vua Minh Mạng, các sách sử do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn đều chép ông ta đã đến Việt Nam hai lần. Lần thứ nhất vào tháng 11 năm Minh Mạng thứ 13 (tháng 12-1832) cùng với đại úy George Thompson (Đức-giai Tâm-gia) đến Vũng Lắm. Khi hay tin, vua Minh Mạng liền sai Viên ngoại lang Nguyễn Tri Phương, Tư vụ Lý Văn Phúc hội cùng quan tỉnh Phú Yên lên thuyền thiết tiệc và hỏi thăm lý do họ đến Việt Nam. Phía Mỹ đã trình thư của Tổng thống A. Jackson gửi cho vua Việt Nam nhưng không ghi vương hiệu, cũng không ghi quốc hiệu. Khi dịch thư, vua Minh Mạng đã nói “cập dịch kỳ thơ đa bất hiệp thức” (thư có nhiều chỗ không hợp thể thức) nên vua có dụ “bất tất đầu đệ” (không cần đệ trình). Sự kiện này có chép trong sách *Minh Mệnh chính yếu* (quyển 25) và *Đại Nam thực lục* (quyển 86).

Sách *Minh Mệnh chính yếu* chép:

“Quốc gia Nhã-di-lý sai sứ thần tới dâng quốc thư yêu cầu thông hiếu với Việt Nam. Thuyền của sứ bộ bị sóng dạt ghé vào vùng duyên hải tỉnh Phú Yên. Nhà vua hay tin, liền sai quan Viên ngoại là Nguyễn Tri Phương tới nơi cập vãn. Sứ bộ trả lời là nước họ chỉ muốn giao hiếu thông thương mà thôi.

Về việc này, nhà vua dụ các quan Nội các rằng:

- Người ta từ xa tìm tới, bản ý là cung thuận. Triều đình ta với tinh thần mềm dẻo quý mến người phương xa, không tiếc gì mà không dung nạp họ. Tuy nhiên, họ mới tới lần đầu, các chi tiết lễ nghi về ngoại giao thông hiếu chưa được am tường; có thể sai quan Thương bạc viết tư văn thông báo cho nước họ biết, nếu muốn thông thương mật dịch với nước ta, ta cũng không cự tuyệt, nhưng phải tuân theo những hiến định đã có từ trước tới nay.

Từ nay nếu có thương thuyền tới, thì cho phép được ghé vào cửa Đà Nẵng, Trà Sơn Úc, bỏ neo tại đó, chứ không được tự ý lên bộ. Đó là ý cảnh giác phòng gian nằm trong chính sách ngoại giao mềm dẻo của ta vậy (Sđd, tr.393-394).

Sách *Đại Nam thực lục* chép:

“Quốc trường nước Nhã-di-lý (nước này ở Tây dương, hoặc gọi là Hoa Kỳ, hoặc gọi là Ma-ly-căn, hoặc gọi là Anh-cát-lợi mới đều là biệt hiệu nước ấy) sai bọn bề tôi là Nghĩa-

đức-môn La-bách, Đức-giai Tâm-gia (tên hai người) đem quốc thư xin thông thương; thuyền ở cửa Vũng Lắm thuộc Phú Yên. Vua sai Viên ngoại lang Nguyễn Tri Phương, Tư vụ Lý Văn Phúc đi hội với quan tỉnh, lên trên thuyền thiết tiệc, và hỏi lý do đến đây làm gì. Họ nói: “Chỉ đến vì muốn giao hiếu và thông thương”. Nói năng rất cung kính. Đến lúc dịch thư ra có nhiều chỗ không hợp thể thức.

Vua bảo không cần đệ trình thư ấy. Rồi cho quan quyền lãnh chức Thương bạc làm tờ trả lời. Đại lược nói: “Nước ấy muốn xin thông thương, cố nhiên là ta không ngăn trở, nhưng phải tuân theo pháp luật đã định. Từ nay, nếu có đến buôn bán thì cho đỗ ở vùng Trà Sơn, tấn sở Đà Nẵng, không được lên bờ làm nhà, vượt quá kỷ luật rồi giao thư cho họ mà bảo họ đi” (Sđd, tr.412).

Lần thứ hai đến Việt Nam của E. Robert là vào tháng 4 năm Minh Mạng thứ 17 (Bính Thân - tháng 5-1836) cũng trên chiếc thuyền Peacock do đại úy E.P. Kennedy làm chỉ huy trưởng, đến vùng Trà Sơn. Nhà vua liền sai Hộ bộ thị lang Đào Trí Phú, Lại bộ thị lang Lê Bá Tú cùng các thuộc viên Thương bạc đến nơi để ủy lạo, hỏi han. Phái đoàn Việt Nam đến thì E. Robert cáo bệnh không tiếp. Phái đoàn đưa thông ngôn đến thăm, họ cũng đưa người đáp tạ. Rồi ngày 21-5-1836, họ ra đi. Việc này cũng được chép trong *Đại Nam thực lục* như sau:

“Tháng 4 năm Bính Dần niên hiệu Minh Mạng thứ 17 (1836)...

Tỉnh thần Quảng Nam tâu: Có sứ thuyền nước Ma-ly-căn đậu ở vùng Trà Sơn thuộc Đà Nẵng Quảng Nam, nói có quốc thư cầu thông đạt, xin vào châu. Quan tỉnh đem việc tâu lên. Vua hỏi thị lang Hộ bộ Đào Trí Phú rằng: “Xem tình ý lời lẽ của họ tỏ ra cung thuận, vậy có nên nhận hay không?”. Trí Phú thưa: “Họ là người nước ngoài, tình ý giả dối cũng chưa biết chừng. Thần tưởng hãy cho họ vào Kinh, lưu ở công quán Thương bạc, phái người đến khoản đãi để thăm dò ý họ đến.

Thị lang Nội các Hoàng Quýnh tâu nói: “Nước họ xảo quyệt muôn mặt, nên cự tuyệt đi. Một khi dung nạp sợ để lo cho đời sau. Người xưa đóng cửa ải Ngọc quan tạ tuyệt Tây vực, thực là chước hay chống cự Nhung địch”.

Vua nói: “Họ xa cách trùng dương trên 4 vạn dặm, sao lại cự tuyệt, chẳng hóa ra tỏ cho người ta thấy mình không rộng rãi ư?”.

(Vua) liền sai Đào Trí Phú cùng với Thị lang Hộ bộ Lại Lê Bá Tú, làm thuộc viên Thương bạc, đến tận nơi ủy lạo thăm hỏi. Khi đến nơi, viên thuyền trưởng nói là bị ốm, không tiếp kiến được. Ta sai thông ngôn đến thăm: họ cũng sai người đáp lễ. Rồi ngay ngày ấy, giương buồm kéo đi. Bọn Trí Phú đem việc tâu lên và nói: “Chợt đến chợt đi thật không có lễ nghĩa”.

Vua phê bảo rằng: “Họ đến, ta không ngăn. Họ đi, ta không đuổi theo. Lễ phép văn minh có trách gì man di cõi ngoài” (Sđd, tr.916).

Qua đó ta thấy, lần trở lại Việt Nam của E. Robert có nhiệm vụ là thông đạt hiệp ước dự thảo viết tay

gồm tám điều lên vua Việt Nam (qua quan tỉnh Quảng Nam). Triều đình nhóm họp và cử phái bộ đến thì E. Robert cáo bệnh không tiếp, hai bên trao đổi thông ngôn và họ “ngay ngày ấy, giường buồm kéo đi”.

Như vậy hai bên chưa thảo luận gì về hiệp ước thương mại. Trong cuốn *Đất Việt trời Nam*, tác giả Thái Văn Kiểm cho biết thêm:

“Về sau, tra cứu sử sách Tây phương, chúng ta mới tìm ra nguyên cớ rõ ràng vì sao chiến thuyền Peacock phải nhỏ neo thỉnh linh như vậy. E. Robert đang khi còn ở bên Xiêm để thương thuyết, đã mắc bệnh nặng, theo một bản cáo trình chỉ huy trưởng Kennedy gửi từ Canton về Bộ trưởng Hải quân cho biết rằng Robert đã chết ngày 12-6-1836 tại Ma Cao, một hải phố Trung Hoa thuộc Bồ Đào Nha: “Chúng tôi phải ở lại tám ngày tại vịnh Đà Nẵng, nhưng vì chứng bệnh quá nặng của ông Robert, chúng tôi không làm được gì ở đây cả, và chúng tôi phải rời hải cảng ấy ngày 21-5” (Sđd, tr.432).

Từ những tư liệu ghi chép đó, ta thấy tác giả Phạm Xanh chỉ sử dụng tư liệu nước ngoài mà không tra cứu thêm về sử Việt Nam, từ đó đã có cái nhìn phiến diện dẫn đến sự phê phán thiếu chính xác.

Cũng trên tạp chí *Xưa & Nay*, trước đó trên số báo 81 (tháng 11-2000) khi bàn về hai chuyến đi trên, tác giả Nguyễn Đắc Xuân đã có nhận định khá chuẩn xác, xin phép được ghi lại như sau:

“Việc quan hệ Việt - Mỹ lần thứ hai không thành vì trưởng phái bộ Hoa Kỳ Edmund Roberts bệnh và phải rời Đà Nẵng gấp chứ không phải vì bất cứ một lý do nào về phía vua Minh Mạng. Nếu lúc đó nhà vua biết được tin trưởng phái bộ Hoa Kỳ Edmund Roberts bệnh nặng và đã mất sau đó (ngày 12-6-1836) có lẽ nhà vua không khỏi nhỏ một giọt lệ tiếc thương. Việc tàu Peacock phải đưa phái bộ Edmund Roberts rời Đà Nẵng ngày đã được đại

uý trưởng tàu E.P. Kennedy nói rõ trong một cáo trình gửi cho Bộ trưởng Hải quân Pháp sau đây: Chúng tôi phải ở lại tám ngày tại vịnh Đà Nẵng, nhưng vì chứng bệnh quá nặng của ông Roberts, chúng tôi không làm gì được ở đây cả, và chúng tôi phải rời hải cảng ấy vào ngày 21-5.

Quan hệ Việt - Mỹ là một công tác hoàn toàn mới. Về chủ trương chung không có điều gì có thể chê trách được vua Minh Mạng. Sở dĩ việc ấy không thành là vì cấp thực hiện. Cuộc tiếp xúc lần đầu (1832), do khả năng ngoại giao hạn chế của Nguyễn Tri Phương và Lý Văn Phúc. Lần gặp gỡ thứ hai (1836) gặp phải sự “bàn lui” của Hoàng Quỳnh nhưng vua Minh Mạng đã vượt qua bằng cách sai Đào Trí Phú và Lê Bá Tú thay thế. Việc không thành chính vì bệnh tình đột ngột của người cầm đầu phái bộ Hoa Kỳ. Nếu Edmund Roberts không ngã bệnh thì Hiệp ước thương mại Mỹ - Việt đã có thể ra đời cách đây 164 (1836-2000) năm. Nếu Hiệp ước thương mại đó đã được ký kết, qua quan hệ buôn bán trên một thế kỷ, hai dân tộc Việt - Mỹ chắc hẳn đã hiểu nhau hơn” (Xưa & Nay số 81).

Chính sách ngoại giao hòa hiếu, làm bạn với các nước của tổ tiên ta từ xưa đến nay luôn là chuẩn mực của mọi triều đại, nó trở thành truyền thống ngời sáng của người Việt qua bao biến động của lịch sử. Vì thế, việc nhận định, phê phán sự thành bại nếu chỉ căn cứ vào một hướng là điều thiếu khách quan. ■

Tài liệu tham khảo:

- *Minh Mệnh chính yếu* T3, Quốc sử quán triều Nguyễn, Nxb Thuận Hóa 1994.
- *Đại Nam thực lục* T3-T4, Quốc sử quán triều Nguyễn, Nxb Giáo Dục, 2007.
- *Đất Việt trời Nam*, Thái Văn Kiểm, Nxb Nguồn Sống SG, 1960.
- Tạp chí *Xưa & Nay* số 95 (tháng 7-2001) và số 81 (tháng 11-2000).

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2016

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2016, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 40 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 11 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 10 cuốn/kỳ
Ô. Bùi Phong Lưu : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 6 cuốn/kỳ
Hóng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ

Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 5 cuốn/kỳ
Hoàng Mỹ - Thiên An : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 4 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Hoàn Ái - Huệ Minh : 3 cuốn/kỳ
Ô. Tạ Hữu Chung : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên, Cty Cơ khí Mê Linh : 2 cuốn/kỳ
Cty Nền Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyễn Thuận : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **358 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội... xin liên lạc: **Tòa soạn**, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP. Hồ Chí Minh;
Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335
Email: toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập

Nghó ve lễ hiến sinh

BÙI TRƯỜNG TRÍ

Trong nhiều năm qua, Tổ chức Động vật Châu Á (Animals Asia) đã nhiều lần gửi thư ngỏ đến Chính phủ Việt Nam đề nghị vận động dân chúng hủy bỏ các lễ hội hiến sinh diễn ra rầm rộ sau Tết Nguyên đán như lễ “chém lợn” ở làng Ném Thượng (tỉnh Bắc Ninh) và lễ hội đâm trâu của đồng bào dân tộc vùng Tây Nguyên, vì tính chất quá dã man như thời nguyên thủy của những nghi thức lễ hội này.

Luật nước thua lệ làng

Tháng 12-2015, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch (VHTT & DL) ký ban hành Thông tư số 15/2015/TT-BVHTTDL quy định về tổ chức lễ hội.

Thông tư 15 yêu cầu “Không tổ chức các lễ hội có nội dung kích động bạo lực, truyền bá các hành vi tội ác bao gồm những hoạt động trong đó thể hiện cảnh trái với truyền thống yêu hòa bình và nhân ái của dân tộc Việt Nam, cụ thể: Mô tả cảnh đâm chém, đâm đá, đánh đập tàn bạo; Mô tả cảnh rừng rợn, kinh dị...”.

Theo thông tư này, nếu không thay đổi cho phù hợp, các lễ hội chém lợn, đâm trâu sẽ không được tổ chức và bị xử phạt theo Nghị định 158/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch và quảng cáo.

Ngay sau khi Thông tư 15 được ban hành, Sở VHTT & DL tỉnh Bắc Ninh đã yêu cầu dân làng Ném Thượng (xã Khắc Niệm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh) thay đổi hiện trạng cách tổ chức lễ hội theo hướng kín đáo hơn. Tức là thay tên lễ hội thành “rước lợn” thay vì “chém lợn” và thực hiện nghi thức “chém lợn” ở nhà sau, không nên phô trương nơi sân trước cửa đình. Còn ở tỉnh Đắk Lắk, đại diện Sở VHTT & DL cùng cơ quan ban ngành cũng đi vận động bà con ở Bản Đôn nên dùng trâu giả thay cho trâu thật khi thực hiện nghi thức... đâm trâu.

Tuy nhiên, ngay lập tức đã có hàng trăm cụ bô lão của làng Ném Thượng lại nhất định giữ nguyên nghi thức, với lập luận là không thể bỏ phong tục mỹ mã của cha ông. Nhưng sau đó, thực hiện theo sự chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ VHTT & DL nên năm nay, ngày 13-2-2016 (tức mừng 6 Tết), hai “chú in” không bị “phanh thầy” giữa chốn sân đình làng Ném Thượng mà bằng thực hiện nghi thức này trong nhà kín...

Không nên phơi bày hủ tục lạc hậu ở thời đại văn minh

Dù tục chém lợn được thực hiện ở chốn công khai hay “bí mật” thì “chú in” làng Ném Thượng vẫn bị đao phủ chém đứt làm đôi, máu lợn đỏ choét tung toé văng ra tám chiều. Và thế là hàng ngàn người gồm cả thanh niên, phụ nữ, trẻ con xin tí... máu lợn thoa lên tờ tiền mà đem về nhà làm “lộc thánh!”.

Lộc vốn dĩ chỉ là một khái niệm mang tính ước lệ và trừu tượng. Vật thể được coi là lộc thánh chỉ mang may mắn và hạnh phúc đến cho ai có niềm tin vào những điều tâm linh chân thành nhất. Các nhà giáo dục một lần nữa lại dấy lên lo ngại, rằng các lễ hội dân gian như chém lợn ở Bắc Ninh hay đâm trâu ở Tây Nguyên hiện không còn phù hợp với cuộc sống hiện đại nữa; việc tiếp tục thực hiện các lễ hội này dù kín đáo hay công khai, dù là trâu giả hay trâu thật cũng vô hình trung sẽ cổ vũ cho lối sống bạo lực trong giới trẻ. Sự lo ngại hoàn toàn có cơ sở vì quan sát tại lễ hội “chém lợn” có rất đông trẻ em, học sinh đứng xem mà không có người lớn nào giám sát, chỉ bảo.

Lễ hội dân gian là để cho hậu thế hiểu và cảm nhận nền văn hóa tốt đẹp ngàn đời của cha ông, của tiền nhân để lại chứ không phải phơi bày những hủ tục lạc hậu, ghê rợn mang tính cục bộ địa phương làng xã nào đó mà thôi... ■



Nguồn: motthegioi.vn



Sợ đói ba ngày Tết

LÊ HẢI ĐĂNG

Cảnh phố xá đông vui nhộn nhịp những ngày giáp Tết phần nào phản ánh bầu không khí mua sắm của người dân, đặc biệt đối với mặt hàng nhu yếu phẩm. Bên cạnh quần áo, giấy dép, và hoa tươi thì đồ ăn, thức uống, trái cây luôn là những thứ trĩu nặng trên tay người tiêu dùng. Ai cũng tay xách nách mang, có nhà còn dẫn theo cả đoàn tùy tùng, tiến hô hậu ủng để rinh đồ về chất đầy tủ lạnh. Mặc dù nhiều khu chợ vẫn họp như thường lệ vào dịp Tết, nhưng tâm lý sợ đói ba ngày Tết dường như vẫn bao trùm lên thói quen mua sắm. Thói quen này đã khắc

sâu vào lòng người dân nước Việt và ngự trị suốt bao đời nay.

Người Nam Bộ vốn mang tiếng hồn nhiên vô tư, nhậu quanh năm suốt tháng, song vẫn không từ bỏ được tâm lý lo xa trong ba ngày Tết. Trái cây, hoa quả mua về còn gửi gắm thêm ước nguyện: cầu - dừa - đủ - xoài - sung. Trong quá trình di chuyển vào đồng bằng Nam Bộ, người Việt đã quảng đi khá nhiều mối lo toan, từ thời tiết khắc nghiệt liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất nông nghiệp cho đến nhu cầu ăn, mặc, ở... Ca dao, tục ngữ Nam Bộ ít thấy những câu chuyện xót xa liên quan đến cái đói! Thay vào đó là nỗi niềm hoài hương, công cuộc khẩn hoang vùng đất mới... Ở phương Nam, mùa đông đã mất đi trong trời đất, nên chẳng lo cái đói, cái rét hoành hành.

Cùng với sự phát triển của hoạt động thương mại, bên cạnh ưu điểm về thời tiết, miền Nam còn có thêm thị trường sôi động, hoạt động dịch vụ tiện ích. Song, vào thời khắc quan trọng này nỗi ưu tư chất chứa từ bao đời lại sống dậy, núp mình sau tập quán văn hóa. Nó cho thấy một dân tộc từng hứng chịu nhiều biến cố lịch sử, biết dạy cho mình cách thích nghi với môi trường khắc nghiệt. Và nhu cầu sống còn của đời sống nổi lên như một trục giá trị trung tâm. Chẳng ai dám phó thác vận mệnh cho thiên nhiên ưu đãi hay thị trường nuông chiều. Sự chuyển biến bề bộn trên cuộc sống chẳng thể xua đi tâm lý lo ăn lo mặc mấy ngày Tết. Mỗi năm cứ vào dịp này, tâm lý ấy lại xổ ra thành cảnh tượng nhộn nhịp, tay nắm tay mười những khu mua sắm. Chợ phiên truyền thống có cơ hội nung theo tập quán để mọc lên một cách tự phát. Siêu thị, cửa hàng bán lẻ 24 giờ tiếp tục gia nhập chuỗi cung ứng sản phẩm nhằm đáp ứng thói quen tiêu dùng. Việc chuẩn bị Tết đi từ khuôn khổ tại gia đến mở rộng phạm vi thành tại ngoại. Xã hội dịch vụ thu hút nhu cầu lựa chọn đa dạng, tiện ích. Điều này có thể khiến nhiều người cảm thấy không khí linh thiêng ngày Tết bị sa sút phần nào, nhưng chẳng vì thế mà ảnh hưởng đến nhiệt tình mua sắm. Thú mua sắm là một thành quả cách mạng trong sản xuất. Nhờ thói quen mua sắm, hoạt động sản xuất tìm ra địa chỉ cung ứng sản phẩm. Các khu chợ phiên dựng lên nhanh chóng để xác lập phân khúc của mình trong thói quen văn hóa. Tất cả phơi bày sức mạnh bền bỉ của một tập quán tồn tại qua trường kỳ lịch sử. Bất chấp tọa độ địa lý thay đổi, thói quen ấy cứ lặp đi lặp lại trên bề mặt cuộc sống với nhiều biểu hiện không đổi.

Chúng ta hãy thử ôn lại câu chuyện liên quan đến thương vụ giao dịch thương mại điển hình giữa khách hàng Bờm và vị lái buôn phú ông trong văn hóa truyền thống dân tộc. Sau khi phát hiện giá trị chiếc quạt mo phe phẩy trên tay vị thượng đế, lái

buôn phú ông bèn trả giá cao ngất ngưỡng, từ ba bò chín trâu, một bè gỗ lim, ao sâu cá mè đến con chim đồi mồi và cuối cùng là nắm xôi. Diễn biến thương vụ làm ăn này vô cùng phức tạp, đối tác đưa ra nhiều chiêu dẫn dụ, nhưng chẳng xoay chuyển được tâm lý chắc như đinh đóng cột của vị thượng đế. Cuối cùng, bằng chiêu bài liễu, phú ông điểm trúng huyết của Bờm. Nụ cười của hân hĩa hẹn phiên giao dịch có khả năng thành công và chiếc quạt mo đã được chốt giá.

Trên thực tế, giá trị mọi sản phẩm đều mang tính chất tương đối, người giỏi biết nhìn ra cơ hội và chọn đúng thời điểm. Qua câu chuyện, chúng ta thấy gã lái buôn phú ông chỉ là một thương gia tự phát. Nếu hành nghề chuyên nghiệp hẳn phải nắm bắt được nhu cầu khách hàng. Vị thượng đế kia không hề có nhu cầu kinh doanh đa lĩnh vực hay tái cơ cấu doanh nghiệp. Có thể, trâu bò, bè gỗ lim, ao sâu cá mè, chim đồi mồi đều là những tài sản đắt giá, nhưng lại chẳng may chạm vào được nhu cầu của khách hàng. Đường lưới điện xuyên quốc gia đi qua bao thôn làng; nhưng, phía dưới địa bàn phủ sóng của nó, nhiều hộ dân vẫn chìm trong bóng tối. Người dân địa phương mong có ngọn đèn thấp sáng ngôi nhà nhỏ của mình, chính quyền địa phương lại không hướng dẫn cách thức kéo điện từ mạng lưới quốc gia vào nhà dân để điện và đèn cứ phải xa nhau. Quan chức địa phương dường như nghĩ, người dân chỉ cần ngước lên nhìn cột điện cao thế là có thể tưởng tượng ra ánh sáng. Nhiều nơi, công việc này phải nhờ đến nhà thờ và dòng điện đã sáng lên từ hồng ân của Chúa. Vì thế đồng bào ồ ạt đi theo đạo Tin Lành, không xuất phát từ lòng mộ đạo, mà từ tư duy thực dụng kiểu Thăng Bờm!

Nói chung, lo xa có thể không phải là bản tính hay sở trường của người dân ta. Nhiều người có thể đi xa, chứ chưa chắc đã biết lo xa. Nếu biết lo xa, đô thị chúng ta không đến nỗi nhếch nhác như hiện nay; giao thông đô thị cũng không ngột ngạt đến mức bế tắc. Bằng số liệu cho thấy, mỗi ngày, có khoảng 1.000 xe máy và 100 xe ô-tô được giải quyết thủ tục đăng kiểm. Cứ đà này, trong tương lai, các nhà sản xuất phải gắn thêm đôi chân cho xe gắn máy và đôi cánh cho xe ô-tô để có thể thích nghi với địa hình và điều kiện di chuyển ở thành phố.

Qua ngày Tết cổ truyền có thể thấy nỗi ưu tư chất chống ngàn đời vẫn truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Mặc dù nhiều người đã có iPhone, iPad trong tay thay cho chiếc quạt mo năm xưa, nhưng tư duy "có thực mới vực được đạo" nhằm đảm bảo an ninh lương thực mấy ngày Tết vẫn được thắt chặt. Điều đó chứng tỏ tâm lý phòng vệ đối với miếng ăn luôn là mối quan tâm hàng đầu ngay cả trong thời buổi văn minh vật chất đã dư thừa. ■



Ngày xuân tận mạn chuyện tốt niên

PHAN NAM

1. Những ngày cuối năm, ai nấy đều tất tả hoàn thành những công việc còn đọng lại của năm để đón xuân về, Tết đến. Lễ tổng kết, họp mặt tại cơ quan hay tổ chức nơi làm việc, được coi là rất quan trọng. Trên bàn tiệc tất niên, những chuyện vui buồn liên quan đến hoạt động của suốt một năm thường được trao đổi trong không khí thân mật và ấm cúng giữa buổi tiệc cuối cùng của năm.

Ngày nay, tất niên theo phong cách Tây cũng được người Việt áp dụng theo phương thức hội họp, gặp mặt cuối năm, được tổ chức như một sự kiện để tổng kết, đánh giá những thành tích đã làm được trong năm. Thường thì tất niên tại các cơ quan thường diễn ra sớm, trong không khí thân mật, ấm áp, không gian rộng với sự tham gia của nhiều người, có nhiều món ăn, đồ uống được dọn ra thịnh soạn.

Các tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp... đều tổ chức tất niên để gặp gỡ đồng nghiệp, giao lưu gặp mặt, đồng thời cạ chén nâng ly chúc mùa xuân mới, chúc thành công hạnh phúc trong năm mới và bỏ qua những điều chưa may mắn gặp phải trong năm. Có thể hiểu tất niên ở đây có nghĩa là bữa tiệc, buổi liên hoan, chiêu đãi... do cơ quan đứng ra tổ chức theo dạng hội họp, sự kiện. Đây là hình thức tổ chức theo kiểu phương Tây mà bây giờ chúng ta cũng quen gọi là tất niên.

Trong buổi tất niên còn diễn ra các hoạt động trao thưởng cho những cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công tác, lĩnh vực đảm nhận. Ngoài việc trà rượu thoải mái thì những niềm vui cuối năm như thế cũng là phần thưởng xứng đáng cho những ai hoàn thành tốt công việc, nhiệm vụ được giao. Ngày nay, tất niên "lớn" thường được sự chào đón của cả tập thể nên được tổ chức khá long trọng, phần thưởng ngoài giấy khen còn

kèm theo hiện kim, hiện vật. Tất niên đúng chất của một buổi gặp mặt công việc và vui chơi, tất niên của hạnh phúc, của niềm vui và cho cả những phấn đấu để đạt được nhiều thành công hơn nữa trong năm mới.

Tất niên tổ chức theo gia đình thường diễn ra gần giáp Tết, quy mô cũng nhỏ hơn nhiều. Và chuyện hội họp bạn bè tất niên là dịp để xua tan đi những muộn phiền của năm cũ, nâng ly rượu thay lời cuối năm. Ngoài chuyện tất niên tại cơ quan tổ chức thì tất niên tại gia đình bây giờ cũng rất được chú trọng theo hình thức bữa tiệc tại gia. Tất niên của các gia đình hiện đại thường được tổ chức trong không khí khá phóng khoáng, vui vẻ. Mọi người thường làm theo phong cách bữa tiệc “tự phục vụ” với các món nướng, món lẩu hoặc hình thức bàn tròn, bày thức ăn ra đĩa như ngày giỗ ngày cưới. Khi đời sống phát triển, con người luôn có nhu cầu làm phong phú hơn các hoạt động để củng cố các mối quan hệ, nhất là tiệc tùng để gặp mặt anh em, bạn bè để chia sẻ mọi tâm tư nỗi buồn trong cuộc sống và cũng như là lời cảm ơn sự giúp đỡ, tiếp sức của mọi người đối với gia chủ. Tiệc tất niên trong gia đình thường diễn ra khá muộn khi mọi công việc hầu như cơ bản đã được hoàn tất, hầu như là vào những ngày cuối cùng của năm. Khách mời tất niên gia đình thường là rất thân quen, có mối quan hệ đặc biệt với gia chủ nên tất niên cũng được làm rất tươi tắn, đầy đủ với nhiều sự chuẩn bị.

Ở thôn quê tất niên theo hình thức này rất ít khi diễn ra vì có một lễ nghi quan trọng hơn là “chạp mả” hay “dầy mả”. Nói chung là vào dịp cuối năm, người dân quê sẽ tranh thủ “thăm và sửa lại mồ mả tổ tiên” để thấp nén nhang tưởng nhớ, tri ân ông bà, tổ tiên. Sau đó sẽ là tiệc nhẹ của gia chủ, khách mời là họ hàng và bà con lối xóm...

2. Có lẽ bây giờ có thể hiểu tất niên là tiệc, hội họp cuối năm. Nhưng theo lễ nghi, phong tục truyền thống của dân tộc thì cúng tất niên diễn ra vào ngày cuối cùng của năm, tức là vào ngày 30 đối với năm đủ, ngày 29 đối với năm thiếu.

Theo tư liệu trên Wikipedia: “Giữa ngày 30 (hoặc 29) tháng Chạp và ngày Mồng 1 tháng Giêng, giờ Tý (từ 23 giờ hôm trước đến 1 giờ hôm sau), trong đó, thời điểm bắt đầu giờ Chính Tý (0 giờ 0 phút 0 giây ngày Mồng 1 tháng Giêng) là thời khắc quan trọng nhất của dịp Tết, đánh dấu sự chuyển giao năm cũ và năm mới, được gọi là Giao thừa.

Để ghi nhận thời khắc này, người ta thường làm hai mâm cỗ. Một mâm cúng gia tiên tại bàn thờ ở trong nhà mình và một mâm cúng thiên địa ở khoảng sân trước nhà”. Hầu hết những công việc chuẩn bị cho mâm cúng tất niên thường phải xong từ chiều, hương khói nghi ngút chuẩn bị cho việc cúng bái.

Thời khắc cuối năm là thời khắc quan trọng và linh thiêng nên trong việc cúng tất niên, bàn thờ cúng trời đất được đặt ở một vị trí trang trọng, thường là trước hiên nhà; bàn thờ tổ tiên cũng được chăm chút cẩn thận, có bày mâm ngũ quả và hương đèn đầy đủ. Một số người tâm niệm rằng cúng tất niên là “rước ông bà” về sum vầy cùng con cháu trong ba ngày Tết nên lễ cúng phải trang nghiêm, chu đáo. Nhờ vậy, tục thờ cúng tổ tiên, hướng về cội nguồn luôn được khắc sâu trong tâm thức của người Việt. Nhang khói ngày Tết thực sự không thể thiếu trong phong tục thờ cúng của người Việt. Việc bày biện vật phẩm cúng tế cũng hết sức tinh gọn, chủ yếu nhìn đẹp mắt và thể hiện lòng tôn kính đối với những người bề trên.

Tóm lại, ngày Tết cổ truyền của dân tộc luôn có những lễ nghi, phong tục tập quán, ngày hội... tốt đẹp của dân tộc. Ngày tất niên dù được tổ chức theo phương thức nào cũng cần tránh mê tín dị đoan, phù hợp với văn hóa, thuần phong mỹ tục, đạo đức của dân tộc. Lễ tiết cần đề cao sự hướng thiện, tưởng nhớ cội nguồn, phát huy bản sắc văn hóa, chú trọng đến những việc làm thiết thực. Sự phấn khởi, an nhiên trong lòng mỗi người được kỳ vọng là sẽ trở thành hiện thực, đúng như những lời cầu phúc được nêu ra trước mùa xuân mới. Nhang khói là hư vô nhưng luôn ẩn chứa bao hoài vọng lớn lao.

Xin kết bài viết bằng khúc thơ trong bài thơ “Tết này mời bạn ghé thăm” trong chiều tất niên của nhà thơ Lê Huy Mậu (Vũng Tàu):

*Vợ tôi lục tung cả tháng
Muối dưa, làm kiệu, cuốn nem
(Mách nhỏ bạn điều này nhé
Cứ nhắm dưa kiệu mà khen!...*



Nguồn: phunutoday.vn



Tết đang vào nhà

NGUYỄN THANH VŨ

C hị đạp xe uể oải như người sắp chết; những vòng xe nặng trĩu dưới đôi chân chai sần, thô ráp của chị. Từ chỗ làm về nhà chỉ cách có một cây số nhưng thật xa xôi. Ba lần chị suýt tông vào người đi bộ vì lơ đãng.

Đến nhà, chị xô mạnh cửa rào khiến tấm liếp bằng tre ngã chổng chơ. Tiếp theo là tiếng “rầm” của chiếc xe đạp được quăng nằm một góc. Chị ngồi phịch xuống ván, mặt vẫn “đăng đăng sát khí”. Mới hóp

ngậm trà, chị đã hét toáng lên: “Pha trà gì mà đắng thế? Cuộc đời đã đắng chát chưa đủ khổ sao?”

Anh chồng nghe tiếng oang oang ở nhà trước, biết là vợ về nên chống nạng đi lên: “Chuyện gì mà em to tiếng thế? Cuối năm rồi, đừng để nhà học hạc mất vui. Con mà nghe được thì tội cho nó”.

Chị vẫn chưa hết bực mình, trút giận sang cả chồng: “Chính vì cuối năm nên tôi mới bực mình nè! Nay đã ba mươi Tết rồi mà nhà không có đồng xu lấy gì sắm sửa trong nhà, mua quần áo cho con...?”

“Vậy không lẽ chỗ xưởng gạch của em chưa trả lương sao?”

“Nếu mà chưa trả lương, có thể tôi sẽ không như vậy. Bọn chủ bắt lương trốn nợ cao chạy xa bay rồi, một đồng cũng không có. Bao nhiêu người chết dở sống dở trong cái Tết này!”

“Anh hiểu, sau một tháng lao động cực nhọc, bị giật lương ai chẳng bực. Nhưng mà thôi, chuyện không may cứ bỏ qua đi, giờ nóng giận cũng chẳng giải quyết được gì!”

“Anh mà hiểu cái quái gì chứ! Có ai hiểu hoàn cảnh của tôi không nè trời. Sao đời tôi khổ thế này...”

Không nói thêm câu nào, anh lặng lẽ chống nạng bỏ ra sau hè đưa văng. Câu nói của vợ vừa rồi như dao cứa vào tim anh. Đau lắm chứ. Nhục lắm chứ. Phận làm chồng, làm cha phải là trụ cột vững chắc, ra ngoài xã hội kiếm thật nhiều tiền về lo cho gia đình. Nhưng anh thì khác. Sau lần tai nạn công trình, gã thợ hồ chăm chỉ lao động như anh trở thành người tàn phế. Chân trái của anh dù đã được nối xương nhưng đi còn không vững chứ nói gì đến làm việc nặng. Dù may mắn sống sót sau cú ngã từ lầu ba xuống đất, nhưng cũng từ đây, gia cảnh vốn dĩ đã nghèo lại thêm khốn khó.

Mọi năm, nghèo thì nghèo nhưng cũng có nổi bánh tét, hũ dưa cải, lọ dưa kiệu và vài thứ mứt do vợ làm. Mỗi cái một ít thôi nhưng cũng đủ cho ba thành viên vui vẻ trong mấy ngày Tết.

Còn năm nay, chắc là “treo mả”. Cả tháng lương của vợ anh đã đi tong. Anh không giận vợ, ngược lại hiểu tình cảnh mà vợ mình phải hứng chịu. Từ lúc anh bị tai nạn, bao nhiêu là việc một tay vợ anh gánh vác. Nặng quá, mỗi mệt quá khiến đôi vai thon mềm của vợ anh chai sần, sức khỏe hao mòn, tâm lý bất ổn nên bực mình là lẽ tất nhiên. Anh chỉ giận mình, giận xã hội mà thôi...

* * *

Cái nắng của trưa ngày ba mươi Tết xuyên qua kẽ lá, dù dịu nhẹ nhưng cũng đủ làm anh giật mình dụi mắt. Choàng tỉnh, anh thấy vợ ngồi ngay bên mình: “Trưa rồi, anh vào nhà kéo nắng. Vô ăn cơm với em”.

Thái độ của chị thay đổi đến “một trăm tám chục độ”. Người lạ gặp tình cảnh này có thể thấy bất ngờ; nhưng với anh, chuyện này là bình thường. Anh quá hiểu tính vợ, nóng đấy rồi cũng nguội đấy thôi: “Em hết bực mình rồi sao?”

“Hết rồi! Em không muốn nghĩ đến chuyện đó nữa... Cho em xin lỗi vì nặng lời với anh!”

Anh ngồi nhìn kỹ vợ. Những lúc này, sao cô ấy dễ thương quá, đáng yêu quá đi mất. Anh không đòi hỏi gì hơn thế. Con người sống đều trải qua những cảm xúc hi-nộ-ái-ố-ai-cụ-dục, tránh sao được. Âu đó cũng là để cân bằng tâm lý, nếu không sẽ không còn là người bình thường nữa. Khẽ vuốt mái tóc vợ, anh giật mình khi thấy có vài sợi tóc bạc. Vì lo âu quá, làm việc không ngơi nghỉ, quên chăm sóc bản thân nên trông vợ anh hốc hác, già trước tuổi so với những người phụ nữ trong xóm. Nhưng mặc kệ! Anh yêu vợ mình vì vẻ đẹp tiềm ẩn: ngày xưa, bây giờ và cả về sau. Sức nhớ đến chuyện tiền bạc, anh vội móc ví đưa vợ:

“Sáng anh bán vé số, có vị khách “sộp” trúng giải sáu 20 tờ nên họ mua hết vé số của anh luôn. Đã vậy họ còn lì xì anh năm trăm nghìn đồng lấy lộc. Em cầm lấy mà mua đồ trong nhà”.

Sáng giờ lo vụ lương ở xí nghiệp mà chị quên bém chuyện chồng mình có mặt ở nhà giờ này. Mọi ngày, năm giờ sáng anh đã ra đường rồi. Đến trưa mới chống nạng về nhà dùng cơm rồi lại đi tiếp mãi cho đến chín giờ tối mới có mặt tại nhà. Hóa ra anh về quá sớm là vì “vô mánh”.

“Tiền lời vé số em lấy, nhưng tiền khách tặng anh giữ mà tiêu”.

“Anh cũng có tiêu pha gì đâu. Mấy ngày Tết đi bán anh đoán lời cũng khá, vả lại đến nhà nào họ cũng mời ăn uống, có tốn kém chi”.

“Cực cho anh quá! Thôi được rồi! Để em giữ. Em biết bao nhiêu đây dù không nhiều nhưng em nghĩ có thể mua được nhiều thứ. Không có tiền thì mình sẽ ăn Tết tiết kiệm nhé anh!”

“Em biết nghĩ thế là tốt! Chẳng bao nhiêu là đủ, bao nhiêu là thiếu, em ạ! Do con người chúng ta cầu toàn thôi. Nhà mình cũng có đầy rau củ, gà vịt, lo gì! Quan trọng là mua cho thằng nhóc một bộ đồ mặc ba ngày Tết”.

“Ý chết, anh nhắc tới con em mới nhớ! Thôi em đạp xe ra ngoại rước thằng bé rồi đi chợ Tết kéo muộn”.

Chị nói rồi xách giỏ đi ngay. Hai vợ chồng bỏ bữa cơm trưa. Anh cảm thấy no vì cuộc trò chuyện thú vị với vợ. Gia đình hạnh phúc phải bắt đầu từ sự nhân nhượng, nhẫn nhịn, nhún nhường. Giật mình vì sắp đến thời khắc rước ông bà, anh vội đi làm chú gà trống thiến đã cột dây sẵn. Ngoài ngõ, bà Tám hàng xóm mang cặp bánh tét với hũ dưa kiệu biếu vợ chồng anh ăn lấy thảo.

Tết đang vào nhà từ những điều bình dị như thế. ■



Bạn hỏi tôi loài chim nào có màu sắc xấu nhất, tôi trả lời ngay là chim sẻ. Thật thế, toàn thân chim là một bộ lông màu xám xịt, chẳng có lấy một màu sắc nào khác tô điểm như các loài chim thường thấy. Nếu bạn hỏi tôi loài chim nào là thân thiết nhất, tôi cũng trả lời ngay là chim sẻ.

Ngày còn bé, gia đình tôi sống ở tỉnh lẻ, trong ngôi nhà nhỏ lợp tranh. Trước mặt nhà là một khoảng sân nhỏ được bao quanh bằng một hàng chè tàu và vài cây cau. Cũng còn có mấy cây thầu đâu - còn gọi là cây sấu đồng - khẳng khiu buồn bã vào mùa đông giá rét. Khi mùa đông đi qua, mùa hè đến, một đàn chim sẻ từ đâu xuất hiện. Chúng làm tổ trên mấy cây cau, dưới mái tranh; và một thế hệ chim nhanh chóng được sản sinh. Chim mẹ, chim con riu rít suốt ngày. Chim con chạy theo mẹ đòi ăn; chim mẹ thì tất bật tìm thức ăn mà không đủ cung cấp cho đàn con háu đói lúc nào cũng há mỏ chờ. Quang cảnh nhộn nhịp đó được thu vào ký ức, vào đầu của đứa trẻ chín mười tuổi là tôi. Đặc biệt chỉ có đàn chim sẻ là đã tạo ra cảnh nhộn nhịp đó, chứ mọi vật đều im lìm trong buổi trưa hè. Gió Lào đem hơi nóng phả vào mọi người mọi vật làm cho không khí trở thành ngột ngạt, mọi hoạt động hầu như ngưng trệ. Thỉnh thoảng, tôi thường lén mẹ lấy một nắm thóc vãi ra, lũ chim sẻ non giành nhau chí chóe. Nhưng khi một con chó hay một con mèo uể oải lững thững đi qua sân cũng đủ cho lũ chim hoảng sợ bay lên mái nhà hoặc trên các cành cây.

Trong những buổi trưa hè đó, tôi thường nằm trên chiếc chõng tre đặt trước hàng hiên, mắt lim dim tha hồ tưởng tượng những hình ảnh thần tiên đã từng đọc trong sách thiếu nhi.

"Một hôm có con chim đại bàng bay qua, thấy bọn chim sẻ sinh hoạt dưới đất bèn thấy khinh bỉ mà rằng, 'Bọn bay có đứa nào dám bay lên đây chơi với ta xong rồi tỉ thí với ta xem ai bay cao hơn'. Bọn sẻ im thin thít vì biết mình không thể bay cao quá ngọn cau. Duy chỉ có một chú sẻ con bằng lòng dám ăn thua đủ với đại bàng. Cuộc chơi bắt đầu với sự ngạc nhiên vô cùng của bọn sẻ. Khi bay qua ngôi nhà cao nhất làng, đại bàng hỏi sẻ con, 'Chim sẻ, bay theo ta chứ?'. Sẻ con đáp, 'Tất nhiên rồi'. Khi bay trên ngọn núi cao, đại bàng lại hỏi và chim sẻ cũng trả lời như trước. Tức mình, đại bàng cố sức bay trên các tầng mây và rồi sức tàn lực kiệt, đại bàng rơi xuống đất. Chờ cho đến khi đại bàng rơi

xuống gần đến đất, sẻ con nhảy ra khỏi thân đại bàng, kết thúc cuộc chơi thắng lợi".

Đó, chim sẻ thân thiết của tuổi thơ tôi dễ thương, thông minh và can đảm như vậy.

Trong văn học không thiếu những hình ảnh dễ thương như thế. Cậu bé vai mang cặp sách đi ngang qua vườn Luxembourg vừa đi vừa nhảy như chim sẻ của Alphonse Daudet mãi mãi là hình ảnh khó phai mờ của bao nhiêu thế hệ học trò. Hình ảnh ấy cũng gợi nhớ buổi khai trường đầu tiên của nhà văn Thanh Tịnh khi một cánh chim quen thuộc đậu bên cửa sổ lớp học rồi vỗ cánh bay đi trong lúc cậu học trò ngơ ngác chỉ biết xếp lại bút viết cho ngay ngắn.

Khi lớn lên, sống trong thành phố lớn, do công việc kiếm sống hàng ngày, tôi hầu như không chú ý đến những người bạn nhỏ thời thơ ấu. Mãi cho đến gần đây, được đôi chút thư thả, tôi vào mạng internet đánh thử hai chữ "chim sẻ", thì ôi thôi, một "kho tàng" kiến thức về cách bắt chim sẻ; nào súng bắn chim, nào cách đặt lưới bắt chim, cách dụ chim bằng chính tiếng kêu của chúng... nghĩa là các cách tận diệt chim! Trong một số quán nhậu có thực đơn ghi chim sẻ nướng, chim sẻ rô-ti...

Sao con người đối xử tàn bạo đối với một sinh vật bé nhỏ như thế? Họ không biết rằng những kẻ gieo ác tận diệt chim trời là tạo nghiệp chướng, sớm muộn gì cũng nhận quả báo nhãn tiền.

Trong lúc đó, ở các nước phát triển, có những quy định xử phạt nặng những kẻ tàn phá môi trường sống, trong đó có việc bắn giết những loài chim trời. Vì thế, cư dân ở những nơi ấy suốt ngày được nghe tiếng chim hót, nhất là vào buổi sáng.

Trong một ngày lang thang tìm hiểu vẻ đẹp của thành phố Paris, ngồi ghé đá cạnh bờ sông Seine, tôi gặp một đàn chim nhỏ. Nhìn thật kỹ, tôi thấy chúng đúng là chim sẻ. Cũng bộ lông màu nâu xám tuy có ánh một chút màu vàng, cũng kêu lách tách gọi đàn; và điều khác biệt với các loài chim khác: chúng nhảy hai chân cùng lúc. Ban đầu chúng còn hơi e ngại, nhưng khi tôi xòe bàn tay có mẩu bánh mì thì chúng mạnh dạn đậu lên bàn tay tôi tranh nhau giành ăn. Tôi ngạc nhiên và vô cùng thích thú. Ở phương trời xa xôi, tôi đã gặp lại những người bạn cũ thời thơ ấu trong không khí thanh bình và đáng sống! ■



Nguồn: nhanongviet.vn

Những cây hoa tầm xuân

VŨ HUỆ

Đi từ cuối làng lên, bắt đầu từ nhà bà Rữ, đường về phía sau làng, độ chừng nửa cây số trên con đường mòn về bên tay phải là cái bệ nhà ông Lý Khoa được xây trên một cái gò; với người đi dưới thấp thì bệ ngang đầu người.

Bệ nhà ông Lý Khoa xây trên khu đất có diện tích thông thổ chừng 50 mét vuông, không ghi niên đại, có mái như mái chùa nhưng nhỏ, có chiều ngang mét rưỡi, chiều cao hai mét, trong có bát hương, người đứng ngoài cho tay vào thắp được. Dưới chân bệ, trên nền cái gò, người xây cho xây cuốn hình vòm, tô nhẵn để trống hai đầu để có chỗ cho người ngồi nghỉ. Ngang bệ, người xây cho xây lộ hẳn ra một “mặt bàn” hình chữ nhật là nơi đặt vật phẩm cho những ai vắng lai muốn cúng. Cái bàn này cũng là nơi hằng năm gia đình nhà ông Lý tổ chức cúng cháo cho những linh hồn oan khuất, những người chết không cha, không mẹ, không nhà.

Xung quanh bệ, người xây - hẳn là bố ông Lý Khoa - cho trồng rất nhiều những cây hoa tầm xuân vừa chống xói mòn cho bệ, vừa có cảnh đẹp tự nhiên. Trẻ chăn trâu tôi nhớ, lúc nào cây cũng trở bông, rộ nhất là vào đầu tháng Giêng sau Tết Nguyên đán. Lúc ấy, trời rắc mưa bụi, hoa tầm xuân cánh mỏng đọng những hạt nước long lanh trong suốt, chưa thứ gì sánh được.

Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc

Em lấy rồi chống anh tiếc lắm thay.

Câu ca dao cổ giờ tôi còn nhớ mang máng. Tháng Giêng thì thế, nhưng trước Giêng, tức là vào các tháng Một, Chạp trong năm, trời ngoài Bắc hanh khô, cây tầm xuân quanh bệ vẫn xanh tươi nhờ có người tưới, nếu không là người nhà ông Lý thì cũng là khách vắng lai. Ở tuổi leo trèo, nghịch ngợm, tôi hay rủ bạn ra trèo cây ruối ở bệ nhà ông Lý. Bởi ngoài những cây hoa tầm xuân, người xây đã có ý cho trồng một cây ruối, bấy giờ thân cây cả người ôm không xuể; tôi còn nhớ là cây ngã ra mảnh ruộng trồng màu nhà bà Tổng Rao. Cây ruối bám chắc vào lòng đất. Trẻ chăn trâu chúng tôi thường hay rủ nhau trèo ruối; đàn đàn lũ lũ, cứ rúng rúng y như bấy khi, thấy những quả ruối chín vàng bỏ miệng, mắt trông ra con đê đá bên này sông Hạ Đồng, thấy những chiếc xe “cam-nhông” đi về mạn Diêm Điền, bốc bụi...

Tầm xuân là loại cây có gai như hoa hồng, bông nhỏ. Hoa tầm xuân ngửi hương không biết chán.

Bệ nhà ông Lý Khoa được xây tự thuở nào thì tôi không biết, nhưng ông thì tôi biết. Ông Lý chơi thân với ông nội tôi, dạy chữ Nho cho người làng, thường đi chùa cúng Phật. Hằng năm, vào tiết các tháng Ba, tháng Tư, được gọi là tháng “giáp hạt” đói kém nhất, đôi khi có người lăn ra chết đói chết rét; ông Lý biết thế, thường tổ chức cúng cháo cho những linh hồn oan khuất. Đồ cúng ông Lý đem ra bệ có chuối, có oản, có gà, có cá, có đồ xào. Cháo hoa thường được ông múc ra những cái dãi làm bằng mo cau mà ông gấp sẵn, không chày; đổ cháo vào dãi, ông treo quanh bệ. Những người biết việc ông Lý cúng cháo, hằng năm họ kéo đến bệ vây quanh ông, họ đợi đến khi nào miệng ông hô “thặng lai” thì nhảy vào chen chúc nhau cướp, tôi cũng ở trong đám ấy; cướp ra được gì ăn nấy, những miếng bánh, miếng thịt béo thơm. Thời ấy, làng tôi không chỉ một bệ nhà ông nhà ông Lý Khoa tổ chức cúng cháo, mà còn có cả chùa Đông, chùa Đoài... họ cũng cúng cháo cho người oan khuất.

Ngày nay không đâu còn cảnh cúng cháo và nhảy vào cướp (bởi không còn, không có cảnh chết người như tỉnh Thái Bình tôi năm bốn năm Ất Dậu có cả triệu người lăn ra chết). Cảnh ấy không còn nhưng vẫn có không ít những cá nhân hay tổ chức đứng ra làm từ thiện như ta từng thấy trên ti-vi, cứ đến giờ là có người ôm bánh đi cho...

Điều mà tôi cứ thắc mắc lúc đầu, không lý giải được, ấy là tại sao cái bệ nhà ông Lý Khoa không được xây ra phía đằng trước làng. Bởi đằng trước làng mới có đường cái quan, mới có xe cộ đi về tấp nập. Ông cụ thân sinh ông Lý lại chọn xây bệ ở tận mé sau làng, vắng vẻ, nơi mà ai cũng biết lối đi chỉ là những bờ cát nổi dài và dễ lở. Về sau lớn lên, quan sát kỹ tôi mới hiểu. Ấy là chỉ ở đằng sau làng rậm rạp mới có nhiều cánh bãi tha ma quanh bệ chôn cất người oan khuất. Vì thế, thân sinh ông Lý mới cho xây bệ để “gần” người oan khuất khi ông cúng cháo, tránh đi chuyện “đã đói còn phải đi xa”.

Phía sau làng, đi từ nhà bà Rữ lên, bên tay phải tôi là cái bệ thờ do bố ông Lý Khoa xây, có rất nhiều những cây hoa tầm xuân cho tôi nhớ đến bây giờ... ■

Chuyện tập xe của mẹ

QUYỀN VĂN

Mẹ tôi không biết đi xe đạp. Có những lúc vô tình, tôi đã tiết lộ “bí mật” đó cho bạn bè biết trước mặt mẹ. Bà véo tai tôi và mắng yêu: “Cái thằng quỷ sứ, bộ muốn mẹ úp mặt mo hả”. Lúc đó tôi lại cười khoái chí: “Vậy thì mẹ tập xe đi...”.

Mẹ biện minh cho lý do không biết đi xe đạp của mình là ngày xưa nghèo không có tiền mua xe đạp với lại chẳng đi đâu xa. Ba tôi cười, khích bác: “Mẹ nó đừng đổ lỗi cho hoàn cảnh, tôi đây cũng nghèo sao lại biết đi xe đạp...”. Anh Hai và tôi lại có trận cười vang khi nghe màn đối đáp của hai vị phụ huynh.

Tôi thấy thương mẹ rất nhiều. Mỗi khi chạy chợ về hai chân mẹ phồng rộp vì phải đi bộ một quãng đường khá xa. Đường sá đâu có bằng phẳng, nó lại lồi nhô đầy sỏi đá. Bà làm đủ nghề, từ chạy hàng xá, hàng xén, đến thu mua phế liệu... Đôi chân mẹ in dấu trên biết bao con đường, đôi vai mẹ gánh gồng biết bao hàng hóa, bàn tay mẹ quán xuyến biết bao công việc... Tôi ước... giá như mẹ biết đi xe đạp thì hay biết nhường nào.

Hôm bữa, được nghỉ học rảnh rỗi ở nhà, tôi đánh bạo tiến tới vòng tay qua eo mẹ tôi mà thủ thỉ: “Mẹ tập đi xe đạp nhé!”. Mẹ tôi lại cười, nụ cười như mắc cỡ rồi lại mắng yêu tôi: “Cái thằng quỷ này, bộ muốn mẹ làm trò cười cho thiên hạ hả...”. Tôi nói hết cho bà những tiện ích mà xe đạp mang lại. Biết đi xe, mẹ sẽ đỡ vất vả biết bao nhiêu. Tôi lên kế hoạch cùng đồng minh là bố tác động vào tư tưởng cho mẹ để mẹ đồng ý tập xe đạp.

Và rồi mẹ cũng đồng ý tập xe. Lòng tôi vui như mở hội. Chiều chiều, sau khi mẹ tôi đã vãn công việc đồng áng, tôi lại cùng mẹ dắt con ngựa sắt “Thống Nhất” của tôi ra sân bóng của làng để tập. Có những lúc tôi phải bụm miệng lại để không cười trước bộ dạng leo lên xe của mẹ. Khuôn mặt của mẹ pha chút lo lắng, bờ ngõ khi đặt chân lên pê-đan. Đôi tay của mẹ quen cấy cày, giờ cầm ghi-đông run rẩy từng đợt. Tôi đi theo sau mẹ động viên: “Mẹ cố lên! Sắp được rồi mẹ ạ”. Chốc chốc mẹ lại dừng lại cười và mắng yêu: “Cha bố anh!”. Hai mẹ con cứ mãi miết theo những vòng xe chậm chậm cùng những tiếng cười cho đến khi trời tối mịt mới về.

Sau một tuần chăm chỉ, mẹ tôi đã biết đi xe đạp. Bà reo lên sung sướng như thể vừa tìm lại được vật quý bị thất lạc. Hai mẹ con cười vang cả một góc sân bóng của làng. Tôi ngỏ ý đề nghị mẹ chở tôi đi lòng vòng một quãng đường. Và thật kỳ diệu! Đôi chân mẹ không còn bờ ngõ như mới ban đầu đặt lên pê-đan. Mẹ tự tin nhấn mạnh và từng vòng xe chạy ro ro... Lòng tôi rộn ràng một cảm xúc khó tả. Tôi yêu mẹ hơn bao giờ hết! Mẹ không chỉ là người cho tôi hình hài, nuôi tôi khôn lớn, dạy tôi bao đức tính quý báu để hoàn thiện bản thân, mà mẹ còn cho tôi thấy một sự cố gắng hết mình, hết sức kiên trì, chịu khó và không ngại gian khổ để làm điều mà tưởng chừng như không bao giờ làm được.

Gánh hàng của mẹ giờ không còn trĩu nặng trên vai nữa. Đôi chân mẹ bớt đi những nốt rộp phồng mỗi khi chạy chợ xa nhà...

Chiều nay, khi lang thang ra phía ngoại ô, ngược mắt nhìn thấy các bà, các mẹ quảy đôi quang gánh đi trong gió chiều, mắt tôi lại cay xè khi nghĩ về mẹ. Mẹ tôi bây giờ vẫn đang còn vật lộn với bao công việc để chật chiu từng đồng tiền nuôi tôi ăn học. Đôi chân của mẹ giờ đã bớt mỏi hơn nhưng vẫn đang còn nặng nhọc với những vòng xe cuộc đời. ■



Ảnh minh họa

Ngoài đồng hoa cải đồng đưa

TRẦN NGUYỄN HẠNH

Đã qua rồi một mùa đông hanh hao gió lạnh. Xuân đến mang theo những tia nắng ấm áp soi rọi từng góc ngách của đường làng. Ngoài kia, từng đám cỏ xanh non đang nhô mình phơi phới, sắc xuân rạng ngời. Lòng thanh thoi dọn dẹp ngổn ngang những suy nghĩ của năm cũ, sáng nay lắng xằng cùng mẹ ra đồng. Hoa cải nở rộ yên ả một góc trời quê.

Từ nhỏ tôi đã thích hoa cải; một loài hoa mộc mạc dung dị gắn liền với những năm tháng tuổi thơ. Tôi luôn nghĩ, nhờ những mùa hoa cải trong ký ức mà tuổi thơ tôi dù nghèo khó và thiếu thốn đủ bề vẫn rất đổi nên thơ và tràn đầy màu sắc. Đó là những tháng ngày mà mọi chi tiêu của gia đình tôi đều nương nhờ vào cánh đồng trước nhà. Ở quê tôi đất đai chỉ có thể trồng rau và hoa màu. Mùa xuân, mẹ tôi trồng cải. Tôi còn nhớ những sớm mai, khi mặt trời còn đương vui mình trong những đám mây êm ả, tôi đã thức dậy cùng mẹ ra đồng. Khi mồ hôi mẹ lấm tấm từng giọt rơi trên mảnh áo đã bạc màu mục chỉ, tôi lại cùng mẹ căng sức kéo từng xô nước từ con kênh đầu làng gánh về tưới đẫm luống cải vừa gieo hạt. Không biết có phải vì thương bao công sức chăm bón và hy vọng về những bữa cơm có đủ canh cà mà thuở ấy mỗi luống cải mẹ trồng đều lớn lên xanh mướt. Từ những luống cải ấy chị em tôi đã lớn lên với bao kỳ vọng cùng nỗ lực lao động của mẹ. Những mùa cải mẹ gieo vẫn cứ thế lấp đầy tháng ngày tuổi thơ trong tôi. Để rồi mỗi khi nhìn thấy sắc vàng của hoa cải, lòng tôi bỗng dịu lại bởi một đoạn hồi ức đã qua có hình ảnh của mẹ trong sắc vàng hoa cải sóng sánh cuối trời.

Mỗi khi nhìn thấy hoa cải dưới tiết trời xuân, như một phản xạ tự nhiên, trong tôi bao giờ cũng hiện về hình ảnh của mẹ. Điều in đậm trong tâm trí của tôi có lẽ là nụ cười hiền từ rạng ngời sắc xuân của mẹ giữa cánh đồng hoa cải đang kiêu hãnh nở rộ trời. Từ hình

ảnh ấy, những đoạn hồi ức trong tôi chợt vụt sáng. Tôi nhìn thấy mình trong vai một cô bé con váy hoa rạng ngời cùng em trai chạy nhảy khắp cánh đồng. Tôi thấy mẹ ở đó, giữa sắc vàng của hoa cải, nhìn chúng tôi bằng ánh mắt hân hoan, đón đợi. Bao nhiêu hạnh phúc ở đời chợt hiện về, chất chứa trong mắt mẹ thắm sâu.

Có những buổi sáng Chủ nhật từ phố thị chộn rộn người xe, tôi bắt gặp hình ảnh của những người phụ nữ như mẹ. Nụ cười thôn quê hiền hậu chất phác gánh trên vai đôi thùng tre. Trên đó là những bó cải xanh mướt, được gói ghém cẩn thận, mang lên từ một cánh đồng nào đó. Chẳng biết bao nhiêu lần tôi đã lầm tưởng đó là mẹ. Lẽ nào tất cả những bà mẹ quê đều giống nhau? Hay vì những bó cải xanh non kia đang gọi nhắc cho tôi về một khoảng trời mà ở đó có mẹ là người đang đợi chờ tôi bằng một cái ôm ấm áp, dưới một vùng trời hoa cải trải sắc vàng?

Sáng nay trời xanh mây trắng, gió thơm mùi nắng, hoa cải đồng đưa, tôi trở về rũ bỏ sơ-mi quần đen váy vóc để làm cô gái thôn quê của mẹ. Trong bộ áo bà ba, tôi cùng mẹ lang thang ra đồng. Đồng ruộng ngát hương hoa, lòng tôi thổn thức những thanh âm trong trẻo. Với tôi, được trở về với màu hoa cải chính là trở về với tuổi thơ hồn nhiên trong veo tiếng cười, là cách tôi tìm lại mình của một thời ấu thơ hồn nhiên trong vắt; khi những tưởng, cuộc sống bon chen nơi thị thành lấp lách bụi xe đã lấy đi của tôi vẻ hồn nhiên vô tư trong khóe mắt thuở nào.

Như một sự gom góp ký ức, mỗi mùa hoa cải bên mẹ luôn là một mùa kỷ niệm êm đềm mà tôi chẳng thể nào quên. Từ những mùa hoa cải mẹ trồng, tôi cùng em lớn lên và trưởng thành. Chúng tôi đã thấu hiểu được công ơn sinh thành và dưỡng dục của ba mẹ. Hiểu rằng để có được những mùa hoa cải đủ đẹp lưu giữ trong ký ức những đứa con của mình, mẹ tôi đã phải vất vả cả một đời. ■



Hoa muống biển

THANH NGÂN

Suốt những năm học tập và làm việc nơi phố thị, hình ảnh quê hương mà tôi cất giữ trong tim luôn có bức tranh mộc mạc của loài hoa muống biển, ngày qua ngày nép mình bên bờ cát trắng tinh khôi chạy dài, nghe con sóng cựa mình, hiền hòa vỗ về bãi bờ...

Tôi thích lối phô diễn như một quá trình nhiều tận hiến của hoa giữa không gian mênh mông quê mình. Có lẽ vì sự xếp đặt diệu kỳ của tạo hóa mà hoa muống biển tuy mỏng manh, nhỏ bé nhưng lại thích nghi được với không khí mặn mòi biển. Từng đám muống biển mọc men bãi bờ, sắc tím dịu dàng của hoa điểm xuyết lên tấm thảm đan từ những chiếc lá xanh um, dẹt lên mấy trảng cát khô khốc. Loài hoa đặc trưng và độc nhất dù chỉ phủ xanh một góc bờ biển, song cũng đủ thổi về đây khí trời mát mẻ, trẻ trung của gam màu lạnh nhẹ nhàng,

như muốn thỏa hiệp với nhãn quan của bất kỳ ai vốn nặng lòng với làng biển.

Thế nhưng, tôi thích nhất là được nhìn ngắm muống biển vào độ trổ hoa, mùa đổ trên vùng cát vắng, hoa tím hồng, tím ngát, hình dáng tựa loa kèn nở rộ, khoe sắc thắm, bóng hoa in lên làn cát mịn vào mỗi buổi sớm mai. Không giống như các loài hoa yêu kiều khác, muống biển chọn cho mình một cuộc sống ung dung, lặng thầm, nhưng chẳng hề mờ nhạt, dễ dàng đến rồi vội vàng qua đi. Lá cứ xanh, hoa cứ nở, ngày ngày, hoa cứ tận hiến, tận hưởng cho trọn kiếp sống giữa đất trời, tạo nên một sự phối màu hết sức tự nhiên, sinh động, tuy bình thường dung dị song lại tạo nên sự hăng thường trong lòng người...

Không biết từ bao giờ tôi bắt đầu để ý đến loài hoa muống giản dị ấy, chỉ biết rằng giờ đây, khi tôi tha thiết nghĩ về quê hương, ký ức trong tôi đầy ắp sắc tím nguyên



Nguồn: vnphoto.net

sơ của hoa, màu xanh biêng biếc của lá, bên con sóng chùng chình hát khúc ca quen thuộc của biển. Tôi nhớ quê, nhớ những người bạn sinh ra đã là tri kỷ của nhau bởi chúng tôi đã cùng đi qua thuở thiếu thời, cùng nhau tạo nên kỷ niệm gắn với những đám muống biển xanh rì; nhớ những người con làng biển chân phượng, chất phác luôn đối đãi với nhau bằng sự thủy chung đáng quý, cũng như muống biển từ xưa đến nay vẫn một lòng một dạ với làng biển quê tôi.

Ngày bé, mỗi lần mặt trời lui về phía những ngọn núi lấp ló nơi trời Tây, lũ trẻ trong xóm chúng tôi, chẳng ai hẹn trước với ai cả, tập trung về bãi cát vui chơi sau khi ăn vội bữa cơm tối. Có đứa còn xin ba mẹ bụng to cơm đạm bạc ra nơi tập trung, tranh thủ vừa ăn vừa nhập cuộc cho thỏa lòng háo hức.

Khi đó, chúng tôi thường ngắt một dây muống biển

thật dài làm vạch mức cho trò kéo co, nhảy bước, giặt cờ,... Cờ cũng được chọn từ một dây muống biển dày lá, cuộn tròn lại miễn sao vẫn giữ được lá xanh của hoa cho dễ dàng nhìn thấy khi đứng đằng xa chờ “giặt cờ”.

Thật sự, ngày ấy mấy ai để ý nhiều đến loại cây quen thuộc này trong các trò chơi con trẻ của mình. Cần là dùng, vậy thôi. Nếu có thì chỉ duy nhất khi chúng tôi chơi trò cô dâu chú rể. Tôi thường tìm đến một dây muống biển thật nhỏ nhắn và dễ thương, còn cả lá và hoa, kết thành vòng hoa đội đầu cho cô dâu. Muốn nổi bật hơn, tôi hái thêm nhiều hoa rời gắn lên mái tóc đen huyền của cô dâu nhỏ nhắn. Chú rể cũng được “làm đẹp” bằng vòng hoa đeo cổ, cứ như một thí sinh vừa chinh phục đỉnh núi Olympia trên một chương trình truyền hình mà anh Hai tôi vẫn xem hàng tuần. Thi thoảng, chú rể nhí của chúng tôi xuất hiện đơn giản nhưng đạo mạo nhờ cài một bông hoa tinh tuyền lên ngực áo, hãnh diện sánh bước bên cô dâu xinh đẹp. Bộ quần áo ngả màu cũ kĩ của lũ trẻ nghèo bỗng bừng sáng bừng, trang trọng, lộng lẫy,... Khó ai ngờ, có đôi sau này lớn lên cũng trở thành cô dâu chú rể của nhau, họ vẫn đang ngày ngày cần cù mưu sinh nơi làng chài quê hương...

Quê tôi miền duyên hải, bạn bè phố thị của tôi thường nhắc đến miền quê nắng gió, chịu nhiều thử thách của tự nhiên ấy bằng tất cả sự cảm thông của mối thân tình “bầu bí một giàn”, thế nhưng đứa nào cũng khẳng định, mảnh đất này lại là điểm đến lý tưởng cho những chuyến đi nghỉ dài ngày.

Lũ bạn rất thích thú khi được tôi mời về quê, xúc cảm của họ làm cho một đứa “sinh ra từ làng” như tôi càng thêm tự hào về quê hương mình. Ở quê, mỗi độ trăng lên, ba tôi và mấy chú trong xóm thường quây quần trên bờ biển cùng nhau, nhóm vài thanh củi bên cạnh, vừa để hơ cho ấm, vừa để nướng cá, ốc, mực... tươi ngon mới được đưa vào bờ lúc chiều tà.

Chúng tôi cũng tranh thủ rủ nhau ra đó chơi với người lớn. Vừa ăn hải sản ngon, vừa nhâm nhi ly rượu gạo thơm nồng và lắng nghe những ca sĩ nghiệp dư cao hứng cất lên vài ca từ gần gũi của người dân miền Trung quê tôi làm cho đứa nào đứa nấy cảm thấy lòng mình ấm áp lạ thường. Dường như có gì đó thân thương, thân thuộc, thân tình nơi này.

Sau màn giao lưu, chúng tôi ngồi lên những khóm hoa muống để ngắm biển đêm dưới ánh trăng và kể cho nhau nghe câu chuyện tình cảm động của hoa muống biển giữa không gian lung linh, huyền ảo tuyệt đẹp. Và thi thoảng, chúng tôi cũng đi tìm cánh hoa muống biển dưới bóng trăng ngà như cố tình kiếm tìm một sự phối màu mới từ những gì bình dị nhất của cuộc sống.

Tôi trở về làng biển quê mình vào một ngày nắng đẹp. Có vài đôi vợ chồng trẻ đang chụp ảnh cưới ngoại cảnh bên những khóm hoa đang đung đưa khoe sắc trước nắng và gió biển. Hoa muống biển vẫn còn đó, nên thơ một góc biển như tự bao đời nay... ■



Mưa quê

BÙI SỸ CĂN

Dường như chẳng mấy ai để ý đến những cơn mưa, vì người ta nghĩ rằng mưa ở đâu mà chả vậy. Mưa to, mưa nhỏ, mưa ngâu... tùy theo mùa có những kiểu mưa khác nhau. Tôi là người nhà quê, sinh ra từ lũy tre làng; từ tuổi ấu thơ đã quan tâm lưu giữ trong ký ức những hình ảnh quê hương, nên tôi yêu những cơn mưa quê.

Tháng Ba, thời tiết như người đàn bà đóng đánh. Trời đang trong sáng quang mây, bỗng chốc mây đen vần vũ từ đâu kéo về; chỉ trong chốc lát đã nuốt chửng ông mặt trời vào bụng. Cả không gian tối như bưng. Không khí ngọt ngào đến tức thở. Gió bắt đầu nổi lên và những hạt mưa đầu mùa quất xuống. Mưa! Mưa thật rồi! Nơi nơi đều mong trận mưa này. Mẹ tôi bảo,

Lúa chiêm lấp ló đầu bờ

Hễ nghe sấm dậy phát cờ mà lên.

Mưa đi, mưa thật to vào! Cơn mưa rào đầu mùa ào ào tuôn chảy. Lúc này lũ trẻ con chúng tôi nháo nhào huy động thùng, xô, chậu... thứ gì tận dụng được đều dùng tất. Ngay cả những cái bể đã ráo hoảnh từ đời nào thì nay cũng được tắm tấp trong làn nước mát.

Gió. Gió mỗi lúc một to. Gió quật những hạt mưa bông rất vào mặt vào tay chân của lũ trẻ nhỏ đang lấp ló thập thò ở hàng hiên.

Sấm đầu mùa ùng oàng nện xuống trần gian. Mưa xối xả trắng cả bầu trời. Bỗng chốc, mưa ngưng. Sau cơn mưa bầu trời quang đãng như vừa được quét sạch bụi. Bầu trời trong sáng lạ thường. Không khí thật mát lạnh. Những chị lúa chiêm chỉ chờ có thể. Mới hôm nào những thửa ruộng lúa còn xanh nhạt nay đã xanh mỡ, phồng phao, rì rào trong gió.

Những cơn mưa về đêm. Trời oi nồng ngọt ngào. Tiếng sấm gõ ừng ừng như trống thúc. Gió thổi ào ào kèm theo



Nguồn: diendan.thegioihoanmy.vn

những hạt mưa quất xuống rào rào. Đến khi chỉ còn nghe tiếng sầm sập của mưa. Mưa đổ xuống mái nhà, mưa đổ xuống ruộng vườn. Tiếng mưa râm ran. Những hạt mưa gõ vào tán lá cây ràn rạt không ngớt. Những chiếc lá rung rinh như nhảy múa. Chẳng mấy chốc mà mưa trắng cả sân nhà.

Nước chảy chỗ trũng. Cứ thế lượng nước đổ ào ào xuống lối đi, chảy như con suối lũ cuốn theo nào rơm, rác, lá khô... Nước chảy tràn trên mặt đường đổ xuống những chân ruộng trũng. Trong chớp mắt, những thửa ruộng đã no nước, trắng xóa. Không biết từ đâu tụ về những chú rô con, những con trạch con lươn và cả những chị cua kênh có đôi càng mẫm bóng. Chúng thỏa sức bơi lội tung tăng, lao vun vút trong làn nước trắng xóa. Chúng như chưa bao giờ được bơi lội sao bao ngày tù túng, thật thỏa thuê, mãn nguyện.

Cơn mưa về đêm mát lạnh, ru giấc ngủ sâu; để sáng ra, bầu trời cao xanh vời vợi. Làn gió nồm nam mang theo

hơi nước phả vào mặt và tắt cả các bụi cây trong vườn ngoài ngõ, đến cả những ngọn cỏ đã được tắm gội trong mưa nay sạch bóng, xanh đến mỡ màng. Lúc này, trong vườn nhà tôi một màu xanh mướt mướt, dịu dàng...

Mưa quê thú nhất là ruộng đồng. Đất đã bao ngày chịu khát nay được uống đồng nước mát thỏa thuê; đất nở nang, hớn hờ *"tháng Ba cơn mưa hoa"*. Không biết câu ca ấy có từ bao giờ mà người dân quê tôi từ bao đời vẫn mong ngóng cơn mưa tháng Ba *"mưa thuận gió hòa"* mùa màng tươi tốt. Chẳng thế mà,

Ôn trời mưa xuống

Lấy nước tôi uống

Lấy ruộng tôi cấy

Lấy đầy bát cơm...

là vì vậy.

Mưa quê khác hẳn ý nghĩa và tiếng mưa nghe cũng khác. Tiếng mưa như reo vui, hớn hờ; tiếng mưa dội vào lòng người niềm hy vọng.

Mưa từ tháng Tư trở đi là những cơn mưa người dân không muốn chút nào. *"Mưa tháng Tư hư đất"*.

Nhưng khổ nhất là những cơn mưa rào tháng Năm. Đang mùa thu hoạch, lúa phơi ngoài sân. Nắng đấy. Song từ đâu kéo về một đám mây; thế là mưa ào ào đổ xuống trong chốc lát. Người dân quê vội vàng vàng cào thóc vun thành đống giữa sân rồi nhanh tay phủ rơm lên cho khỏi ướt. Đám sắp giập ngửa khoảng mười mười lăm phút, trời lại nắng bùng lên, như con mẹ lên đồng.

Cơn mưa quê quý là thế, song có những cơn mưa làm người dân lo đến thót tim. Đó là những cơn mưa liên tiếp cuối tháng Năm đầu tháng Sáu. Cả bầu trời vẫn vũ đen đặc những đám mây. Mưa cứ thế trút xuống ào ào hết trận này đến trận khác. Mưa xối xả tưởng như ông trời trút giận. Chẳng mấy chốc lúa lặn ngụp trong dòng nước lũ. Nhà nhà, chẳng ai bảo ai, nhanh tay đi gặt vớt kéo mất trắng. Lúc này câu ca *"xanh nhà hơn già đồng"* mới nghiệm.

Không chỉ lúa chiêm ngập úng, người dân vớt vát mùa màng thì nước trên các triền sông ào ạt đổ về. Những dòng nước ngầu đục phù sa, mang theo biết bao là mùn rác, củi mục từ trên nguồn đổ về đen đặc cả lòng sông. Nhìn những xoáy nước vồng lên mà rợn cả người. Nước sông lên nhanh, tràn cả vào bãi sông đang thì ngô trổ cờ. Con dê oằn mình để ngăn dòng nước lũ.

Trên diêm canh, tiếng trống thì thùng báo động. người chen người túc trực trên đê phòng khi đê vỡ. Mùa này, người dân quê khổ vô chừng.

Thường mưa quê có âm điệu, cung bậc riêng; song, có những mùa mưa ở đâu cũng thế. Đó là mưa ngẫu.

Mưa ngẫu vào tháng Bảy, đó chính là cơn mưa của đường hội tụ nhiệt đới. Mưa đều đều nhỏ giọt, tí tách rơi rơi. Mưa dai dẳng rầu rĩ, buồn tẻ đến nao lòng. Tiếng mưa rơi gợi cho người ta nỗi buồn da diết, xa xăm, mà các nhạc sĩ, nhà thơ gọi là *"Giọt mưa thu"*.

Xa rồi những cơn mưa quê. Bây giờ, mỗi khi mưa, tôi lại bồn chồn nhớ về một thuở. ■



Xuân nhớ chùa xưa

TRƯỜNG KHÁNH

Ngoài nớ xuân đã về?!
Trong ni nhớ tái tê,
Tết đến vui không nhi?
Nghe đồng vọng tình quê.

Chùa xưa chuông ngân nga,
Như thầm gọi người xa,
Quay về cùng chốn cũ,
Cho tình quê mặn mà.

Đồng vọng chuông chùa xưa,
Ngồi canh khúc giao thừa,
Đợi đầu năm đi lễ,
Sương xuân về nhật thừa.

Giọt chuông ngân từ hòa,
Ru canh đời thiết tha,
Thiên âm nghe diệu vợi,
Thương bao tháng ngày qua.

Ai tụng tờ kinh xuân,
Ngân khúc Đạo bao lần?
Cho hoa đời thơm ngát,
Chuông từ hòa vang ngân.

Tháng năm dài vắng xa,
Chùa xưa vẫn mặn mà,
Dù cách chia vạn dặm,
Chuông lòng vẫn ngân nga.

Chùa xưa thắm ngàn hoa,
Nắng xuân thêm mặn mà,
Hoa xuân đang tròn nụ,
Cho tình người lan xa...

Xuân biếc

LÊ NGHỊ

Đi viễn du đã trở về
Mùa xuân vẫn biếc bên hè nhà xưa
Một chòm sao nhỏ lura thừa
Thênh thang gió thoảng trắng vừa ngọn cau
Kìa em, lòng lục đổi màu
Ta lên thiên cổ tìm câu VÔ TÌNH.

Non xanh

PHẠM ÁNH

Anh về trong mắt em xưa
Mấy năm tình vẫn hạt mưa lặng thăm
Sông dài còn ánh trắng ngân
Em ơi xin hẹn một lần trăm năm

Tơ tình ai buộc ai giăng
Dầu xa cánh nhận biệt tắm chân trời
Non xanh ngả bóng sông trôi
Ngập ngừng bóng lá song đôi dịu hiền

Trái tim về với trái tim
Tự ngàn xưa đến vô biên khôn cùng
Lối xưa tình cũ ngập ngừng
Ngàn năm nước biếc nghìn trùng non xanh.

Mùa Giêng Hai

TỊNH BÌNH

Thấp thoáng sau vòm lá
Vạt nắng hồng khoe duyên
Hình như xuân tơ nồn
Lấp lánh tiếng chim chuyền
Áo mới đang vờn gió
Tung tăng khắp nẻo đường
Tiếng cười pha lê vỡ
Đất trời bừng dậy hương
Tươi non chồi lộc biếc
Khẽ chạm mùa Giêng Hai
Gió mon man khe khẽ
Long lanh sắc đào phai
Đâu đây lời kinh nguyện
Bồng trầm tiếng chuông ngân
Sớm mai làn gió ấm
Nghe lòng bỗng thanh tân...

Hào khí Việt Nam

PHAN THÀNH MINH

Mẹ đào hầm xuyên thế kỷ hai mươi
Cha vẽ nước non qua đường gươm mũi giáo
Độc lập tự do đổi bằng xương máu
Chiến trường đi đâu hẹn ngày về

Biển đảo thanh bình gió Bắc lăm le
Buốt rít lặn roi ngàn năm nô lệ
Dầu nhân ái nhưng đâu hoài kiềm chế
Đất nước này là xương máu tổ tông

Cháy hết mình cho rực sáng Biển Đông
Mỗi người lính là ngư lôi hồn đạn
Mỗi tàu cá là chiến thuyền pháo hạm
Đánh cho xâm lăng không biết cố quốc nơi nào

Em cũng xung phong ra tận tuyến đầu
Gieo cái chữ xuống Trường Sa đầy nắng
Lúa trĩu vàng đồng anh no lòng đánh thắng
Thêm gần nỗi nhớ Hoàng Sa

Chẳng nơi nào như dân tộc ta
Vất vả gian lao bốn ngàn năm giữ đất
Trước giặc thù chưa bao giờ khuất phục
Dải chiến hào của đất nước mãi nguyên

Trước giặc thù chung nhịp đập trái tim
Viết bằng máu bài ca chiến thắng
Dầu phải chết vẫn hiên ngang đứng thẳng
Hào khí Việt Nam bất khuất đời đời.

Trong nắng tháng Hai

TRẦN KIM LONG

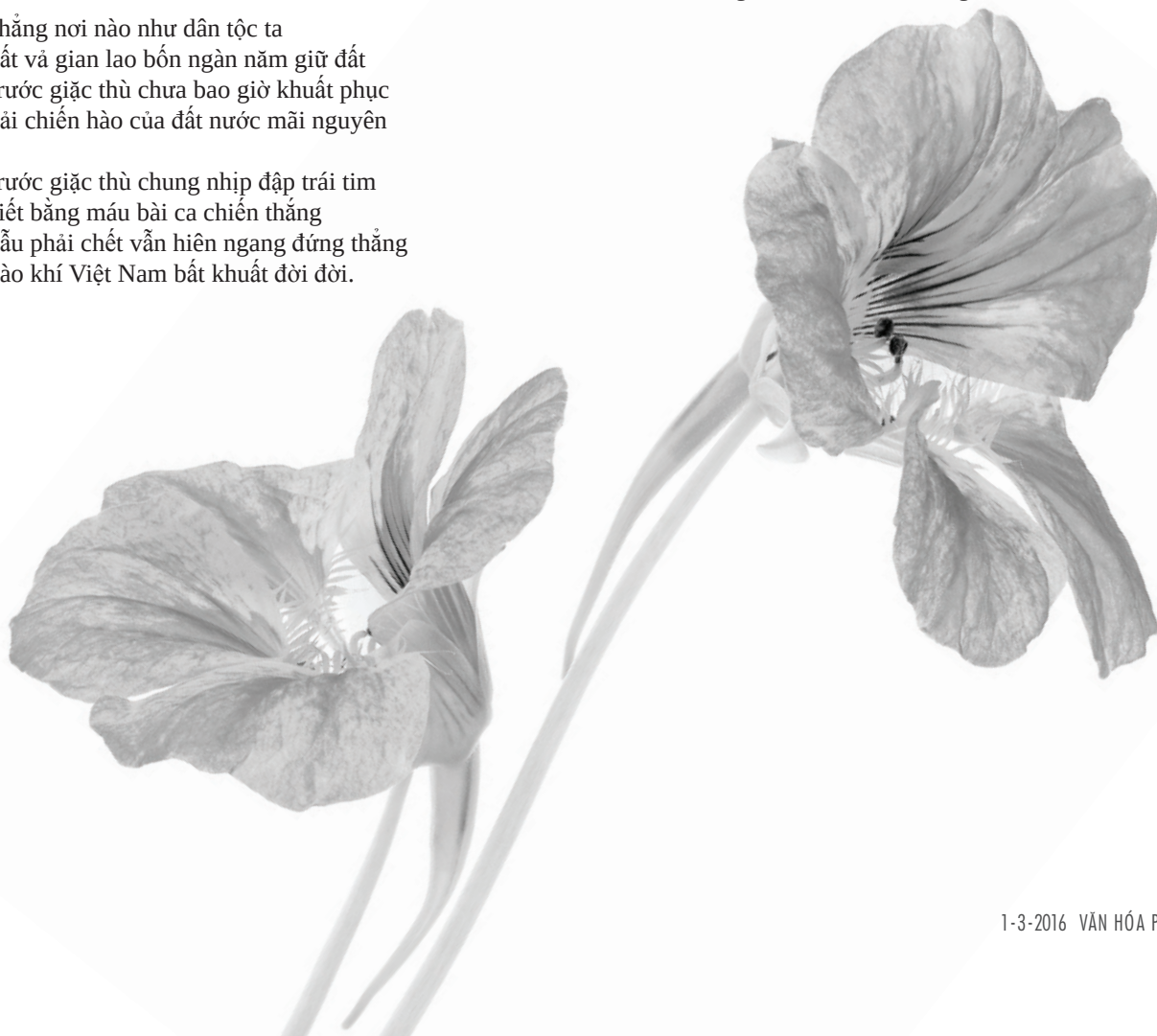
Tôi đi trên quảng đường này
Sài Gòn vào độ những ngày tháng Hai
Đường đi không ngắn không dài
Nhìn quanh chẳng thấy quen ai đồng hành.

Trên trời trong vắt mây xanh
Dưới chân mắt nắng long lanh sáng ngời
Gió buồn không chịu rong chơi
Để cho người đổ mồ hôi nực nóng.

Một mình vời vợi xa trông
Tôi đang thả trí phiêu bồng về em
Nhà ai nắng lướt qua thềm
Có hàng dương xoắn tóc mềm lặng thinh.

Xa đi về phía đường tình
Quanh tôi nắng đổ rung rinh không ngừng
Người đứng đến với người đứng
Vui chân nắng có theo cùng tôi không?

Qua cầu, qua mấy đoạn sông
Đường quen chân thuộc nằm lòng đầy thoi
Đồng hành có nắng và tôi
Chia nhau còng cả cuộc đời trên lưng.



Người đi nhặt vì sao

PHẠM THỊ RÓN

Đi qua cái oi ả của tháng Bảy tháng Tám, rồi lại dai dẳng những cơn mưa tháng Chín tháng Mười, cũng chẳng thiếu những cơn gió rít qua với cái se lạnh của tháng Một, tháng Chạp. Ngoài kia, hàng đêm, cứ vào giờ này, tiếng leng keng bên cạnh tiếng chổi xào xạc lại vang lên dọc các ngõ phố. Ủ! Có gì lạ đâu, những con cú đêm của Sài thành... Chiếc đồng hồ chậm chạp gõ lên từng nhịp. Giờ này còn mấy ai thao thức mà để ý đến những âm thanh cũ rích, sáo mòn vẫn diễn ra thường nhật ấy. Sống giữa phố thị hoa lệ này, đôi khi lắng nghe thành phố thở dài mà bỗng thấy lòng mình se lại. Mỗi con người là một mảnh đời. Đằng sau những bộ trang phục lao công sồn màu và những chiếc chổi tre cũ nát, là cả một nhân cách cao đẹp với đôi bàn tay chăm chỉ, cần mẫn say mê công việc, góp nhặt từng đồng cho cuộc sống mưu sinh.

Cái công việc mà ở điều kiện thời tiết nào người làm việc ấy cũng ướt nhèm mồ hôi và tanh mùi rác rưởi; cái công việc mà nhiều người ái ngại, cười cợt, lãng quên,

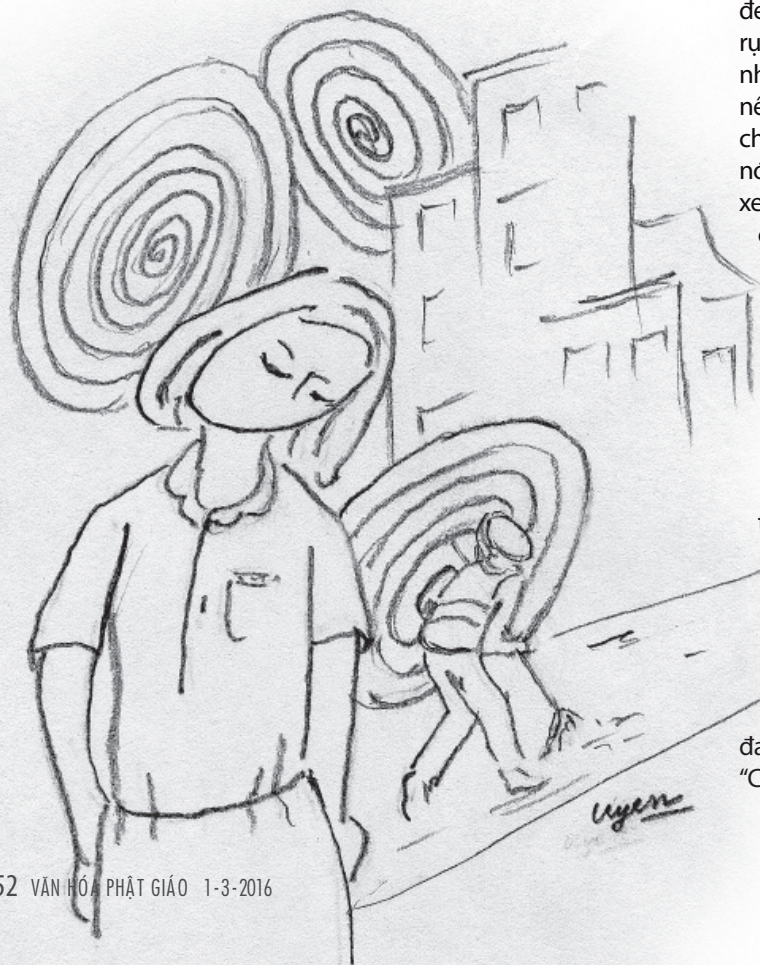
chẳng nghĩ rằng nhờ vậy mà sau một đêm no giấc, mở mắt ra là mình được hưởng một bầu không khí thơm lành, được bước chân trên những con phố dài xanh, sạch.

Tiếng chổi đêm đưa tôi về với giấc mơ còn bỏ dở...

Ngày ấy, khi còn là một học sinh cấp hai, tôi cũng đã có những suy nghĩ thiển cận trước cái công việc mà tôi cho là không sạch sẽ ấy; thậm chí còn dè bủ và rất coi thường. Vào buổi học môn Văn đầu tiên của lớp Tám, cô giáo tôi đã dành một tiết để cho các bạn trong lớp được làm quen với nhau, giới thiệu về gia đình, về ước mơ và sở thích cá nhân. Là lớp phó học tập, tôi hãnh diện phát biểu thật to, cố để cho cô giáo và các bạn được nghe rõ về niềm hạnh phúc của chính mình. Sinh ra và lớn lên trong tình yêu và sự bao bọc của gia đình, ba tôi là bác sĩ còn mẹ tôi là giáo viên. Mỗi sáng khi đi dạy mẹ sẽ chở tôi đến trường còn buổi chiều xuống, ba sẽ là người đầu tiên có mặt tại cổng trường để đón tôi. Điều may mắn của tôi cũng chính là ước mơ của nhiều bạn bè trong lớp. Rồi đến lượt Linh, con bạn khác biệt nhất trong lớp tôi. Linh có nước da ngăm đen, dáng người nhỏ bé và đôi mắt đượm buồn. Cô bạn rụt rè đứng dậy rồi ấp a ấp úng nói lí nhí trong cổ họng về những chuyện của mình. Mấy thằng con trai nhớn nhác nên tôi nghe không rõ, câu được câu mất; nhưng cũng chẳng lấy gì làm quan trọng, vì lớp tôi ai chẳng biết mẹ nó làm lao công, ngày nào mà chẳng thấy bà ấy đẩy chiếc xe rác có cài thêm chiếc chổi tre đi dọc các ngõ phố. Chỉ

có điều là về ba Linh. Chưa bao giờ thấy nó nhắc đến ba mà chỉ thấy hai mẹ con nó đi với nhau. Thắc mắc là thế, nhưng tôi chẳng thiết quan tâm; bởi có bao giờ tôi nói chuyện hay chơi cùng nó đâu. Nó ngồi lủi thủi một mình một xó ở bàn cuối, đến lớp thì gần như muện nhất và tiếng trống vang lên là ôm cặp chạy đi đầu tiên. Lũ chúng tôi bảo nhau tẩy chay nó và có lẽ nó cũng không có thời gian để buồn hay giận mà để ý đến ai. Ngoài thời gian trên lớp, những ngày cuối tuần đi siêu thị cùng mẹ, tôi bắt gặp Linh đang cặm cụi lượm những chiếc chai nhựa, vỏ nước người ta vứt trên vỉa hè hay trong các ụ rác ven đường. Rồi có những buổi tối đi chơi cùng bạn bè trong lớp, chúng tôi bắt gặp nó thay mẹ đẩy chiếc xe rác trên con đường gần nhà. Ai nấy đều thấy xấu hổ thay trước những việc làm của nó.

Một hôm, trong tiết thể dục đầu tuần mới. Cả lớp đang hăng say khởi động để chuẩn bị cho bài kiểm tra "Chạy tiếp sức" thì Linh bỗng xiu, ngã nhào xuống sân



trường trước sự ngạc nhiên hốt hoảng của thầy giáo và bạn bè. Mấy thằng con trai lớp tôi thay phiên nhau công nó xuống phòng y tế nghỉ. Cuối buổi không thấy Linh lên, cô giáo giao cho tôi nhiệm vụ cầm tập sách cho nó, cô còn dặn thêm phải cẩn thận bữa sau mang lên lớp giúp bạn. Tôi ái ngại nhìn chiếc ba-lô rách ngược vớ xuôi rồi nhìn cô gật đầu lưỡng lự.

Thu gom sách vở, tôi bỗng thấy trong đồng hồ tạp ấy xuất hiện một cuốn sổ màu hồng nhìn đầy bí hiểm. Nếu nói là nhật ký thì không đúng vì nó thực chất chẳng khác gì cuốn vở 100 trang, không có chia khoá hay mặt khẩu gì để che đậy.

Với bản tính tò mò của mình, tôi chẳng thèm suy nghĩ thêm mà vội vàng lật ra đọc. Đọc thử coi một đứa không có lấy một người bạn, không có thời gian để thưởng thức cuộc sống như nó thì lấy gì mà ghi nhật với chẳng ký. Nhưng không, tôi đã nhầm...

Người ba đáng thương mà chẳng bao giờ Linh nhắc tới ấy, đã mất khi nó chưa đầy tám tháng tuổi; một đứa mà khi trong bụng mẹ đã sớm chịu thiệt thòi, khi ra đời chưa một lần nhìn thấy mặt cha thì làm sao nhắc đến từ “cha” như chúng tôi được. Ấy thế mà đã có lần chúng tôi nghĩ Linh là đứa con rơi hay gọi với cái tên cay nghiệt “ngoài giá thú”. Để bù đắp cho những thiếu thốn về mặt tình cảm, mẹ nó đã bươn chải lên thành phố sống với hy vọng có công ăn việc làm để kiếm đôi ba đồng lo cho con ăn học bằng bè bằng bạn. Tất cả mọi lo toan cho cuộc sống của hai mẹ con Linh đều trông gửi vào chiếc xe đẩy và cây chổi hàng ngày.

Thế nhưng ông trời không thương nó. Người mẹ tội nghiệp, người đàn bà bất hạnh ấy, chỗ dựa duy nhất của nó, lại bị mắc phải căn bệnh hen suyễn nặng. Tiền công ngày một đắp vào tiền thuốc ngày hai biết bao nhiêu cho đủ. Nó thương mẹ bệnh tật nên vừa buông cây bút nó đã cầm ngay cây chổi thay mẹ, xào xạc trên khắp nẻo đời bi thương.

Mỗi trang viết của Linh là một trang đời thấm đẫm nước mắt. Mỗi lời của Linh như một lời kết tội cho những suy nghĩ hạn hẹp, ích kỷ và tầm thường của tôi. Linh viết “Nếu có một phép nhiệm màu của bà tiên, tôi sẽ không xin bà cho tôi được có ba hay được mặc những bộ quần áo đẹp như các bạn, được mẹ đưa đi học vào mỗi sáng hay dắt tôi đi chơi vào mỗi tối cuối tuần. Tôi chỉ xin hãy cho tôi có mẹ, tất cả bạn bè có thể cười tôi rách rưới, khinh tôi quê mùa, không chơi với tôi. Tôi sẽ cất giữ nỗi buồn cho riêng mình chứ không than phiền để mẹ phải lo lắng cho tôi như trước nữa. Xin bà tiên hãy cho mẹ tôi sức khỏe, tôi hứa sẽ thay mẹ đẩy chiếc xe kia như 14 năm qua mẹ đã nuôi tôi khôn lớn nên người để tôi thấy mình chẳng thua kém ai vì tôi còn có mẹ. Vì tôi, mẹ phải vất vả giữa những cái nắng mùa hè, cái lạnh giá của mùa đông...” Đọc đến đây người tôi như chết lặng đi. Ước mơ đôi khi chỉ là thế thôi sao!

Ngày hôm sau, tôi đến lớp sớm hơn mọi khi. Sắp xếp ngăn nắp sách vở vào đúng vị trí của Linh và chờ đợi. Khi tiếng trống điểm lên ba hồi vào lớp mà vẫn chưa

thấy bóng dáng Linh, có lẽ nó lại đi muộn đây! Thoáng suy nghĩ mông lung thì cô giáo tôi bước vào lớp; khuôn mặt cô đượm buồn, rồi cô yêu cầu lớp trật tự để nghe cô thông báo về việc từ ngày mai sĩ số lớp chỉ còn 39. Các bạn trong lớp nhao nhao bàn tán rồi cũng chẳng mấy bận tâm quay về với bài vở của mình.

Tan học, tôi chạy thật nhanh về phía cổng trường, nơi ba tôi đang đứng đợi.

“Ba à! Ba chở con qua nhà bạn Linh chút nghe ba”. Thấy tôi hốt ha hốt hải, khuôn mặt ba cũng lo lắng theo. Rồi ba nhẹ nhàng nói tôi lên xe. Đọc đường, tôi kể lại toàn bộ câu chuyện cho ba nghe trong sự ân hận và xấu hổ. Ban đầu khi nhắc đến tên “Linh” ba tôi rất ngạc nhiên, vì ngày nào trong bữa cơm tôi đều huyền thuyên kể cho ba mẹ nghe về chuyện lớp, chuyện trường, về cái Trang, cái Ngọc hay thằng Phước, thằng Quang mà có bao giờ thấy nhắc tới tên Linh đâu. Nhưng nghe xong câu chuyện, ba tôi đã hiểu ra, ba không mắng tôi mà còn cùng tôi đi hỏi đường tìm đến nhà của Linh.

Đó là một dãy nhà trọ nhỏ ẩm thấp và tối tăm, nơi sống của những người xa xứ hội tụ về đây, hầu hết họ là những người nghèo ở dưới quê lên thành phố bươn chải cho cuộc sống hàng ngày hoặc kiếm tiền gửi về quê cho ba mẹ, con cái...

Thấy hai ba con chúng tôi, một bác gái chạy đến hỏi thăm. Bác nói và chỉ tay về phía căn phòng cuối, bên ngoài cửa đã khoá và có treo tấm bảng đề chữ “Cho thuê phòng trọ”. Căn phòng bé nhỏ đó là nơi mà hai mẹ con Linh sống, họ ở đây đã được hơn tám năm rồi. “Mấy tháng nay mẹ con bé ho suốt đêm, đi bệnh viện lấy thuốc chứ không dám nằm lại đó chắc vì sợ tốn nhiều tiền lệ phí. Tôi thương con bé quá! Mới tí tuổi mà đã bất hạnh, ba mất, mẹ bệnh; sáng đi học, đêm về đẩy xe thay mẹ kiếm tiền. Người thì bé như con nhái chứ có phải to lớn gì đâu. Khổ quá, sức khoẻ như thế cũng chẳng biết đến đâu, chiều qua hai mẹ con trả phòng rồi đi đâu dặt nhau đi đâu hay về quê cũng không biết, chú à!”

Hai ba con tôi lặng lẽ cúi chào và xin phép ra về. Đọc đường ba không nói gì thêm nhưng tôi biết ba đang suy nghĩ về một điều gì đó. Còn tôi, những giọt nước mắt lăn khô khốc trên đôi má, những hình ảnh về cô bạn bé nhỏ, lùi thui đẩy chiếc xe thay mẹ rồi những cái liếc mắt, những lời dè bĩu cứ ám ảnh, day dứt không nguôi.

Buổi tối hôm ấy, tôi trần trọc không ngủ được, chỉ nằm để chực mà nghe bằng được cái âm thanh xào xạc của tiếng chổi tre, cái âm thanh mà đêm nào cũng đi ngang qua ngõ nhà tôi nhưng chưa một lần tôi để ý. Tự trách bản thân mình bao nhiêu, tôi lại thấm biết ơn mẹ con Linh bấy nhiêu, cảm ơn tiếng chổi đêm đã đánh thức những suy nghĩ trong sáng trong tôi, để tôi biết mình sai, và để giúp tôi tìm đến một nơi bình yên cho tâm hồn neo đậu.

Ngày mai thôi, tôi tin rằng nắng sẽ lại trải dài trên những con đường sạch, vì đâu đó đã có những người như mẹ Linh và Linh. Tôi tự hào về họ. ■

Mai anh đào - ngọn lửa thiêng cho Đà Lạt

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Đất trời Đà Lạt luôn được tô điểm bởi muôn sắc hoa. Nếu cuối thu vàng ươm nắng dã quỳ, thì vào cuối đông, đầu xuân rực rỡ mai anh đào. Mai anh đào nở bùng trên không, dọc các đường phố, phô phang sức sống mãnh liệt tươi hồng. Màu hoa như ngọn lửa thiêng, vươn lên không trung nhuộm hồng những luồng gió tê buốt thổi về. Màu lửa ấy có sức quyến rũ mê đắm hồn người, và ẩn chứa trong nó sự lan tỏa mệnh mông, chảy tràn dòng dung nham khí hậu ấm áp. Sự ấm áp đối trị với đông chí và lay động từng giác quan cảm xúc...

Những ngày này, tôi thường vác máy đi lang thang các cung đường, lắng nghe hoa đào nở, và nói với mai anh đào rằng “hạnh phúc có khi chỉ cần nhìn hoa nở là đủ”.

Thật không ngoa, nếu bạn bỏ ra một chút lặng lẽ để “nghe ngóng” hoa đào nở. Cảm giác băng khuôn ấy chỉ thoáng chốc, và chỉ có người thường ngoạn mới hiểu rõ chính mình mà thôi.

Quả vậy, có người đi xa Đà Lạt mấy mươi năm chưa trở về, người ấy không tin hoa anh đào Đà Lạt lại có sức sống mãnh liệt như vậy. Người ấy nói, Đà Lạt không còn xứng với tên gọi thành phố hoa anh đào nữa, bởi theo họ thì “chỉ còn đâu đó một vài gốc mai già tàn tạ, còm cõi, không đủ sức cho một mùa hoa tươi đẹp như xưa...”. Thật tiếc khi người ấy không có cơ hội, hoặc chưa có dịp nhìn thấy hoa anh đào Đà Lạt nhuộm hồng sắc mai phố núi. Với tôi, những lúc lang thang thả hồn

cùng loài cây này, tôi được cái hạnh phúc nhìn thấy cây mai anh đào nào cũng có dáng nghệ sĩ, khi nghiêng xòa trên mặt hồ phả lạnh, khi cong cong bên ngõ trái nhà ai, khi thon thả như một thiếu nữ đứng trước một dinh thự phong rêu. Và nhiều nữa, những dáng dấp nữ tính của phố hoa không thể nói hết được.

Đà Lạt có lẽ là thiên đường cho các loài hoa, cũng là thiên đường cho mai anh đào đua sắc thắm. Nó được nhân lên “rừng hoa” là khi bung nở hết mình trên các đường phố trung tâm và các khuôn viên, biệt thự, công sở. Không những thế, nó còn len lỏi vào tận hang cùng ngõ hẻm của thành phố ngàn hoa, hòa mình vào cuộc sống vất vả của khu dân cư, xóa tan cái giá lạnh của đồng tiền lao động còm cõi. Mai anh đào thành đặc trưng của mọi nhà, mọi người không phân biệt. Các cô cậu tuổi *teen* và khách du thường chọn đường ven bờ hồ Xuân Hương, đường Trần Hưng Đạo, có biệt thự cổ Cadasa để lên hình úp vào Facebook. Người

thăm thú chùa chiền cũng chọn Trúc Lâm thiền viện hoặc các ngôi chùa nổi tiếng khác để bấm máy. Điều đó nhắc nhở với thế giới, rằng mai anh đào vẫn tồn tại và tỏa hương trên xứ sở của Cao nguyên Lâm Viên. Ngọn lửa ấy vẫn cháy, nghĩa là xứ ngàn hoa luôn có sức sống mới, dù xuất xứ của loài hoa này còn đôi chút mơ hồ. Nếu kỹ sư Lương Văn Sáu là người đem cây phượng tím về Đà Lạt trồng vào những năm 1962, thì theo nhà nghiên cứu Nguyễn Thái Hải, một Việt kiều gốc người Đà Lạt, cho biết về xuất xứ của mai anh đào. Theo đó, bố ông là cụ Nguyễn Thái Hiến, người gốc Nghệ An vào định cư ở Đà Lạt từ năm 1927. Cụ Hiến từng giữ chức Giám thị lục lộ, là người trồng cây cảnh trong các khuôn viên, dinh thự. Trong lúc làm việc, cụ phát hiện tại khu rừng gần ấp Tân Lạc có những cây hoa, vừa giống mai, vừa giống đào, cụ đã đem về trồng dọc theo các đường phố trung tâm hành chánh Đà Lạt. Theo các nhà nghiên cứu chuyên môn, Đà Lạt là vùng đất đang sở hữu nhiều giống mai đào, trong đó đặc trưng hơn cả là giống “mai anh đào Đà Lạt”. Lướt trên mạng thì “mai anh đào Đà Lạt (*Prunus Cesacoides*) có thân thuộc giống đào mận (*chi Prunus*), nhưng hoa thì lại thuộc hoa đơn năm cánh giống hoa mai (*chi Cerasus*)”.

Có giả thiết cho rằng mai anh đào là loài cây di thực từ nước ngoài vào. Nhưng người ta vẫn nghiêng về giả thiết khẳng định cây mai anh đào là loài cây bản địa. Do vậy, mai anh đào được gắn với Đà Lạt thành “mai anh đào Đà Lạt”, và đã trở thành thương hiệu duy nhất không thể lẫn với nơi nào khác. Cho nên cái danh “xứ sở hoa mai anh đào” được truyền tụng trong thi ca, nhạc họa vẫn còn nhiều bí ẩn trong câu chuyện của lưu dân khai hoang lập ấp. Theo tìm hiểu các tài liệu thực vật và cuộc di thực của các loài hoa quý từ nước ngoài vào Việt Nam, thì không có tên “mai anh đào”. Từ đó, có thể khẳng định chắc chắn rằng, mai anh đào là cây hoa bản địa của riêng vùng phố núi Đà Lạt mà thôi...

Được phong làm sứ giả mùa xuân ở Đà Lạt thì có nhiều loài hoa nhậm chức như hoa dã quỳ, hoa ban, trong đó có mai anh đào lông lẩy sắc hồng y. Hàng năm, khi cơn mưa cuối mùa dứt hẳn, đất trời chuyển màu hanh hao, mai anh đào trút bỏ chiếc áo màu cỏ úa trên thân, giơ cánh tay vươn trời, khẳng khiu bầu vào mây trắng la đà. Và khi làn heo may bắt chợt thổi buốt manh áo cụ già, là lúc mai anh đào bừng tỉnh giấc ngủ vui mùa đông; để trên những cành nâu, bật nở chùm hoa thao thiết báo hiệu xuân về. Ngắm cảnh mai anh đào bừng nở thật là ấn tượng. Cả phố núi qua một đêm ngái ngủ, bỗng thay sắc hồng y, màu áo ấy khó chìm trong sương mù lãng đãng, mà ngược lại pha sắc sương mù làm nên một màu có sức hút kỳ lạ, nao nức và gây ngất lòng người.

Nhạc sĩ Hoàng Nguyên có lẽ là người “thấu thị” nhất về mai anh đào khi ông viết “Ai lên xứ hoa đào” rằng: “Giờ này nhìn sương khói mà thăm mơ màu hoa trên má ai...”.

Thật vậy, cái màu hoa không chỉ là niềm tự hào của người Đà Lạt, mà còn là những hoài niệm khó phai:

Hôn Đà Lạt, hãy hôn thật đậm

Đừng để phai từng cánh hoa đào...

(thơ NTN)

Trải bao thăng trầm, phế hưng của miền đất lạnh, người dân Đà Lạt không thể nào quên hình ảnh cây mai anh đào nở trong giá rét. Nó là sứ giả, là già làng bản địa, dung hợp hài hòa với không gian “vương quốc” các loài hoa. Và lạ lùng hơn nữa, màu sắc hồng tinh khôi của nó khiến Đà Lạt dịu lành, trong sáng và lãng mạn hơn trong cơn mưa phùn không ướt áo rắc xuống “thành phố buồn” những rung cảm khó quên. Riêng tôi, những lang thang se sắt cùng mai anh đào thật là hạnh phúc.

Chút hạnh phúc nhỏ nhoi với niềm tin về màu lửa thiêng luôn sưởi ấm lên trong tim mỗi người vào mỗi sớm mai lạnh giá... ■





Hỏi Xin được giải thích về Thiện và Ác trong Phật giáo và được giới thiệu một kinh nói về đề tài này.

(Vĩnh Ngh., đường Phan Bội Châu, TP.Huế)

Đáp Thiện và Ác là cặp phạm trù của đạo đức học và dĩ nhiên cũng là của đạo đức học Phật giáo, vì thông thường Thiện và Ác trái nghĩa nhau nên thực ra chỉ cần phân tích ý nghĩa của Thiện thì cũng rõ ý nghĩa của Ác.

Thiện (kusala) là điều tốt, điều hay, nên làm; trong Hán ngữ, Thiện còn có nghĩa là sự khéo léo, giỏi giang, sự ưa thích... Phật giáo còn nói đến Thiện nghiệp, tức kết quả của việc làm điều Thiện. Trong kinh *Tăng Chi Bộ*, chương Ba pháp, Đức Phật dạy: “*Có ba pháp này, này các Tỳ-kheo, không đưa đến hại mình, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai. Thế nào là ba? Thân làm Thiện, miệng nói Thiện, ý nghĩ Thiện*”. Thế Tôn còn nhắc lại ý nghĩa này và dạy thêm về kết quả của việc làm Thiện trong kinh *Giáo giới La-hầu-la*, *Trung Bộ*, số 61: “*Thân nghiệp nào không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thì thân nghiệp ấy là Thiện, đưa đến an lạc, đưa đến quả báo an lạc (...cũng vậy đối với khẩu nghiệp và ý nghiệp...)*”.

Tông Duy thức nêu lên 11 tính chất của tâm, gọi là Thiện tâm sở: Niềm tin (tín), tự hổ thẹn khi mình làm điều xấu (tàm), thẹn với người khác khi mình làm điều xấu (quý), không tham lam (vô tham), không sân hận (vô sân), không si muội (vô si), siêng năng (tinh tấn), thanh thản (khinh an), không phóng đãng (bất phóng dật), bình đẳng, an tịnh (hành xả), không làm hại chúng sanh (bất hại). Các kinh luận còn nêu ra hàng chục loại Thiện khác nhau tùy theo bình diện, quan điểm, chủ thể hành thiện, quá trình tu chứng... cho đến sự khẳng định theo tinh thần Bát-nhã: Thiện và Ác là một, bất nhị (ví dụ *Kinh Duy-ma-cật sở thuyết*). Thực ra, tất cả những gì Đức Phật dạy đều là Thiện, 5 giới, 10 giới của cư sĩ Phật tử, 48 giới của người tu Bồ-tát giới, 250 giới của Tỳ-kheo đều là Thiện pháp. Và, tất cả những gì phù hợp với giáo lý của Đức Phật là Thiện, trái lại là Ác.

Đức Phật dạy Tam độc tham, sân, si nhấn chìm con người trong khổ đau, luân hồi triền miên vậy tham, sân, si là căn bản của Ác pháp và vô tham, vô sân, vô si là căn bản của Thiện pháp. Trong kinh *Tăng nhất A-hàm* Đức Phật dạy: “*Này các Tỳ-kheo, có ba loại bệnh lớn. Thế nào là ba? Đó là tham dục, sân hận và si muội*”. Thế Tôn cũng dạy trong kinh *Tăng chi III*: “*Này các Tỳ-kheo, do nhân tham, sân, si mà sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm. Như vậy, tham là nguyên nhân cho nghiệp ác sanh khởi, sân là nguyên nhân cho nghiệp ác sanh khởi,*

si là nguyên nhân cho nghiệp ác sanh khởi”.

Trong kinh *Phúng tụng*, số 33 *Trường Bộ* và kinh *Chánh tri kiến*, số 9, *Trung Bộ*, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng nhắc lại lời Đức Phật dạy: “*Này chư Hiền, không tham, không sân, không si là căn bản Thiện*”.

Bây giờ chúng ta hãy chọn một kinh nói về Thiện mà có thể xem là giản dị, rõ ràng, phù hợp với quan niệm đạo đức bản thân và đạo đức xã hội. Đó là kinh *Thập thiện nghiệp đạo*. Kinh này bao gồm khá nhiều điều thiện cần làm trong đời này mà Đức Phật đã giảng.

Kinh được giảng tại cung điện của Long vương có sự hiện diện của tám ngàn Tỳ-kheo và ba vạn hai ngàn Đại Bồ-tát. Đức Phật khuyên mọi người hãy tạo nghiệp thiện qua việc làm thiện, sẽ được kết quả tốt đẹp: Phiền não được diệt trừ, trí huệ được sáng suốt mà được giải thoát tối hậu. Đó chính là xa lìa mười nghiệp ác, tức là thực hiện mười nghiệp thiện: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối, không nói hai chiều, không nói lời thô ác, không nói lời thù dục, không tham dục, không giận dữ và không tà kiến. Tùy theo một hay nhiều hay tất cả mười điều thiện này được thực hiện thì sẽ mang lại công năng lớn lao: Thương yêu chúng sanh, không giận dữ, không bị thù oán, được tán thán, không động loạn, được người đời tin phục, thân tâm an tịnh, trí huệ thù thắng, có oai đức lớn, tâm nhu hoà... Mặt khác, người thực hiện mười điều thiện trên thì mang lại lợi ích lớn lao cho chúng sinh: không sợ hãi, được yêu thương che chở, được giải đáp những điều khó khăn, nghi ngờ, được khích lệ làm thiện...

Để dễ dàng thực hiện các nghiệp thiện trên, Đức Phật dạy chúng ta nên thực hành hạnh bố thí. Ngoài ra, đối với những ai có căn bản Phật học, có kinh nghiệm thực hành Phật pháp thì lại càng được hiệu năng trong việc tạo thiện nghiệp. Đó là nên tu tập, phát triển Tứ vô lượng tâm, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo (Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi và Bát chánh đạo).

Không kể đến nghiệp, nghiệp quả, không kể đến một số giáo lý căn bản để thực hành tu tập, mười thiện nghiệp hay Thập thiện nghiệp đạo cũng như rất nhiều điều khác mà Đức Phật khuyên nên thực hiện, thì Thiện - hay tiêu chuẩn đạo đức của Phật giáo - không có gì trái với đạo đức cá nhân, đạo đức xã hội mà một Phật tử hay một người không phải Phật tử nên áp dụng trong cuộc sống hàng ngày.

Bàng Ân



DÂN TÂM

Ngày 07/2/2016 nhằm ngày 29 Tết, mọi nhà rộn rịp lo chuẩn bị cung đón tổ tiên, mừng xuân mới. Tại Câu lạc bộ Văn hóa – Thể dục Thể thao Nguyễn Du, TP.HCM, Tập đoàn Hoa Sen và Báo Công an TP.HCM phối hợp tổ chức chương trình **“Mái ấm gia đình Việt – Xuân Bính Thân”** nhằm chia sẻ tình yêu thương đến với hơn 2.000 em nhỏ có hoàn cảnh đặc biệt tại các mái ấm, nhà mở trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh và các vùng lân cận, đặc biệt năm nay còn có các bạn sinh viên tham dự do không có điều kiện về quê ăn Tết.

Chương trình bao gồm hai hoạt động chính: Hoạt động ngoài trời được tổ chức từ 11g00 – 17g00 tại khuôn viên Câu lạc bộ Văn hóa - Thể dục Thể thao Nguyễn Du và Chương trình nghệ thuật từ 17g00 – 18g30 diễn ra tại nhà thi đấu Câu lạc bộ.

Với hoạt động ngoài trời, các em được tham gia những trò chơi vận động vui nhộn và nhiều trò chơi dân gian bổ ích, lý thú tạo điều kiện cho các em có cơ hội vui chơi và thể hiện khả năng sáng tạo của mình. Bên cạnh các hoạt động vui chơi, Ban tổ chức còn chuẩn bị hơn 4.000 phần ăn uống tại chỗ và phần quà mang về cho các em.

Sau 11 giờ các em nhận quà xong và tập

trung vào rạp Galaxy Nguyễn Du xem phim hoạt hình 3D (miễn phí). Được thưởng thức một bộ phim 3D ở rạp vẫn còn là điều khó khăn và đôi khi là niềm mơ ước của các em có hoàn cảnh đặc biệt. Chứng kiến cảnh các em bước vào rạp với tâm trạng háo hức, lòng tôi cũng thấy vui lây. Hoạt động thiết thực này không chỉ mang đến những giây phút giải trí nhiều niềm vui cho các em nhỏ nhân dịp đầu xuân mà còn góp phần bồi dưỡng tâm hồn cho các em bằng những cảm xúc đẹp đẽ, giàu giá trị nhân văn thông qua mỗi bộ phim.

Vào khoảng 17 giờ tôi trở lại sân khấu Câu lạc bộ thi đấu Nguyễn Du, các em đã tề tựu đông đủ, không còn chỗ trống. Đến tham dự chương trình nghệ thuật đặc sắc với chủ đề **“Vây quanh mùa xuân”** có sự hiện diện của các vị khách quý ở UBND, UBMTTQVN TP.HCM, Báo Công An TP.HCM, ông Lê Phước Vũ, Chủ tịch HĐQT và phu nhân cùng Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Hoa Sen...

Chương trình được dàn dựng rất công phu theo hình thức sân khấu hóa, là sự kết hợp của nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau như ca múa nhạc, nhảy Flash Mob, xiếc, tiểu phẩm Táo quân,... Đặc biệt, chương trình có sự góp mặt của nhiều ca sĩ, nghệ sĩ nổi tiếng như: Phương Mỹ Chi, Noo Phước Thịnh, Phương

Thanh, Thanh Duy, Phương Uyên, Minh Thư, Kyo York, nhóm Mây Trắng, NSUT Phi Điểu, NSUT Hữu Thành,... thiết thực mang đến niềm vui tươi cho các em có hoàn cảnh đặc biệt nhân dịp đầu xuân. Ngoài ra, chương trình còn góp phần lan tỏa những giá trị nhân văn sâu sắc trong cộng đồng; động viên, khích lệ, tạo động lực cho các em viết tiếp những ước mơ của cuộc đời mình. Với ý nghĩa đó, chương trình đã nhận được sự hỗ trợ, đồng hành từ rất nhiều đơn vị tài trợ, bao gồm: Galaxy Nguyễn Du, Công ty CP Thực phẩm Dinh dưỡng NutiFood, Thành phố hướng nghiệp Kizciti, Công ty TNHH Truyền thông Unicom (UNIC), Công ty TNHH TM DVQC Tân Phương Hoàng, Công ty CP Golden Communication Group, Công ty CP Truyền Thông Đa Phương Tien Latsta, Công ty TNHH Truyền thông Sư Tử Trắng, Trung tâm Công tác Xã hội Thanh thiếu niên Việt Nam...

Bằng sự tâm huyết, nỗ lực của Ban tổ chức cùng sự chung tay góp sức của các đơn vị tài trợ và các tình nguyện viên, chương trình **“Mái ấm gia đình Việt”** trong 7 năm qua đã gắn kết yêu thương, kết nối các tấm lòng nhân ái để các em với hoàn cảnh đặc biệt, có được điều kiện đón một mùa xuân ấm áp và hạnh phúc trong sự bảo bọc của xã hội.



Ông Lê Phước Vũ, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Hoa Sen trao quà cho các em



Trò chơi ngoài trời

Ngày xuân tìm về

TỨ ĐỘNG TÂM & THẬP NHẤT TỰ HÌNH ĐỒ CHIM PHƯỢNG HOÀNG

ĐỨC HẠNH

Đối với mỗi người Phật tử trên khắp thế giới, việc hành hương, chiêm bái và dâng lễ tại “Bốn thánh tích thiêng liêng của Phật giáo” (Tứ động tâm) ở Ấn Độ được xem như có nhiều duyên lành và phước báu. Thế nhưng không chỉ riêng Ấn Độ mới có những địa điểm giúp tăng trưởng niềm tin, gia tăng phước huệ và sự tinh tấn như Tứ động tâm, mà tại Việt Nam, một quốc gia có nhiều người theo đạo Phật cũng tồn tại những địa điểm mang giá trị sâu sắc về tâm linh và văn hóa Phật giáo, điển hình như 11 ngôi chùa tạo nên kết nối mang dáng dấp của chim Phượng hoàng, một trong những tiền thân của Đức Như Lai.

Vài nét về Tứ động tâm, cội nguồn của Phật giáo

Tứ động tâm là bốn thánh địa gắn bó chặt chẽ với những cột mốc quan trọng của Đức Phật Thích Ca, bao gồm: Lâm Tì Ni (Lumbini) nơi Phật ra đời, Bồ Đề Đạo Tràng (Bodhgaya) nơi Phật thành đạo (giác ngộ), Lộc Uyển (Sarnath) nơi Phật thuyết pháp lần đầu và Câu Thi Na (Kusinara) nơi Phật nhập Niết-bàn.

Trước tiên phải nói đến Lâm Tì Ni. Tương truyền, sau khi tu tập đắc 10 Ba-la-mật, Đức Phật đã thọ thai vào bụng của hoàng hậu Maya Devi, vợ đức vua Suddhodana của Vương quốc Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavattu). Vào một đêm trăng tròn năm 623 trước Công nguyên, khi đi ngang qua khu vườn Lâm Tì Ni, hoàng hậu đã bất ngờ hạ sinh thái tử. Đúng lúc ấy, một luồng đại hào quang tỏa sáng như báo tin lành về sự đản sinh của vị Phật tương lai, trong khi thái tử đi 7 bước chân về phía Bắc và tuyên bố về lần tái sinh cuối cùng của mình.

Kế đó là Bồ Đề Đạo Tràng, một nơi luôn đi liền với hình ảnh của cây bồ-đề mà thái tử Tất Đạt Đa Cổ Đàm đã ngồi nhập định, chuyển sâu thiền quán và giác ngộ tối thượng sau 49 ngày đêm

ngồi xếp chéo chân hoa sen, mặt quay về hướng Đông. Trong đêm cuối cùng, vào canh một, Ngài chứng được “Túc Mạng Minh”, tức là biết rõ tất cả hằng hà sa số các kiếp trong quá khứ của mình. Vào canh hai (nửa đêm), Ngài chứng được “Thiên Nhân Minh”, nghĩa là thấy được xuyên suốt bản thể vũ trụ trong mối quan hệ chằng chịt của các hiện tượng, cũng như quá khứ, hiện tại và tương lai của vạn vật. Đến canh ba, Ngài chứng đạt “Lậu Tận Minh”, đồng nghĩa với việc thấu rõ tường tận nguyên nhân khổ hạnh và con đường kết thúc sinh tử.

Tiếp nữa là khu vườn Lộc Uyển, nơi Đức Phật dừng chân sau khi đắc đạo để khai giảng bài thuyết pháp đầu tiên là *Kinh Chuyển Pháp Luân* cho 5 người anh em đã từng cùng Ngài thực hành pháp tu khổ hạnh (tu hành xác) trong 6 năm ròng rã ở một hang động vắng vẻ trên đồi Dhongra. Chính tại nơi đây, sau khi nghe Phật thuyết giảng *Kinh Vô Ngã Tướng*, họ đều thành tựu với chứng quả vị A-la-hán.

Sau hết, không thể bỏ qua Câu Thi Na, địa danh nằm trong ngôi làng Kasia và gắn liền với sự kiện Đức Phật từ giả trần gian, hay nói cách khác là nhập Niết-bàn. Khi trút hơi thở cuối cùng, thân xác của Đức Phật được ngài Ma-ha-ca-diếp, một trong mười đệ tử quan trọng nhất của Đức Phật (thập đại đệ tử) đành lễ rỗi thực hiện nghi thức hỏa thiêu (lễ trà tỳ) và kết quả là 84.000 viên xá-lợi (phần kết tinh của nhục cốt, nhìn giống như viên đá quý) đủ màu sắc xuất hiện, bao gồm xá-lợi não, máu, xương,...

Viếng thập nhất tự, hành trình vừa quen nhưng cũng vừa lạ

Ở Việt Nam, rất đông Phật tử thường có thói quen viếng thập cảnh tự (viếng thăm 10 chùa trong một chuyến đi duy nhất) vào mùa xuân (sau Tết Nguyên đán), lễ Phật-đản hoặc lễ Vu-lan để mong thân tâm được an lạc, hoan hỷ và nhận được trợ duyên, gia hộ từ chư Phật. Tuy nhiên, khác với cách viếng thập cảnh tự như hiện nay (các chùa đều tập trung trên một khu vực địa lý nhất định, ví dụ như tỉnh Lâm Đồng, Huế, hoặc Bà Rịa-Vũng Tàu); Hành trình đi đến 11 ngôi chùa được đề cập ở bài viết này lại trải dài từ Bắc đến Nam với 10 tỉnh – thành khác nhau và chứa đựng nhiều giá trị rất riêng, ví dụ như giá trị trở về nguồn cội Phật giáo Việt Nam, giá trị gắn với những bậc chân tu nổi tiếng nhất Việt Nam...

- **Chùa Tam Thanh (Lạng Sơn):** nằm bên trong hang động tĩnh mịch và đẹp kỳ thú với vô số nhũ đá do thiên nhiên tạo tác. Chùa có một di sản nổi tiếng là bức tượng A Di Đà, tạc nổi vào vách đá từ thế kỷ XV.

- **Chùa Tây Thiên (Vĩnh Phúc):** ngôi chùa cổ nhất thuộc đại danh lam thắng cảnh Tây Thiên và là nơi phát tích sớm nhất của Phật giáo Việt Nam. Chùa nằm bên sườn Thạch Bàn, một trong ba ngọn núi của dãy Tam Đảo kỳ vĩ và nhô cao trên biển mây.

- **Chùa Hoa Yên (Quảng Ninh):** có quy mô lớn nhất và đẹp nhất trong những chùa trên núi Yên Tử nên còn gọi là chùa Cả, đồng thời nằm ngay vị trí đắc địa (giao giữa trục linh và trục tú). Chính tại đây, Đức Phật-hoàng Trần Nhân Tông đã sáng lập ra Thiền phái Trúc Lâm.



Hình đồ Phượng Hoàng từ 11 ngôi chùa (Thập nhất tự).

- **Chùa Phật Tích (Bắc Ninh):** được xây dựng từ năm 1507 và còn có tên chùa Vạn Phước. Trong chùa có một bảo vật quốc gia là tượng A Di Đà bằng đá xanh từ thời Lý. Chùa nhận được nhiều sự quan tâm tu tạo của các vua thời Lý, Trần, Lê như Lý Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Lê Hy Tông,...

- **Chùa Côn Sơn (Hải Dương):** được mang danh là Thiên Tư Phúc Tự (chùa được Trời ban phước lành) do nằm ngay dưới núi Kỳ Lân và tiếp giáp với núi Phượng Hoàng, Quy và Ngũ nhạc. Chùa có giếng Ngọc trong vắt và không lúc nào vơi, được xem như báu vật.

- **Chùa Non Nước (Hà Nội):** với hơn 1.000 năm tuổi, đây là một trong những ngôi chùa cổ nhất Việt Nam. Vị thế của chùa rất độc đáo khi nằm ở vị trí chính giữa của dãy núi hình vòng cung gồm 9 ngọn núi châu vào.

- **Chùa Viên Đình (Hà Nội):** ở gian chánh điện là hơn 30 bảo tháp chứa xá-lợi Phật và chư vị cao tăng, do các trung tâm Phật giáo lớn trên thế giới như Thái Lan, Myanmar, Ấn Độ, Nepal, Sri Lanka hiến cúng. Số lượng xá-lợi Phật ở chùa Viên Đình là nhiều nhất ở Việt Nam.

- **Chùa Bái Đính (Ninh Bình):** một loạt kỷ lục về Phật giáo ở Đông Nam Á và châu Á đang do chùa nắm giữ như tượng Phật Thích Ca bằng đồng dát vàng lớn nhất châu Á, hành lang La-hán dài nhất châu Á... đã khiến chùa trở thành nơi thu hút rất đông khách thập phương.

- **Chùa Linh Ứng (Đà Nẵng):** chùa có tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm cao nhất Việt Nam. Người ta từng ghi nhận và chụp được những bức ảnh về hiện tượng vòng tròn tỏa hào quang xuất hiện trên bầu trời, ngay vị trí của tôn tượng vào năm 2008, 2009.

- **Thiền viện Trúc Lâm (Lâm Đồng):** thiền viện lớn nhất Việt Nam với những đường nét chạm khắc tinh xảo. Ngay trước thiền viện là hồ Tuyền Lâm, vốn được ví như hồ ngọc giữa rừng thông.

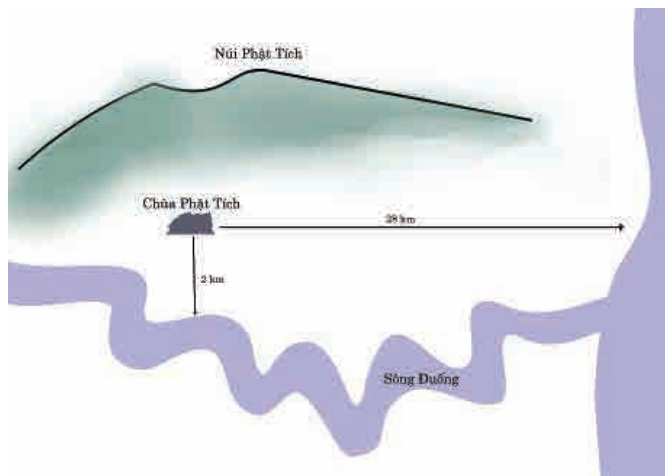
- **Chùa Giác Lâm (TP.HCM):** một trong những ngôi chùa cổ nhất ở đất Sài Gòn – Gia Định, và là trung tâm đào tạo về kinh điển, giới luật cho chư Tăng đầu tiên tại xứ Nam Bộ. Hiện chùa còn lưu giữ nhiều hiện vật quý như 113 pho tượng cổ.

Sự tôn quý về giá trị tâm linh của “Thập nhất tự Việt Nam”

Nghe có vẻ như kỳ lạ, nhưng sự thật, khi phân tích, chúng ta sẽ nhận ra một số giá trị tâm linh cao quý đồng cốt lõi giữa một bên là Tứ động tâm tại Ấn Độ, và một bên là Thập nhất tự ở Việt Nam.

Thứ nhất, đó là sự “**tập hợp những vùng đất mang phước lành/linh thiêng**”. Quả vậy, nhìn vào lịch sử, không khó để nhận ra những nơi mà Đức Phật Thích Ca được sinh ra, giác ngộ, truyền bá đạo pháp và diệt độ đều rất tinh cờ. Thế nhưng, về bản chất, sự “hữu duyên” ấy chắc chắn không phải không có nguyên nhân, mà ắt hẳn phải hàm chứa một duyên lành lớn nào đấy, cũng tức là các thánh tích trên tự thân đã có linh khí, nhờ vậy mới trở thành nơi Đức Phật chào đời, tu thành Đạo, thuyết giảng và nhập cõi Niết-bàn. Trong khi ấy, những nơi tọa lạc của hầu hết các chùa trong Thập nhất tự tại Việt Nam đều gắn với các hình đồ phong thủy đẹp, một yếu tố vô cùng quan trọng của văn hóa Á Đông (nơi nào phong thủy đắc cách, nơi ấy được xem như tụ khí thiêng cuộn cuộn). Có thể kể đến những hình đồ phong thủy quý hiếm như *Long Giác Hồ Thăng* (chùa Hoa Yên), *Mảnh Hồ Trục Quần Dương* (thiền viện Trúc Lâm), *Long Mã Lưu Tích* (chùa Phật Tích), *Tiên Lâm Đằng Long* (chùa Linh Ứng), *Hoàng Long Ngự Thủy* (chùa Tam Thanh), *Thanh Long Bãi Vĩ* (chùa Bái Đính), *Quần Long Hội Âm* (chùa Tây Thiên),...

Thứ hai, đó là sự “**tập hợp những giá trị đặc sắc, hiếm có về**



Long Mã Lưu Tích Mạch Đổ, một hình đồ phong thủy đẹp quanh chùa Phật Tích.

tâm linh và văn hóa Phật giáo”. Nếu như quá trình viếng thăm Tứ động tâm đem đến các trải nghiệm thú vị với rất nhiều di tích gồm đền thờ, bảo tháp,... thì hành trình thăm viếng Thập nhất tự cũng gợi mở và đem lại cho người Phật tử nhiều hiểu biết và cảm xúc đặc biệt thông qua những bức tượng, cảnh trí và di chỉ cổ có niên đại từ hàng trăm đến hàng ngàn năm.

Thứ ba, đó là sự “**tập hợp có tính hệ thống về sự kết nối mang hình tượng của Đức Như Lai**”. Thực vậy, chuyến hành hương đến Tứ động tâm là sự tìm về những vùng đất nổi bật nhất, đồng hành cùng cuộc sống của Đức Phật, theo đúng chu trình của một con người (chào đời, lớn lên phát triển sự nghiệp vĩ đại và chết). Nói cách khác, hình tượng của Tứ động tâm là “bức tranh tổng thể về một người cao quý nhất thế gian và không còn chịu cảnh tái sinh” (trích phát biểu của Đức Phật ngay khi vừa được sinh hạ). Trong lúc đó, toàn thể vị trí (khi thể hiện trên bản đồ tọa độ) 11 ngôi chùa của Thập nhất tự lại cấu thành hình tượng chim Phượng Hoàng/Phụng Hoàng, một loài chim cao quý nhất giữa Trời Đất (vua của các loài chim) và được xếp vào Tứ linh trong văn hóa phương Đông (Long – Lân – Quy – Phụng), với đầu chim là chùa Tam Thanh, hai cánh gồm chùa Tây Thiên, Non Nước, Hoa Yên, Côn Sơn, thân chim gồm chùa Phật Tích, Viên Đình, Bái Đính, còn đuôi chim tỏa dài qua chùa Linh Ứng, Trúc Lâm và Giác Lâm. Mặt khác, Phượng Hoàng chính là một trong những tiền kiếp của Đức Như Lai như đã từng được đề cập trong tích truyện về chuyện tiền thân của Đức Phật Thích Câu Mâu Ni do ngài Tôn giả A Nan kể lại.

Thay lời kết

Hành hương đến những nơi linh thiêng của Phật giáo là một tâm nguyện chính đáng của tất cả Phật tử. Nếu như về miền đất Phật (chiêm bái Tứ động tâm) giúp người Phật tử thỏa mãn khát vọng được về thăm và đánh lễ ở những nơi quan trọng nhất trong cuộc đời Đức Phật, thì chuyến đi qua Thập nhất tự (hành trình chim Phượng Hoàng) lại kết tinh được vô số giá trị của Phật giáo Việt Nam và thu nhận năng lượng tâm linh dào dạt từ chư Phật. Như sự hội đủ duyên lành, khi xếp các chữ đầu tiên của các chùa trong Thập nhất tự, ta sẽ nhận được một “câu thơ” vô cùng ý nghĩa:

**Non Linh Tam Bái Phật,
Tây Trúc Côn Hoa Viên.
GIÁC!**

* Câu thơ trên được diễn ý như sau: lên núi cao linh thiêng để 3 lần bái Phật, rồi nghỉ đến núi, vườn hoa ở Tây Trúc (đất Phật) mà mong được giác ngộ.



Tôn vinh Anh hùng Lao động thời kỳ Đổi mới ĐÌNH VĂN VUI

Bài & ảnh: NGUYỄN BÔNG

Cúng tôi nhận được tin vui: Ông Đình Văn Vui, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Suối Tiên vừa được Chủ tịch nước Trương Tấn Sang trao tặng danh hiệu cao quý: **“Anh hùng Lao động thời kỳ Đổi mới”**. Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng kính chúc mừng ông.

Vào năm 2003, tôi hữu duyên gặp anh qua buổi trao đổi công tác hỗ trợ phát triển báo SGGP đến độc giả là du khách của Khu Du lịch Văn hóa Suối Tiên do Ban Quản trị Tài chính Thành ủy chủ trì... Trong giao tiếp, anh em thường quen gọi ông Đình Văn Vui một cách thân thương là anh Ba Vui; từ giọng nói nhẹ nhàng và khuôn mặt phúc hậu của con nhà Phật, nhìn bề ngoài có vẻ nho nhã, thư sinh, chân chất và bình dị nhưng anh Ba Vui rất quyết chí và làm bằng được, không

chịu bó tay trong mọi công việc khó khăn như anh đã khẳng định: *“Trong đầu tui không có chữ - thất bại - mà chỉ là chưa thành công do chủ quan, chưa gắng hết sức hoặc chưa đúng thời điểm”*

Nhìn lại chặng đường 20 năm hình thành và phát triển của Tập đoàn Suối Tiên trong xây dựng, sáng tạo và phát triển vượt bậc, thật là phi thường, sự lớn mạnh được ví như Thánh Gióng. Vào năm 1987, anh Ba Vui cùng người em trai và năm cộng sự là người cùng quê Kế Sách, Sóc Trăng đến khởi nghiệp từ mảnh đất hoang hóa rộng 6.600m² ở địa phận Thủ Đức, nay là quận 9, TP.HCM. Ban đầu, chỉ là một trại nuôi trăn nhỏ rồi các năm kế tiếp được tổ chức theo mô hình lâm trại chăn nuôi công nghiệp xuất khẩu, có cả các loài thú quý hiếm và trồng các loại cây ăn trái. Trong hai năm 1989 - 1990, lâm trại

đã sản xuất gỗ xẻ xuất khẩu, sau đó sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ cao cấp được khách hàng trong và ngoài nước ưa chuộng. Sau khi được tổ chức CITES thế giới chấp thuận, anh Ba Vui đã triển khai mở rộng nuôi và xuất khẩu trăn cùng với các loài động vật bò sát khác, có lúc chuồng trăn lên đến 10.000 con, nên bà con địa phương thường gọi vui Suối Tiên là trại Trăn. Tuy thành công với mô hình trang trại nhưng mơ ước bay cao, vươn tới để xây dựng vùng đất Suối Tiên thành khu du lịch tầm cỡ - đó mới là mục tiêu tối thượng của anh Ba Vui hằng mong đợi. Thời gian này đất nước đang chuyển dần từ nền kinh tế bao cấp sang kinh tế thị trường, các Khu du lịch Kỳ Hòa, Đầm Sen bắt đầu trở nên nổi tiếng với các điểm vui chơi giải trí; do đó, càng thôi thúc anh Ba Vui nung nấu quyết tâm biến niềm mơ



ước của mình thành hiện thực.

Đầu năm 1992, trong bối cảnh kinh tế - xã hội TP.HCM có nhiều khởi sắc, nhu cầu đời sống vật chất và tinh thần đòi hỏi cần được nâng cao - nhận định đây là cơ hội có một không hai cho việc hình thành một khu du lịch tầm cỡ để phục vụ đời sống văn hóa tinh thần cho bà con và cũng phù hợp với chủ trương của lãnh đạo TP.HCM, anh Ba Vui đã mạnh dạn trình lên UBND và Thành ủy **Dự án xây dựng Khu Du lịch Văn hóa Suối Tiên**, và được cấp trên phê duyệt thực hiện. Triển khai dự án đều nhờ vào trí tuệ, bản lĩnh lãnh đạo và nguồn vốn tự có đáp ứng cùng với cái *"tâm"* của anh Ba Vui và tập thể CBCNV - nhờ vậy các hạng mục công trình kiến tạo lần lượt mọc lên. Biển dòng suối huyền thoại trở thành một dòng Suối Tiên thật sự và sau gần 3 năm làm việc khẩn trương, khổ nhọc, lao tâm, lao trí, niềm vui vỡ òa từ anh Ba Vui và tập thể CBCNV: Vào sáng ngày 2-9-1995, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 50 Quốc khánh nước ta - **Khu Du lịch Văn hóa Suối Tiên (KDLVHST)** mở cửa đón du khách từ mọi miền đất nước đến tham quan những công trình đồ sộ như Rồng dài 400m, biểu tượng uy nghi, hùng dũng, mở đầu giai đoạn **"hóa Rồng"** tại miền đất tứ linh Suối Tiên; Đồi Âu Cơ, Bàn chân Giao Chỉ, Hồ Long Quy Ẩn Thủy, tượng đài Vua Hùng, cầu Tứ Linh, cầu

Kiều, cầu Ô Thước, v.v... Và các khu vui chơi giải trí đặc biệt được nâng dần theo hướng hiện đại hóa như: Ốc đảo xanh Suối Tiên, Khu trò chơi vận động Teambuilding Suối Tiên; các trò chơi đặc sắc như: Xe vượt địa hình, Tàu lượn siêu tốc, Cối xay thần gió cùng với công nghệ chiếu hiện đại không gian nổi *ba chiều*, hiệu ứng ghế chuyển động của *phim 4D*, cảm nhận cả thế giới đến sau lưng ta qua công nghệ *phim 8D*, trải nghiệm cảm giác mạnh của công nghệ *phim 9D*... cùng sự êm dịu, thư giãn qua làn nước mát của biển Tiên đồng Ngọc nữ được phục vụ cho mọi lứa tuổi và tùy theo sở thích; cùng với nét đẹp sâu sắc thu hút và gợi nhớ về cội nguồn dân tộc Việt qua tích con Rồng cháu Tiên, tham dự lễ hội trái cây và được tạo duyên cho du khách cúng dường hàng ngàn chư Tăng Ni ở Long Hoa Thiên Bảo và dùng cơm chay miễn phí vào dịp Vu lan. Trong không gian lắng đọng, du khách được nghe tiếng kinh kệ và tùy duyên tham bái tôn tượng Đức Phật, chư vị Bồ-tát và Địa Mẫu cùng các cảnh nhơn quả báo ứng ở thập điện Diêm đài... trợ duyên cho du khách hướng về nẻo thiện lành và thân tâm an lạc...

Từ chặng đường ban đầu khai phá vô cùng gian khó cho đến khi phát triển thành danh, anh Ba Vui thường xuyên chỉ đạo, điều hành công việc một cách chủ động, chính xác, sáng

tạo, lô-gích cho từng vấn đề cũng như dám nghĩ dám làm và dám chịu trách nhiệm; đồng cam cộng khổ với thuộc cấp, thông cảm và chia sẻ những khó khăn của anh chị em CBCNV - thiết thực tạo nên một sức mạnh tổng lực cho Suối Tiên. Với định hướng ban đầu và quyết tâm cao xây dựng KDLVHST trở thành một khu du lịch có tầm vóc quốc gia và quốc tế theo một phong cách rất riêng của Suối Tiên với những trọng tâm như là *khu du lịch vui chơi giải trí hiện đại, giá trị văn hóa dân tộc và giá trị văn hóa tâm linh được tôn vinh cùng với bốn mùa lễ hội*. Chính nhờ vậy mà các công trình được tạo dựng đã đạt về qui mô, độc đáo, khơi gợi cho du khách cảm nhận và lưu luyến sau khi rời nơi đây, giúp họ được thư giãn và thoải mái, tăng thêm tình yêu thương quê hương đất tổ, dạt dào niềm tự hào dân tộc, biết nhận thức san sẻ yêu thương và hoan hỷ cho nhau...

Qua báo đài trong nước và nước ngoài đã phong tặng anh Ba Vui danh hiệu: *"Ông Vua của ngành công nghiệp giải trí"* và trong một lần đến thăm KDLVHST, cố Tổng Bí thư Đảng Nguyễn Văn Linh đã viết vào sổ vàng lưu bút những lời khen tặng: *"Một khu du lịch mang tính chất văn hóa, lịch sử Việt Nam: Con Rồng, cháu Tiên. Đến đây vừa hưởng vui chơi thoải mái, vừa nhớ lại lịch sử đất nước Việt Nam. Ai nấy đều nhớ lại mình là con Rồng, cháu Tiên. Đồng chí Vui tạo cảnh vui cho đồng bào, đồng chí, rất hoan nghênh"*. Cố Đại tướng Võ Nguyên Giáp, cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt và bà Nguyễn Thị Bình, nguyên Phó Chủ tịch nước cùng với các đồng chí lãnh đạo Trung ương và TP.HCM đã từng đến thăm KDLVHST và viết lên những lời bình và khen tặng KDLVHST.

Đến nay KDLVHST đã mở rộng 105 héc-ta tại Q.9 và phát triển thêm Khu du lịch Sơn Thái Sơn Tiên, rộng 400 héc-ta tại Đồng Nai và khu cao ốc thương mại phức hợp Suối Tiên Plaza, rộng 3,4 héc-ta tại Tân Cảng, Q.Bình Thạnh. Trong buổi lễ tôn vinh anh Ba Vui tại quê nhà Kế Sách, Sóc Trăng, vị lãnh đạo đã phát biểu: *"... Suối Tiên mới ngày nào như cô gái quê mùa bồng chốc thành nữ hoàng nhan sắc, ngày càng lộng lẫy, chính những kỳ tích (tạo lập và xây dựng nên những công trình du lịch văn hóa dân tộc, tâm linh và du lịch giải trí đặc sắc ngang tầm quốc tế) đã tạo nên **"Anh hùng Lao động thời kỳ Đổi mới - Đinh Văn Vui"***.

Đầu năm không dứt Doanh Nhân

Thực hiện: **PHÁP TUỆ - TÂM CAO**

Nhân dịp đầu xuân Bính Thân - 2016, chúng tôi có duyên đến xông đất quý doanh nhân có mối quan hệ thân thiết với báo qua việc góp ý xây dựng, ủng hộ phát hành và trợ duyên quảng cáo... đã thiết thực góp phần cho sự phát triển của báo trong năm qua. Chúng tôi xin chân thành tri ân mỗi thâm tình này và qua tiếp xúc với một số vị đã trải lòng về nhiều vấn đề liên quan ngành nghề; chúng tôi xin phép lược đăng để chia sẻ cùng bạn đọc gần xa.



Bà TRẦN THỊ YẾN NGÀ
Giám đốc
Công ty CPSX Trà Hùng Phát

Lời chúc đầu Xuân, đại diện cho công ty CP SX Trà Hùng Phát, tôi xin gửi lời chúc sức khỏe, bình an và hạnh phúc đến chư tôn thiện đức Tăng Ni, Ban Biên tập, quý độc giả của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo.

Một năm đã trôi qua với nhiều những đổi thay của đất trời, dưới góc độ của một doanh nghiệp, chúng tôi nhìn lại kết quả của năm 2015 bằng những dòng sản phẩm đã giữ vững được niềm tin của người tiêu dùng như sản phẩm hỗ trợ giảm cân Trà Tam Diệp Thế Hệ 2, đặc biệt phải kể đến dòng sản phẩm bổ sung dinh dưỡng được nghiên cứu dành riêng cho người ăn chay là Bột hòa tan Bồ Đề.

Với những thành quả đã có được, chính là sự thương yêu và tin tưởng mà quý độc giả, quý khách hàng đã dành cho Hùng Phát trong suốt 30 năm qua, chúng tôi xin hứa sẽ luôn nỗ lực để tạo thêm nhiều dòng sản phẩm mới, những sản phẩm xanh - sạch - đặt chất lượng cao gửi đến người tiêu dùng.

Một lần nữa xin được gửi lời tri ân, lời chúc vạn sự cát tường đến quý vị!

Nghệ nhân NGUYỄN ĐỨC THÌN
Công ty Khắc đá Mỹ Hào
225B, Thiên Bình, Tam Phước, BH

Trong năm qua, nhờ hồng ân Tam bảo gia hộ, Công ty chúng tôi đã chế tác được nhiều tôn tượng Đức Phật, Bồ-tát Quán Thế Âm, Thập-bát La-hán... các tôn tượng được chư tôn thiện đức thỉnh về tôn trí ở các chùa tịnh lân cận thành phố HCM và miền Trung.

Trong công việc, anh em nghệ nhân luôn toàn tâm toàn ý và chú trọng điều khắc những tôn tượng quý tòa sáng từ ánh mắt từ bi và trí tuệ của Đức Phật, Bồ-tát cho đến hình dáng, giúp cho khách thập phương khi đối trước tôn tượng sinh lòng tôn quý và phát tâm tu học. Tôn tượng của công ty chúng tôi điều khắc chủ yếu là tượng lộ thiên. Ngoài ra còn thực hiện: tượng đài, cổng tam quan, lăng mộ, tượng nghệ thuật, tranh phù điêu và các linh vật... Trước đây, công ty chúng tôi đã có duyên chế tác hai ông Lân nặng gần 4 tấn, các bạn thợ có thiện duyên tham gia điêu khắc ròng rã 4 năm mới xong, hiện đang được tôn trí ở chùa Pháp Vân (Q.Tân Phú). Ngoài giá trị tâm linh do hai ông Lân đem lại may mắn cho khách hành hương, còn có giá trị nghệ thuật cao được Trung tâm Kỹ Lục VN xác lập kỷ lục. Đạt được thành quả trên, nghệ nhân Đức Thìn và anh em bạn thợ luôn đặt chữ "Tâm" trong từng nếp nghĩ và đường nét điêu khắc tinh xảo, tuyệt đẹp với dáng nét thuần Việt...

Công ty Khắc đá Mỹ Hào vô cùng biết ơn chư tôn thiện đức Tăng Ni, quý Phật tử, quý khách hàng đã dành sự tin yêu qua việc góp ý, đặt tượng trong năm qua. Ước mong trong năm mới vẫn dành trọn tình cảm yêu thương nhằm tạo duyên cho công ty chúng tôi đóng góp nhiều tôn tượng đến mọi miền đất nước và hải ngoại.



Nhà thư pháp CHÍNH TRUNG
79 Nguyễn Du, P.7, Q.Gò Vấp, TP.HCM



TÂM THƯ PHÁP là bộ môn nghệ thuật đỉnh cao. Nó giúp cho Tâm người xem đạt được trạng thái yên bình. Đối với người sáng tác, Tâm thư pháp giúp tiếp cận với pháp Thiền Phật giáo.

Thực hành bộ môn Tâm thư pháp (sáng tác hoặc thưởng thức) giúp chủ thể có cuộc sống tự tại, thông dong, thanh thoát, giữa cuộc đời tất bật, bon chen này.

Nhân đầu năm Bính Thân 2016, Chính Trung kính chúc quý đạo hữu, các bạn đọc xa gần một năm mới an lạc, cát tường như ý.





**MỸ NGHỆ TRẨM HƯƠNG
TRƯỜNG KHA**
168-172 Nguyễn Chí Thanh,
P.3, Q.10

Luôn có một con đường

Hai năm trước, trong cái nắng nhạt chiều ba mươi Tết, người đàn ông gầy còm trên chiếc xe đạp cũ, bước vội vào mua nén hương trầm, rời khỏi ngạch cửa, nán lại, ánh mắt nhìn xa xăm... vô định! Biết có người để mắt nhìn theo, ngại ngùng ông bật bạch: *"Mỗi lần xuân về, tôi nhớ đồng đội quay quắt, ra đi cả rồi, còn một mình cứ thấy lạc lõng, chơ vơ!"*, vài lời chia sẻ, biết giờ ông sống với người mẹ già, cảnh nghèo cứ dai dẳng.

Năm sau, ông ghé lại thỉnh cây đèn dầu, mới hay điểm tựa duy nhất - bà cụ ông đã qua đời - chỉ kịp khuyên ông nhanh đến gần hơn với cửa Phật. Thình thoảng, ông lại tìm tôi để đàm đạo về triết lý nhân sinh cùng Phật pháp, không quên thỉnh hương về dâng mẹ.

Mùng hai Tết năm nay, ông đến tìm tôi, vài câu chúc an lành gửi tặng, rồi lặng lẽ ra về. Mong ước được gửi ông chút quà mọn của tôi cũng đã thành.

Sáng nay, cầm trên tay hộp bút ngà màu gửi tặng tôi, khoe mắt ông xốn xang như thay lời cảm ơn vì giờ ông không còn thấy đơn độc, ánh sáng của Phật pháp dẫn lối, ông đã tìm được con đường nhẹ nhàng cho riêng mình!



Ông NGUYỄN NGỌC TUẤN
Giám đốc
Công ty Cổ phần 7P

Mùa xuân Bính Thân 2016, nhà Song Hỷ Trà đã bước sang tuổi 12. Vẫn kiên trì theo đuổi mục tiêu từ những ngày đầu: *Chỉ làm ra sản phẩm tốt nhất. Dù cho thời gian và vật giá có thay đổi chúng tôi vẫn giữ đúng chất lượng.*

Những vị khách hàng từ những ngày đầu tiên và các khách hàng truyền thống là nguồn động viên tiếp thêm sức mạnh cho chúng tôi, chúng tôi xin được gửi lời cảm ơn trân trọng và chân thành nhất tới tất cả và đặc biệt là: Vietcombank CN Tân Bình, Techcombank, Công ty Dịch vụ Lữ hành Saigontourist, Nem Fashion, Công ty ALP, Công ty Xây dựng 14 - 9.

Xin trân trọng và chân thành cảm ơn các đơn vị truyền thông: Báo Giác Ngộ, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, Báo Doanh Nhân, Tạp chí Phong cách Doanh Nhân, Đài Truyền hình VTV... đã truyền tải thông điệp của nhà Song Hỷ Trà tới khách hàng gần xa.

Trước thềm năm mới, gia đình nhà Song Hỷ Trà kính chúc quý khách hàng, quý trà hữu gần xa và các cơ quan đơn vị đã đồng hành cùng với chúng tôi trong suốt 12 năm qua và trong các năm tiếp sau được *sức khỏe, hạnh phúc và thành công.*

Hãy chung sức cùng chúng tôi xây dựng Song Hỷ Trà ngày càng tiến xa hơn nữa và ở lại trong lòng người Việt.



**Ông LÊ LÃNH, Quản lý
Nhà hàng Chay Việt An**

Nhân đầu năm mới, Nhà hàng chay Việt An trân trọng gửi lời kính chúc chư tôn thiện đức, quý thực khách gần xa thân tâm an lạc, vạn sự như ý.

Trong năm qua, nhà hàng ngày càng phát triển nhờ quý vị đã tin yêu và ủng hộ, chúng tôi vô cùng biết ơn. Để đền đáp lại tấm thịnh tình của quý vị, nhà hàng luôn tâm niệm phục vụ ngày càng tốt hơn trong

việc chế biến thức ăn cùng với những món mới, mang nét riêng của Việt An lấy từ nguồn chủ yếu những rau củ quả được cung cấp sạch để mang lại những món chay thuần Việt, không pha trộn thực phẩm ngoại, ăn ngon miệng vừa phải đảm bảo sức khỏe cho quý vị...

Với tâm từ được trưởng dưỡng qua việc dùng chay, vừa thanh lọc bản thể vừa giữ gìn sức khỏe, công tác tốt, tinh tấn trên bước đường học Phật... của quý vị; đó cũng là niềm mong ước và cầu chúc tốt lành đầu năm của Việt An.

**Nghệ nhân
NGUYỄN HỮU THẠO**
Cơ sở điêu khắc gỗ
Thiên Phú Thạo



Thời gian qua Cơ sở Thiên Phú Thạo hội đủ duyên lành cung đón chư tôn thiện đức Tăng Ni đến tham quan, đặt tượng từ những pho tượng trung và tượng đại (cao từ 3 - 4m) của Đức Phật và chư vị Bồ-tát Quan Thế Âm, Văn Thù Sư Lợi, Phổ Hiền, Di Lặc, Thập bát La-hán, ông Tiêu và Hộ pháp... đến tôn trí ở các thiền viện, tịnh xá, chùa.

Thưa chư vị, mỗi khi điêu khắc một pho tượng, chúng tôi luôn cung thỉnh chư tôn thiện đức Tăng Ni đặt tượng chứng minh, từ khi tượng còn là một khối gỗ và nghệ nhân Hữu Thạo chay tịnh, tập trung tư tưởng về hình dáng từ bản vẽ (là cơ sở chuyên điêu khắc gỗ truyền thần) và *"thổi hồn vào tượng"* trên từng đường nét, dáng đứng, dáng ngồi, thiền tọa hay khi Đức Phật cầm bông sen hoặc tà áo của Bồ tát Quán Thế Âm, v.v... Nhờ vậy, nên khi tôn tượng được hoàn thành, chiều cảm được lòng người chiêm bái dễ phát tâm hoan hỷ, thân tâm an tịnh. Nếu so sánh với tượng cùng kích cỡ và cùng loại gỗ điêu khắc ở nước ngoài, tôn tượng điêu khắc của chúng tôi vẫn đạt về giá trị nghệ thuật, nét đẹp thuần Việt cũng như đảm bảo thời gian, giá thành tương đối, chịu trách nhiệm bảo trì vô thời hạn các pho tượng và không tốn phí chuyên chở xa, thuận lợi cho chư vị chăm sóc góp ý (nếu cần).

Xuất phát từ mỗi thiện tâm trong từng nếp nghĩ và sáng tạo, nghệ nhân Hữu Thạo luôn mong muốn mang lại điều thiện lành *"tốt đạo, đẹp đời"* và đào tạo lớp nghệ nhân trẻ kế tục lâu dài. Duyên khởi Hữu Thạo về làm từ thiện ở Cà Mau, đến Trung tâm Bác ái Cà Mau, cảm thương các em tật nguyền có hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống, nên Hữu Thạo đón về nhà xưởng, bố trí chỗ ăn ở và đào tạo nghề điêu khắc. Kết quả sau 2 năm học nghề, hơn 15 em đã tiến bộ trong điêu khắc, có thu nhập khá và gắn bó với cơ sở.

Trân trọng xin tri ân sâu sắc đến chư tôn thiện đức Tăng Ni, quý Phật tử đã tin yêu và kính mong được chư vị luôn đồng hành cùng chúng tôi và đóng góp cho trang web: thienphuthao.com trở thành



**Ông NGUYỄN HỮU TÍN, Giám đốc
CÔNG TY TNHH SX-TM HOA TIỀN**

Công ty Hoa Tiên được thành lập từ năm 2006 tại Bình Dương, duyên lành sau gần 10 năm sản xuất và phát triển, công ty chúng tôi luôn được sự tin yêu và tín nhiệm của chư tôn thiện đức và Phật tử trong và ngoài nước.

Nhớ lại những ngày đầu mới thành lập, công ty còn non trẻ; chuyên sản xuất quà lưu niệm và các vật phẩm phục vụ quảng cáo và chế tác tượng mỹ thuật để trang trí vườn cây cảnh. Ba anh em chúng tôi đã nghiên cứu các mô hình tượng sản xuất trong nước và của Trung Quốc, Đài Loan cũng như Ấn Độ, Myanmar... từng bước sản xuất thử rồi sản xuất thực; sản xuất ban đầu tượng cỡ nhỏ 3 - 4 tấc, tượng cỡ trung và đến tượng cỡ đại 2 - 3 mét như các tôn tượng: Đức Phật, Tam Thánh, Thiên Thủ Thiên Nhãn, Tứ Đại Thiên Vương... với dáng nét đẹp mỹ thuật thuần Việt đáp ứng được yêu cầu của chư tôn đức để tôn trí tại các thiền viện, tự viện, tịnh xá, tịnh thất, v.v... góp phần thay thế các tượng chế tác ở Trung Quốc và Đài Loan, giá trị cao; thiết thực giảm phí chuyên chở đáng kể. Đồng thời, công ty tiếp cận ra thị trường để làm duyên lành của các Phật tử và rất vui khi được các vị chủ cửa hàng trong thành phố rất hoan hỷ và sẵn sàng ủng hộ trưng bày và tham gia bán đại trà...

Trên thực tế, việc chế tác ra một tôn tượng hoàn mỹ là một công việc vô vàn khó khăn, để tạo được một tôn tượng Phật đẹp, người thợ ngoài kỹ năng, tay nghề còn phải có một tấm lòng hướng về Phật pháp. Điều này phải xuất phát từ tư duy, nhận thức của nghệ nhân. Vì vậy, công ty tạo duyên lành với công nhân viên chế tác, qua việc công ty thỉnh mời chư tôn đức về giảng pháp ngay tại xưởng và kết thiện duyên quy y Tam bảo cho phần lớn anh chị em CNV công ty.

Đến nay những nỗ lực của anh chị em trong công ty cũng được đền đáp từ những sự tán thán, ngợi khen của chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử gần xa. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và xin bày tỏ lòng tri ân đến các vị đã ủng hộ sản phẩm của Công ty Hoa Tiên.



CÔNG TY CỔ PHẦN SINH HÓA QUỐC TẾ

NHÀ CUNG CẤP SƠN GỖ GỐC NƯỚC HÀNG ĐẦU

THE LEADING WATER-BASED WOOD PAINT SUPPLIER



Tel: 0917 337 500
www.biochem.vn

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ ymail.com



Hoà Tiên

CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

Showroom: BB3, Trường Sơn, Phường 15, Q.10, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

THAI BABOOKS
Phụng sự để dẫn đầu

www.thaibabooks.com

"Chúc mừng năm mới
xuân Bình Thân
2016"



Hà Nội:
119C5 Tô Hiệu, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

Tp.HCM:
- 533/9 Huỳnh Văn Bánh, P.14, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM
- Nhà sách Thái Hà - Đường sách Nguyễn Văn Bình, Q.1, Tp.HCM

pháp uyển
DHARMA GARDEN

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com

Công ty TNHH SX - TM **QUANG NGHỆ**
QUANG NGHỆ CO., LTD.
HẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lệ...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com



Ngô Phương Đức: STK: 76935619
Ngân hàng ACB - CN Bình Thạnh

Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273
Ngân hàng Agribank - CN Bến Thành

Việt An Restaurant **Chay**
Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ẩm cúng, thanh nhả và lịch sự

- **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...
- Giờ mở cửa:** Từ 6 giờ - 22 giờ
- Buổi sáng:** Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



- **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
- **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Kính Chúc Chư Tôn Thiền Đức, Quý Phật Tử Và Quý Khách Gần Xa
Một Năm Mới Vui Trọn Thái Tâm An Lạc Vạn Sự Như Ý!



Cơ sở điêu khắc gỗ

THIÊN PHÚ THẠO

08 37 18 18 18 - 01 666 000 666

69/5K, Mỹ Hòa I, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

Website: thienphuthao.com - Email: dkhuuthao@gmail.com

